

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH



**BÁO CÁO**  
**QUY HOẠCH CHUNG**  
**ĐÔ THỊ BẮC NINH**  
**Đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075**

Bắc Ninh, 07/2026

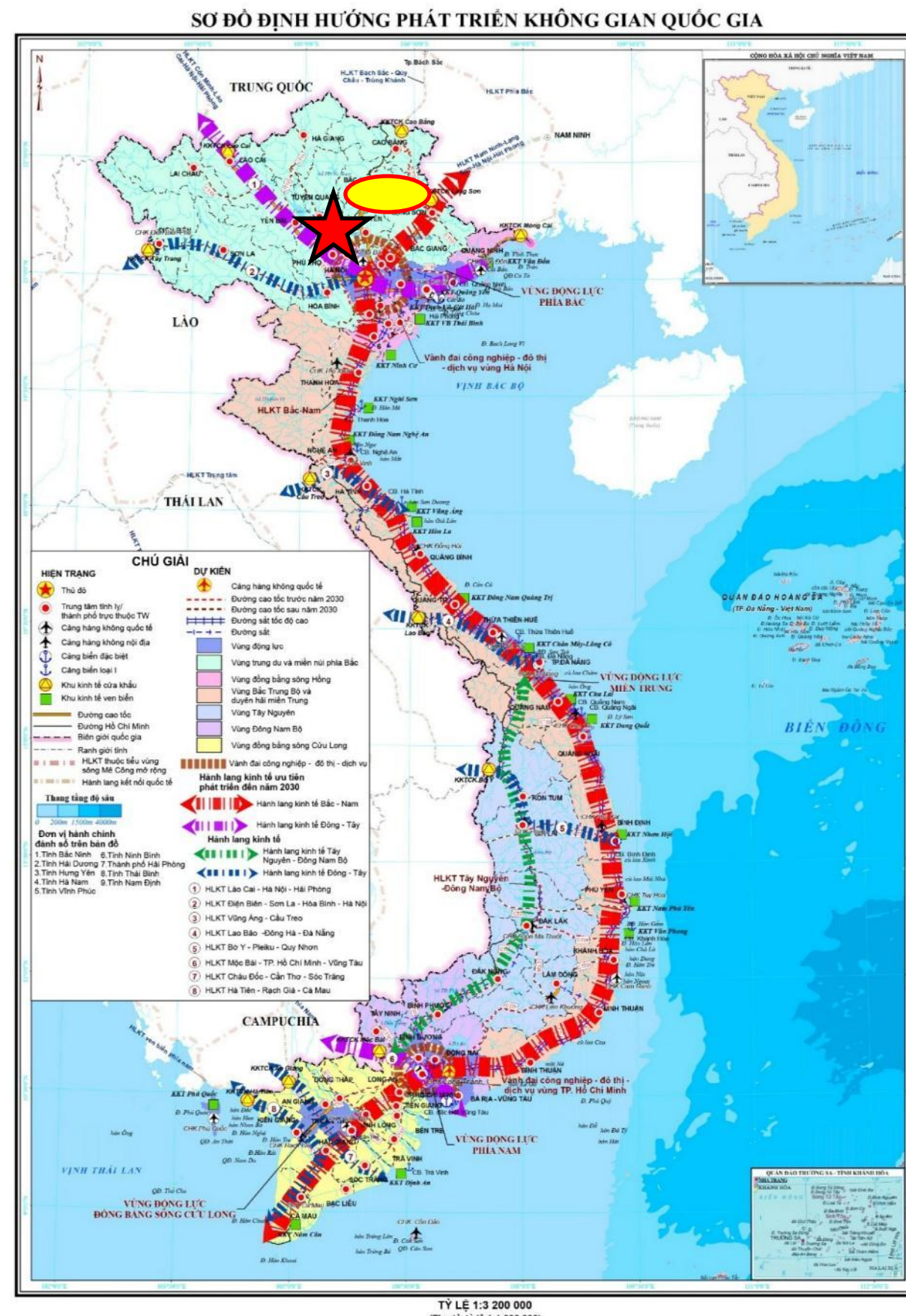


# PHẦN MỞ ĐẦU

## Sự cần thiết lập quy hoạch

- Thành lập tỉnh Bắc Ninh mới trên cơ sở hợp nhất Bắc Ninh và Bắc Giang, mở rộng không gian phát triển, quy mô dân số và kinh tế lớn, giữ vị trí chiến lược trong Vùng Thủ đô và các hành lang kinh tế quốc gia;
- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 21/11/2022 về phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng xác định Bắc Ninh là cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô, phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics, hạ tầng liên kết vùng; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số định hướng mô hình đô thị số của Bắc Ninh;
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, logistics và đô thị. Hình thành động lực mới từ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, tạo cơ hội phát triển trung tâm logistics và giao thương quốc tế;
- **Kết luận số 52-KL/TW ngày 20/6/2026 của Bộ Chính trị: thống nhất chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh.**
- Cụ thể hóa các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.
- **Nhiệm vụ của quy hoạch QHC đô thị Bắc Ninh đã được thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.**

**Như vậy, UBND tỉnh tổ chức lập QHC đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.**





# PHẦN MỞ ĐẦU

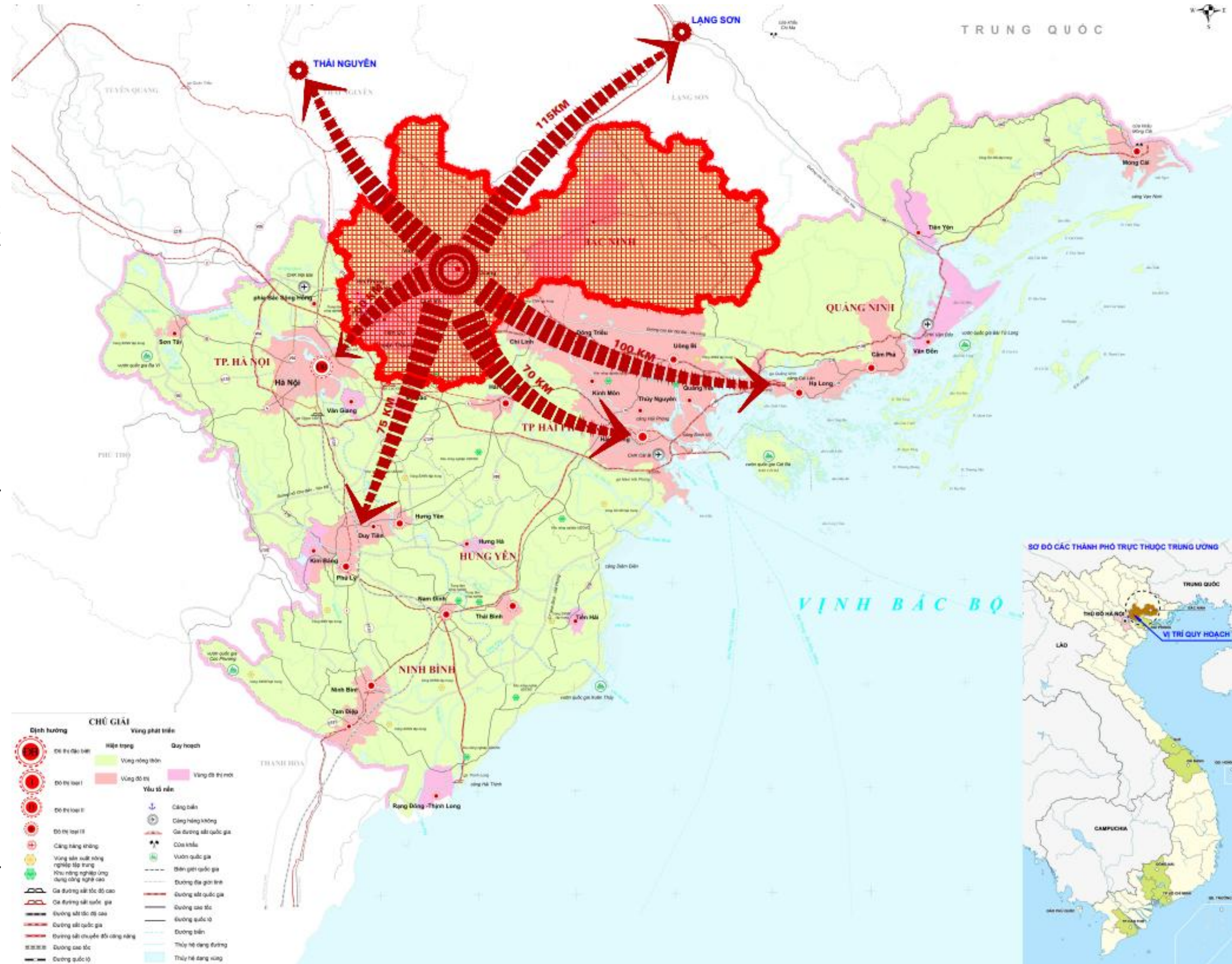
## Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng

Bắc Ninh là cực tăng trưởng của Vùng đô thị Hà Nội, trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ cao và logistics, đồng thời là nơi hội tụ nguồn lực của vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du, miền núi phía Bắc. Với động lực mới từ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, Bắc Ninh hướng tới trở thành đầu mối giao thông quốc tế quan trọng về hàng không, đường sắt và đường bộ, một trung tâm sản xuất, logistics và giao thương quốc tế của khu vực phía Bắc.

### Các mối liên hệ vùng

Không gian phát triển của Bắc Ninh gắn kết chặt chẽ với các địa phương lân cận trên năm nhóm liên hệ chủ yếu:

- Liên kết kinh tế – công nghiệp với Hà Nội và Hải Phòng, hình thành chuỗi giá trị điện tử – công nghệ cao – logistics ở cấp vùng quốc gia;
- Liên kết giao thông – hạ tầng kỹ thuật với Hà Nội và Hưng Yên qua hệ thống cao tốc, Vành đai 4, các quốc lộ 1, 18, 38 và đường sắt, ở cấp Vùng đô thị Hà Nội;
- Liên kết hành chính – quy hoạch với Hà Nội, Hưng Yên và Phú Thọ thông qua cơ chế phối hợp Vùng đô thị Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;
- Liên kết văn hóa – du lịch với Hà Nội, Hưng Yên và Quảng Ninh, gắn với dân ca Quan họ, lễ hội và du lịch tâm linh;
- Liên kết môi trường – sinh thái với Hưng Yên, Hải Phòng và Quảng Ninh theo lưu vực các sông Cầu – Đuống – Thái Bình.





# PHẦN MỞ ĐẦU

- Phạm vi, quy mô, thời hạn quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch chung:

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh, với 99 đơn vị hành chính cấp xã, phường (năm 2026).

- Quy mô quy hoạch:

- + Quy mô diện tích: Diện tích tự nhiên khoảng 4.718,60 km<sup>2</sup>.

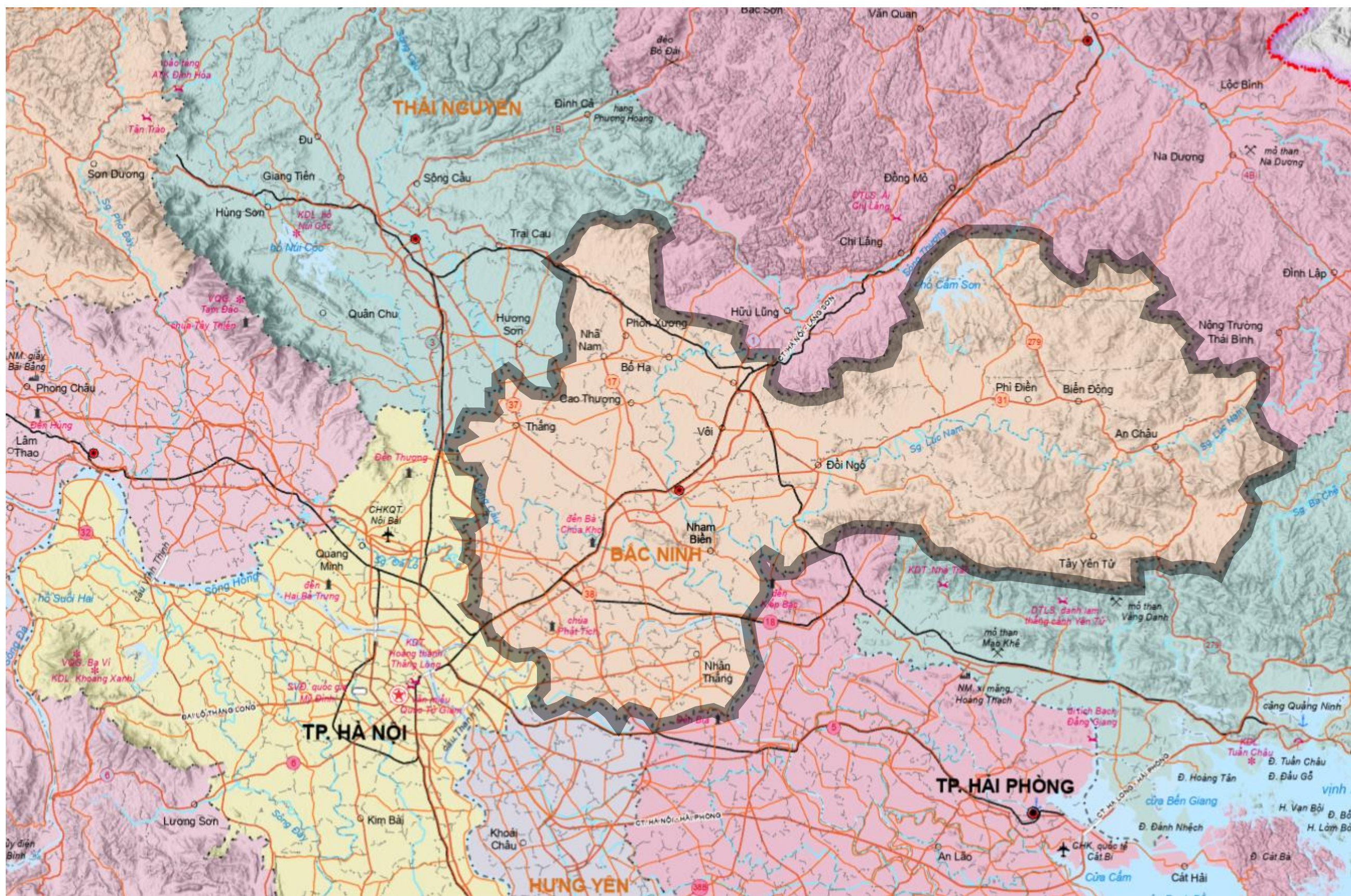
- + Quy mô dân số hiện trạng: Tổng dân số hiện trạng tỉnh Bắc Ninh tính đến tháng 4/2026 là 4.023.781 người.

- Thời hạn lập quy hoạch:

- + Ngắn hạn: Đến năm 2040, trong đó bao hàm một số chỉ tiêu phát triển cho giai đoạn năm 2030;

- + Dài hạn: Đến năm 2050;

- + Tầm nhìn: Đến năm 2075.





## • Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý chính

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 21/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- **Kết luận số 52-KL/TW ngày 20/6/2026 của Bộ Chính trị thống nhất chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh**
- Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;
- Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia
- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.
- Quyết định 891/QĐ-TTg việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;**
- Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông báo kết luận số 269-TB/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Bắc Ninh về nhiệm vụ Quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 theo báo cáo của Đảng ủy UBND tỉnh (tại Tờ trình số 587-TTr/ĐUUB ngày 21/5/2026).
- Và các căn cứ pháp luật khác có liên quan

**KẾT LUẬN**  
**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
**về chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc**  
**Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh**

Xem xét Tờ trình số 15-TTr/TU, ngày 19/5/2026 của Tỉnh uỷ Bắc Ninh xin chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Thống nhất chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh.

Tập trung phát triển thành phố Bắc Ninh là hình mẫu về thành phố xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, giàu đẹp, mang đậm bản sắc văn hoá Kinh Bắc. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu. Phát triển công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu; hình thành trung tâm công nghiệp điện tử, với trọng tâm là công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch, trí tuệ nhân tạo hàng đầu cả nước và trong khu vực. Hoàn thiện đồng bộ hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và đô thị thông minh, kết nối các trung tâm đô thị lớn với hạ tầng dịch vụ logistics, đa phương thức; phát triển hài hoà, cân đối giữa các địa phương trong thành phố. Xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, kỷ luật, kỷ cương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội, nâng cao chất lượng sống của Nhân dân, để người dân được thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

2. Giao Tỉnh uỷ Bắc Ninh phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, ý kiến hợp lý của các cơ quan để bổ sung, hoàn thiện Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng thời, khẩn trương hoàn thiện những nội dung còn thiếu, hoàn thiện hồ sơ công nhận đô thị loại I, trình Trung ương xem xét, quyết định (trường hợp đầy đủ hồ sơ trình Hội nghị Trung ương 3).

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Đảng uỷ các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ**



Trần Cẩm Tú

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 với các nội dung chính sau đây:**

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

Ranh giới có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam giáp các tỉnh Hưng Yên, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn;
- Phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên.

b) Phạm vi quy hoạch: Trên toàn bộ địa giới hành chính của tỉnh Bắc Ninh.

c) Quy mô lập quy hoạch:

Tổng diện tích tự nhiên lập quy hoạch khoảng 4.718,6 km<sup>2</sup> (theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh).

(Ranh giới, Quy mô lập quy hoạch sẽ được cụ thể trong quá trình nghiên cứu quy hoạch dựa trên các tài liệu, bản đồ và số liệu chính xác)

d) Thời hạn quy hoạch:

Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2040; giai đoạn dài hạn: đến năm 2050; tầm nhìn: đến năm 2075.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm:

- Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh được lập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch có liên quan; kế thừa định hướng cơ bản của quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, cũng như các quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt;

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đô thị Bắc Ninh; tổ chức không gian phát triển hợp lý giữa đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông thôn; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển đô thị với bảo tồn các giá trị văn hóa Kinh Bắc;



# ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

## Lịch sử phát triển đô thị Bắc Ninh

| STT | Giai đoạn             | Lịch sử phát triển   | Minh họa |
|-----|-----------------------|--|----------|
| 1   | >2.000 năm            | Trung tâm xứ Kinh Bắc, hình thành các đô thị cổ, cửa ngõ phía Bắc Thăng Long.          |          |
| 2   | Cuối TK XIX–đầu TK XX | Hình thành hạ tầng và đô thị hiện đại dưới thời Pháp.                                  |          |
| 3   | 1962–1997             | Thành lập tỉnh Hà Bắc, phát triển công nghiệp và đô thị.                               |          |
| 4   | 1997–2024             | Tái lập hai tỉnh, bứt phá công nghiệp hóa, đô thị hóa.                                 |          |
| 5   | Từ 2025               | Hợp nhất thành tỉnh Bắc Ninh mới, tạo động lực phát triển đô thị trực thuộc Trung ương |          |



# HIỆN TRẠNG TỰ NHIÊN

## • Phân vùng các lớp địa hình

- Địa hình đa dạng, phức tạp, bao gồm 3 phân chính:

+ **Vùng trung du và miền núi:** phía Bắc và phía Đông.

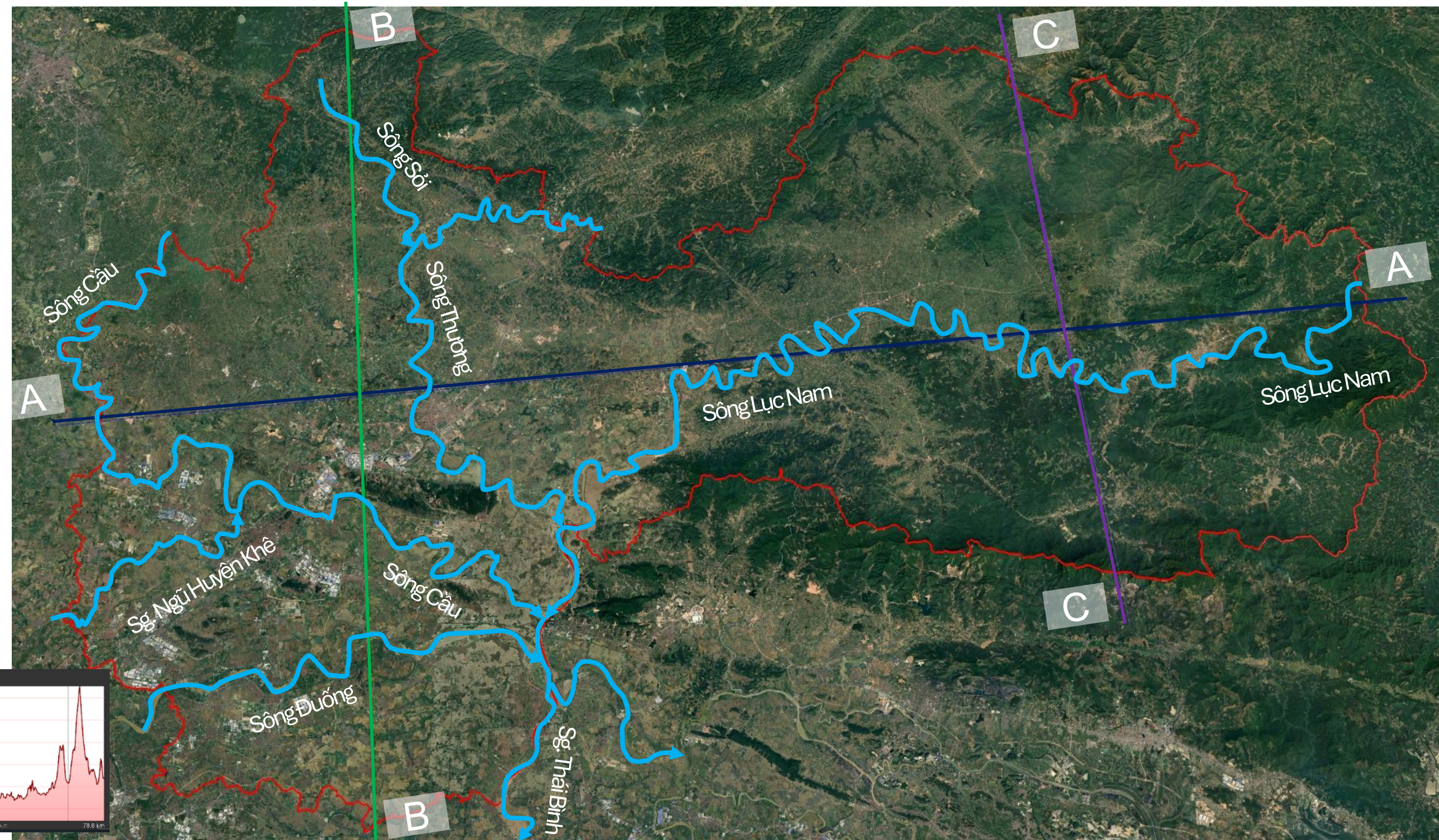
+ **Vùng xen kẽ đồng bằng:** trung tâm tỉnh.

+ **Vùng đồng bằng:** phía Tây và phía Nam.

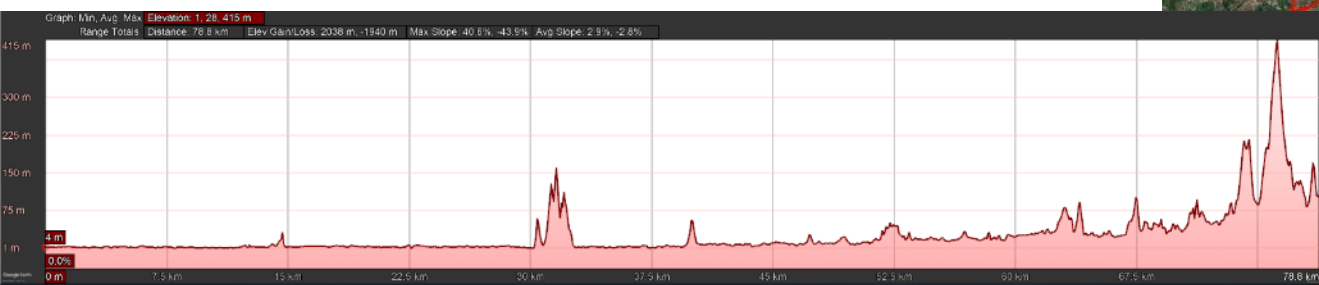
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít chịu ảnh hưởng thiên tai, thuận lợi phát triển nền kinh tế đa thành phần.

- Thủy văn: chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn các sông lớn chảy qua:

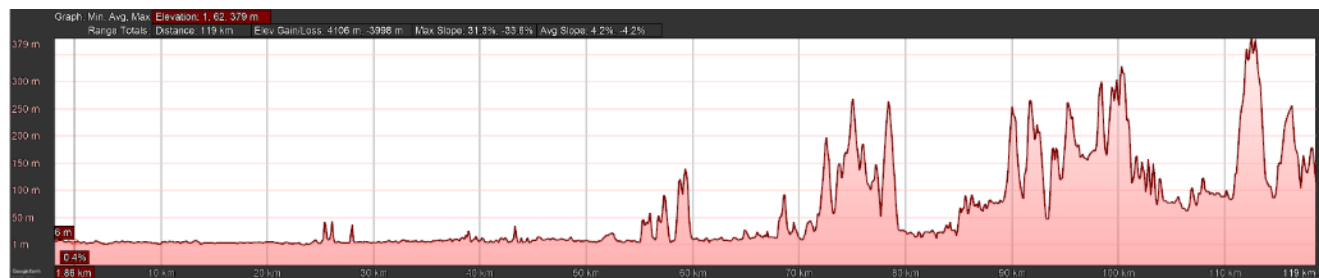
Sông Cầu. Sông Thương. Sông Đuống. Sông Lục Nam, sông Thái Bình.



Mặt cắt địa hình A-A



Mặt cắt địa hình B-B



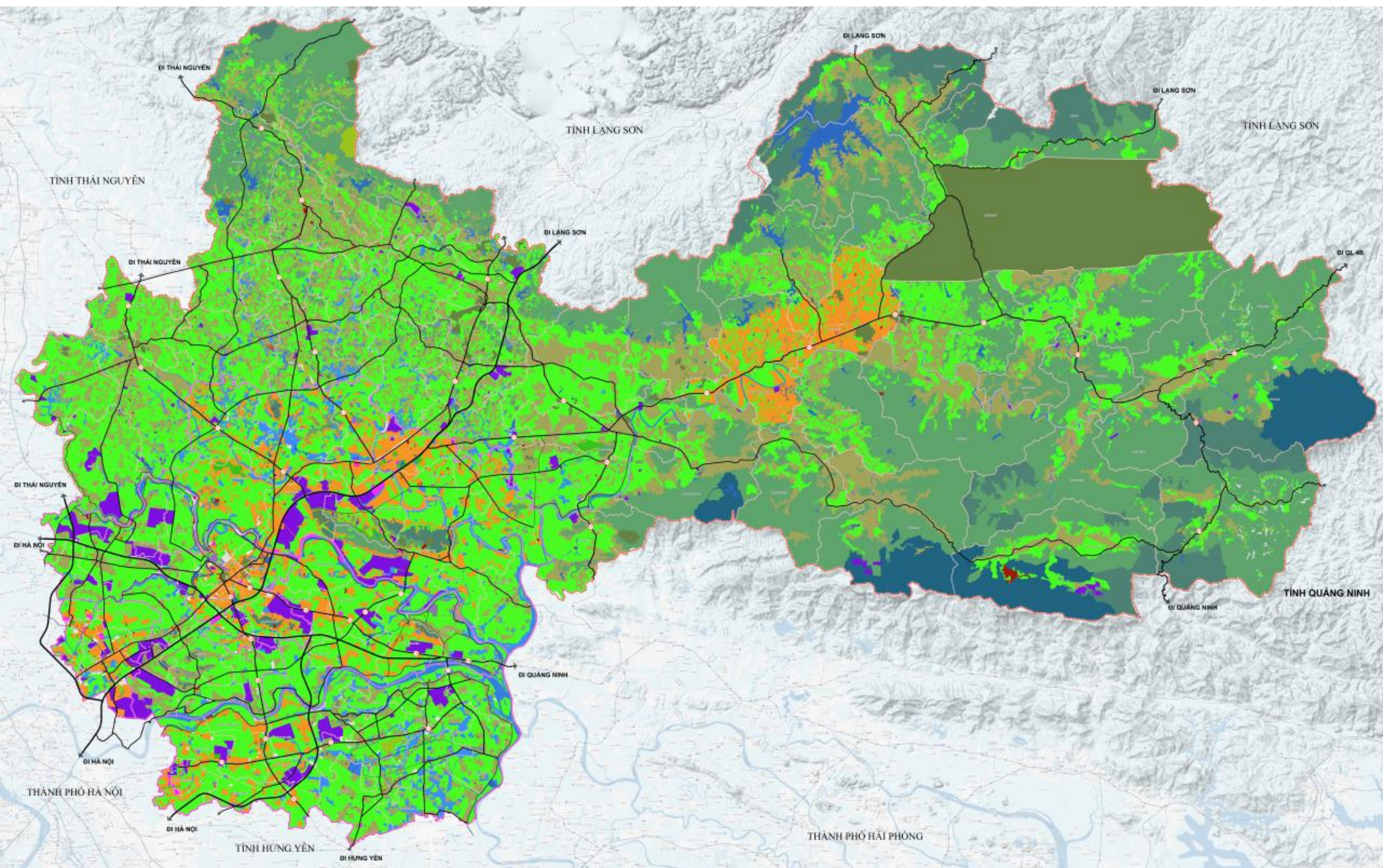
Mặt cắt địa hình C-C





# TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG

## • Dân cư, sử dụng đất, kinh tế, xã hội



### DÂN SỐ THẤP NHẤT

Xã Vân Sơn  
6.110 người



### DÂN SỐ LỚN NHẤT

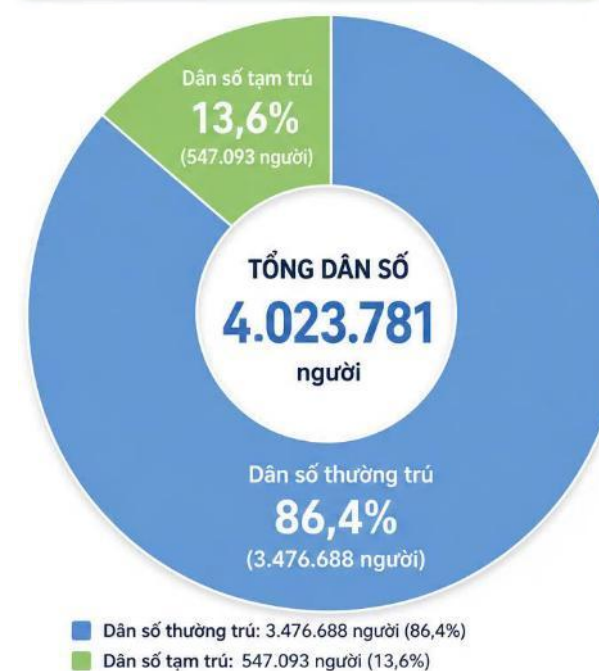
Phường Nính  
183.562 người



### TĂNG TRƯỞNG DÂN SỐ

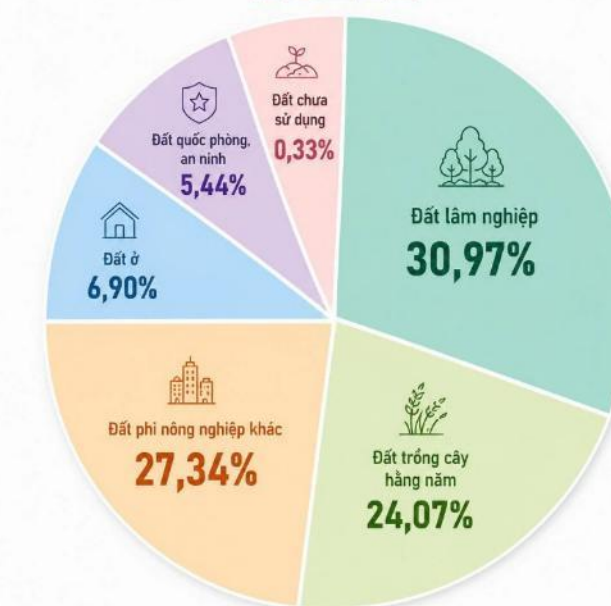
• Tăng bình quân: 1,8 – 2,5%/năm

• Tăng tự nhiên: 1,1 – 1,3%/năm



- Đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ đạo (72,33%); trong đó: Đất lâm nghiệp (30,97%) và đất trồng cây hàng năm (24,07%) chủ yếu là đất trồng lúa (21,51%).
- Đất phi nông nghiệp chiếm 27,34%; trong đó đất ở (6,90%);
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (2,74%);
- Đất quốc phòng, an ninh (5,44%);
- Đất giao thông (5,32%).

### CƠ CẤU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025



- Công nghiệp chế biến-chế tạo: Động lực tăng trưởng chủ yếu.
- Dịch vụ - thương mại: Phát triển nhanh, hỗ trợ sản xuất và đô thị hóa.
- Nông nghiệp: Chuyển dịch theo hướng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng.
- Hạ tầng xã hội: Hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được củng cố, còn dư địa nâng cấp.
- Tiềm năng: Trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ hiện đại của vùng, đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới kinh tế quốc gia và khu vực.

- **Phát triển công nghiệp – dịch vụ:** Các khu công nghiệp tập trung chủ yếu tại phía Nam và Tây Nam, bám theo các trục giao thông chính.
- **Nông nghiệp và kinh tế sinh thái:**
  - Quỹ đất nông nghiệp còn lớn, phân bố liên tục ở vùng chuyển tiếp giữa đô thị và miền núi.
  - Có tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và chế biến nông sản.
  - Vùng rừng và hồ chứa tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái và kinh tế lâm nghiệp



# RÀ SOÁT CÁC QUY HOẠCH HIỆN HÀNH

## • Hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn Bắc Ninh

### 28

#### Đồ án Quy hoạch Chung Đô thị

5 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  
23 do UBND tỉnh phê duyệt.

### 92%

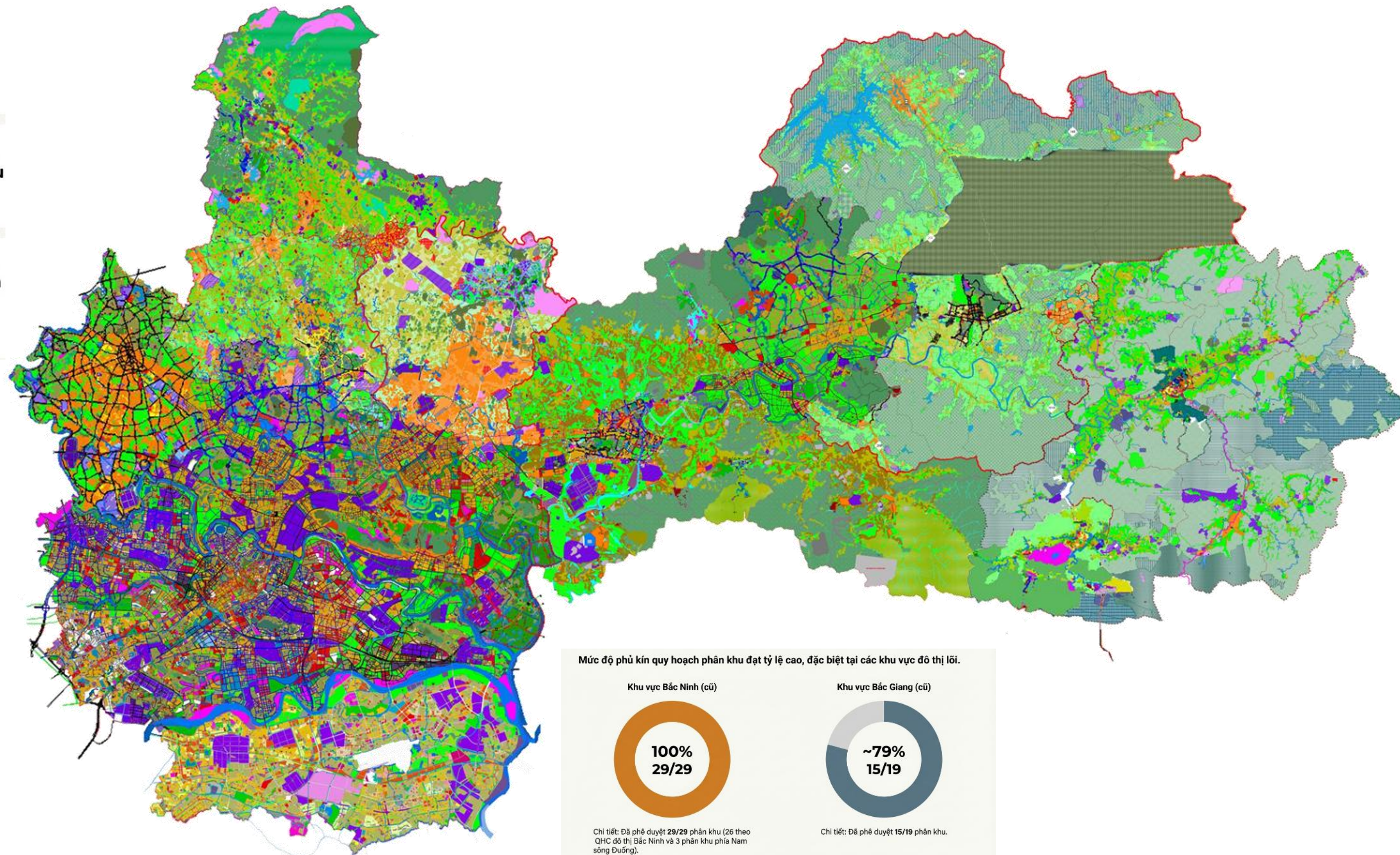
#### Tỷ lệ phủ kín Quy hoạch Phân khu

Đã phê duyệt 44 / 48 đồ án.

### 100%

#### Xã có Quy hoạch

132 / 132 xã (theo địa giới cũ) đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn.



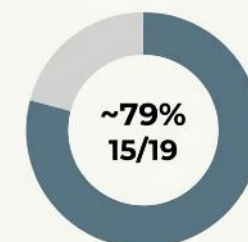
Mức độ phủ kín quy hoạch phân khu đạt tỷ lệ cao, đặc biệt tại các khu vực đô thị lõi.

Khu vực Bắc Ninh (cũ)



Chi tiết: Đã phê duyệt 29/29 phân khu (26 theo QHC đô thị Bắc Ninh và 3 phân khu phía Nam sông Đuống).

Khu vực Bắc Giang (cũ)



Chi tiết: Đã phê duyệt 15/19 phân khu.

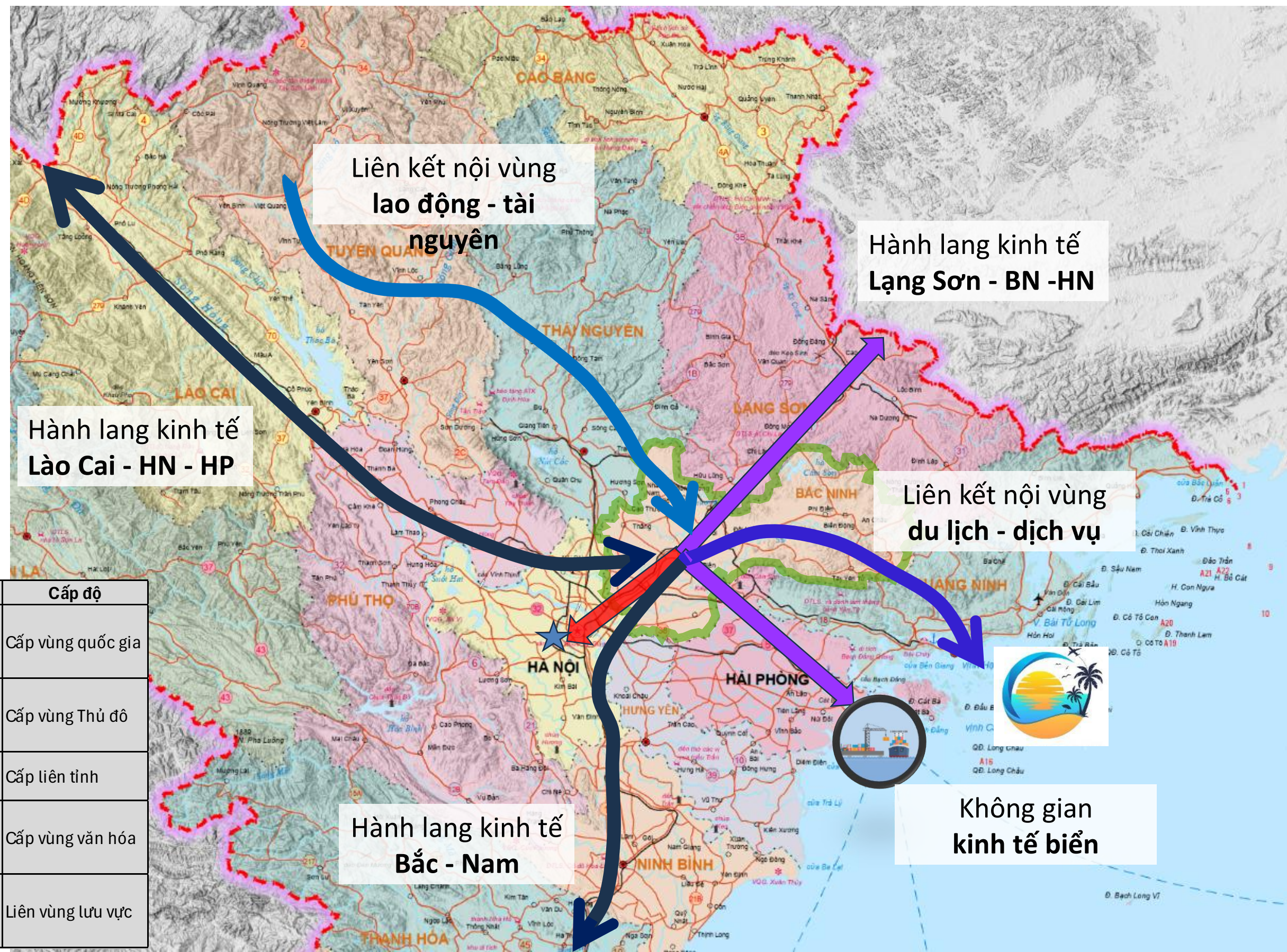
Ghi chú: 4 đồ án QHPK còn lại chưa lập thuộc đô thị Hiệp Hòa (03) và đô thị Chí (01).



# TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

## Mối liên hệ vùng tỉnh Bắc Ninh và các không gian kinh tế quan trọng

- Tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập là tỉnh lớn, trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ cao của vùng Thủ đô Hà Nội
- Tương lai là đầu mối giao thông quốc tế quan trọng về hàng không, đường sắt, đường bộ; trung tâm sản xuất, logistics và là nơi hội tụ nguồn lực của vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi phía Bắc.
- Tầm nhìn của TƯ và của Tỉnh:  
**Bắc Ninh trở thành đô thị trực thuộc Trung Ương trước năm 2030.**



| Nhóm liên hệ                  | Địa phương chính                          | Đặc trưng liên kết                                | Cấp độ            |
|-------------------------------|---|---|-------------------|
| Kinh tế - công nghiệp         | Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng               | Chuỗi giá trị điện tử - công nghệ cao - logistics | Cấp vùng quốc gia |
| Giao thông - hạ tầng kỹ thuật | Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên                | Cao tốc, vành đai 4, QL1, QL18, QL38, đường sắt   | Cấp vùng Thủ đô   |
| Hành chính - quy hoạch        | Hà Nội, Hưng Yên, Phú Thọ                 | Cơ chế phối hợp vùng Thủ đô & KTTĐ Bắc Bộ         | Cấp liên tỉnh     |
| Văn hóa - du lịch             | Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Ninh    | Quan họ - lễ hội - du lịch tâm linh               | Cấp vùng văn hóa  |
| Môi trường - sinh thái        | Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh | Lưu vực sông Cầu - Đuống - Thái Bình              | Liên vùng lưu vực |



# TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

- Vị trí và vị thế đô thị trong hệ thống đô thị quốc gia, vùng

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

### 1. Phân vùng kinh tế - xã hội, định hướng phát triển và liên kết vùng

#### a) Phân vùng kinh tế - xã hội

Tổ chức không gian phát triển đất nước thành 06 vùng kinh tế - xã hội; xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng để thực hiện liên kết nội vùng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Vùng trung du và miền núi phía Bắc gồm 9 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La;

- Vùng đồng bằng sông Hồng gồm 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, **Bắc Ninh**, Quảng Ninh;

- Vùng Bắc Trung Bộ gồm 5 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế;

### 2. Phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia

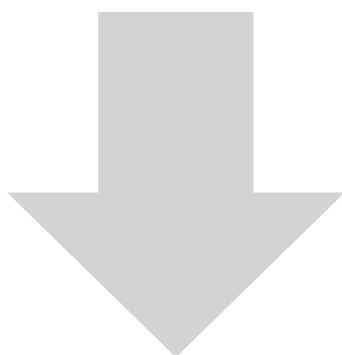
Lựa chọn một số địa bàn có điều kiện thuận lợi nhất trên các vùng để hình thành các vùng động lực quốc gia, bao gồm:

#### a) Vùng động lực phía Bắc

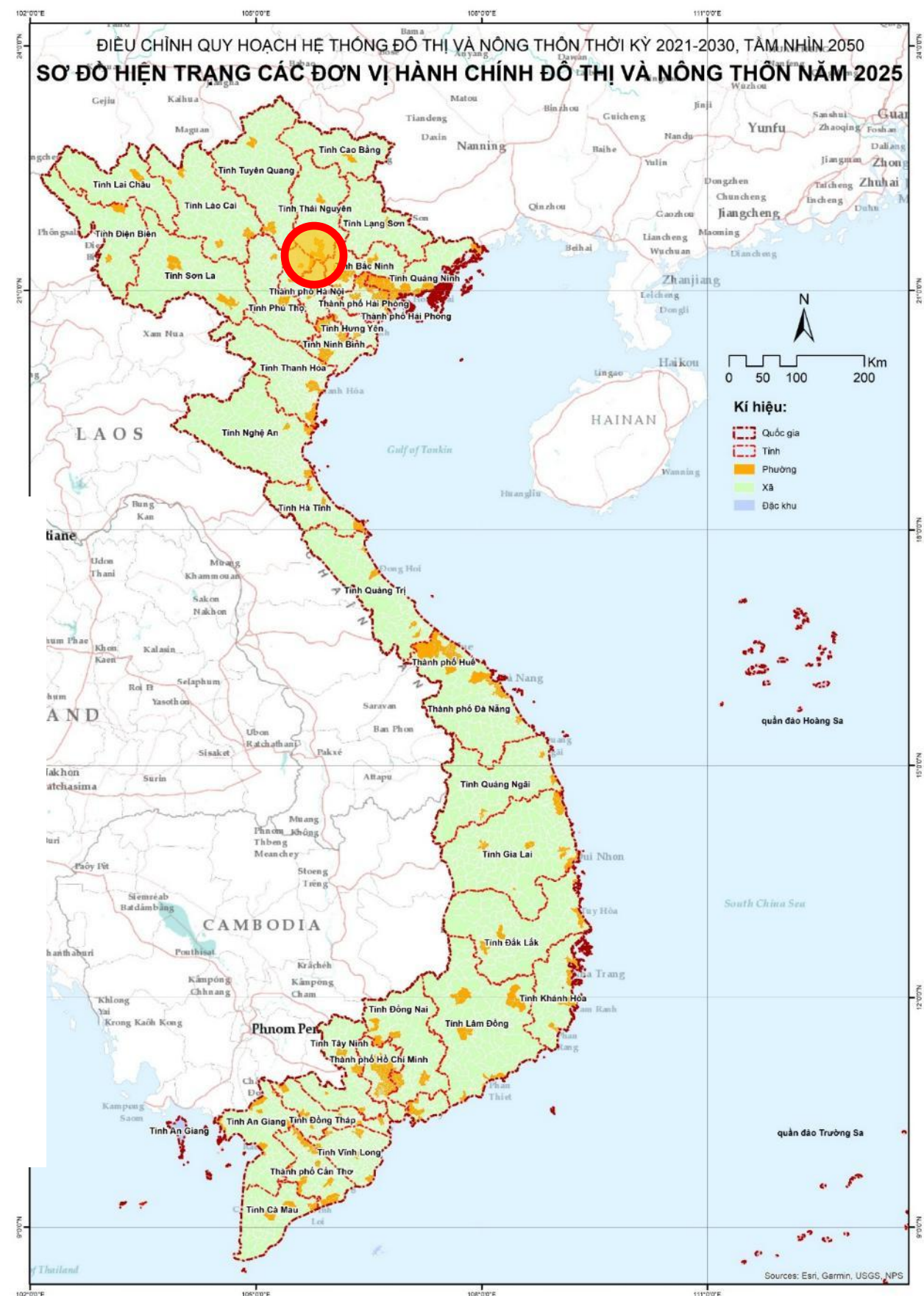
Phát triển vùng động lực phía Bắc bao gồm Thành phố Hà Nội và các địa bàn gắn với các tuyến đường vành đai 4, Vành đai 5, các trục quốc lộ 5, quốc lộ 18, các cao tốc CT01, CT04, CT05, CT07, CT09 qua thành phố Hải Phòng và các tỉnh **Bắc Ninh**, Thái Nguyên, Phú Thọ, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh; trong đó, Thành phố Hà Nội là cực tăng trưởng. Trong giai đoạn sau năm 2030, nghiên cứu mở rộng phạm vi của vùng động lực.

Xây dựng vùng động lực phía Bắc đi đầu trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; phát huy vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của quốc gia. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao; các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển nhanh công nghiệp công nghệ số và các ngành công nghiệp mới nổi. Phát triển khu vực ven biển trở thành trung tâm kinh tế biển với các ngành vận tải biển và dịch vụ cảng biển, du lịch biển - đảo và công nghiệp đóng tàu; phát triển khu thương mại tự do và các loại hình khu chức năng theo mô hình mới phù hợp với xu thế chung của thế giới, có môi trường hấp dẫn vượt trội để tạo động lực phát triển mới.

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050



**Bắc Ninh - Tỉnh tiên phong trong cải cách thể chế, đầu tư hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, nguồn nhân lực để trở thành đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương**





# TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

## • Động lực phát triển nội tại

### CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ

#### GIA BÌNH và TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI SÂN BAY GIA BÌNH VÀ HÀ NỘI

- Quy mô, cấp sân bay: 4F.
- Công suất quy hoạch: khoảng 30 triệu hành khách/năm thời kỳ 2021-2030; khoảng 50 triệu hành khách/năm tầm nhìn đến năm 2050.
- Diện tích đất dự kiến: khoảng 1.960 ha
- Lộ giới: 120 m, song hành cùng đường sắt vùng tốc độ cao, đường sắt đô thị



### KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NHÂN LỰC

Tích cực thu hút và xây dựng cơ sở cho các trường đại học lớn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.



### CÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN

Quy hoạch phát triển hơn 50 khu công nghiệp, trong đó hiện có hơn 20 khu công nghiệp đang hoạt động. Gần 25.000 doanh nghiệp đang hoạt động, Tỷ lệ lao động có trình độ cao đạt 20-25%.



### VĂN HOÁ – DI SẢN

Bắc Ninh – Kinh Bắc: Nền tảng 4 Di sản Thế giới và gần 1.300 di tích đang được chuyển hóa thành động lực mới cho phát triển Du lịch văn hóa, Kinh tế và Công nghiệp văn hóa

Dân ca Quan họ (2009), Ca trù (2009), Nghi lễ và trò chơi kéo co (2015), Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (2016).



### XU HƯỚNG ĐÔ THỊ HOÁ TẬP TRUNG QUY MÔ LỚN, KHẢ THI CAO

Tổng số **42** khu đô thị lớn, với diện tích **4.231Ha**, Tổng vốn đầu tư ước khoảng **470.400 tỷ đồng** (Tương đương khoảng **18 tỷ USD**)

Ttong đó: Số Khu đô thị đã chấp thuận chủ trương đầu tư: 20 dự án, tổng diện tích 1.667Ha, tổng mức đầu tư: 188.349 tỷ đồng (Tương đương **7,25 tỷ USD**)





# ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

- **Tầm nhìn, mục tiêu, tính chất**

## ➤ **Tầm nhìn**



*“Trở thành đô thị bền vững mang tầm vóc quốc tế, siêu đô thị với quy mô trên 10 triệu dân, có quy mô không gian và hệ thống hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện, hiện đại, hướng tới chất lượng sống cao; là đô thị kiến tạo, nền tảng cho tương lai phát triển thịnh vượng”*

## ➤ **Mục tiêu**

### **Đến năm 2030**

Trở thành đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm công nghiệp, cửa ngõ logistics đa phương thức quốc tế, có bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

### **Đến năm 2040**

Thành phố có nền kinh tế cân bằng giữa công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ, logistics liên hoàn hàng đầu khu vực, hệ thống đô thị với hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại, vận hành dựa trên đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện

### **Đến năm 2050**

Thành phố đáng sống đẳng cấp Châu Á, đầu tàu kinh tế động lực quốc gia; hình mẫu về kinh tế xanh và quản trị đô thị bền vững, có văn hóa nổi bật và di sản văn hóa Kinh Bắc tỏa sáng.



## ➤ **Tính chất đô thị**

- Đô thị loại I, TP trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng vùng đô thị Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.
- Trung tâm giao thông, logistics, công nghiệp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.
- Đô thị văn hóa Kinh Bắc, hài hòa giữa di sản và sinh thái.
- Cửa ngõ chiến lược phía Đông Bắc Hà Nội, giữ vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.



# DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

## • Dự báo quy mô dân số

**2030**

**4.95 triệu người**

trong đó dân số thường trú khoảng 4,065 triệu người

**2040**

**7,3-7,5 triệu người**

trong đó dân số thường trú khoảng 6,7 triệu người

**2050**

**8,2 - 8,5 triệu người**

trong đó dân số thường trú khoảng 7,4 triệu người

### Quy mô khách du lịch:

- Đến năm 2030: Khoảng 9,0 - 10,0 triệu lượt khách.
- Đến năm 2040: Khoảng 15,0 - 16,0 triệu lượt khách.
- Đến năm 2050: Khoảng 19,0 - 20,0 triệu lượt khách.
- Tầm nhìn đến năm 2075: Khoảng 35,0 triệu lượt khách (trong đó khách du lịch nội địa khoảng 28,0 triệu lượt, khách quốc tế khoảng 7,0 triệu lượt).

*Số khách du lịch chưa bao gồm khách trung chuyển qua cảng hàng không quốc tế Gia Bình*

### Ghi chú:

- Dân số theo ý kiến của Sở Nội vụ năm 2025 là 3.989.623 người
- Dân số đã có quy hoạch phê duyệt khoảng 6,406 triệu người, bao gồm: Các QHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ 2023-2025 khoảng 4.556 nghìn người; Các QHPK áp dụng theo NQ 66.1 khoảng 1.850 nghìn người.
- Dân số khác khoảng 1.154 nghìn người.



# CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

## • Đất đai và hạ tầng kỹ thuật

### - Chỉ tiêu sử dụng đất dự kiến:

- + Đất đơn vị ở hiện trạng (chỉ tiêu theo từng khu vực);
- + Đất đơn vị ở xây mới, chỉ tiêu 28- 55 m<sup>2</sup>/người; Khoảng 12.000 - 20.000 ha;
- + Đất dịch vụ - công cộng đô thị, chỉ tiêu  $\geq 3$  m<sup>2</sup>/người; Khoảng 3.000 – 4.000 ha;
- + Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị, chỉ tiêu  $\geq 8$  m<sup>2</sup>/người; Khoảng 5.000 – 6.800 ha;

### - Nhu cầu sử dụng đất:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng khoảng 120.000 - 130.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 40.000 - 42.000 ha)
- Đến năm 2040: Đất xây dựng khoảng 160.000 - 190.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 65.000 - 70.000 ha)
- Đến năm 2050: Đất xây dựng khoảng 220.000 - 235.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 75.000 - 80.000 ha)

### - Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- + Giao thông: Tính đến đường chính chiếm 6-13% tỷ lệ đất xây dựng, mật độ 2-4 km/km<sup>2</sup>;
- + Cao độ nền và thoát nước mặt: Diện tích hồ điều hòa > 1% đất xây dựng.
- + Cấp nước: 120-180 l/người/ ngày
- + Cấp năng lượng và chiếu sáng: 500-700 w/người
- + Thông tin, truyền thông: 100% phủ sóng dịch vụ
- + Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang: Thu gom xử lý 100% nước thải, rác thải đô thị và nông thôn; đủ nhu cầu nghĩa trang và nhà tang lễ cho đô thị.

# NỘI DUNG

01

## MỞ ĐẦU

- Sự cần thiết lập quy hoạch
- Phạm vi, quy mô, thời hạn lập quy hoạch
- Cơ sở pháp lý chính

02

## HIỆN TRẠNG

- Lịch sử phát triển
- Hiện trạng tự nhiên
- Hiện trạng dân cư, sử dụng đất, kinh tế, xã hội
- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật
- Rà soát quy hoạch

03

## DỰ BÁO

- Tiềm năng, động lực phát triển
- Tầm nhìn, mục tiêu, tính chất
- Dự báo
- Chiến lược phát triển

04

## ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN

- Mô hình và cấu trúc
- Định hướng phát triển không gian
- Tổ chức khu chức năng, khu vực trọng tâm phát triển
- Thiết kế đô thị
- Sử dụng đất quy hoạch

05

## HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Định hướng giao thông
- Định hướng chuẩn bị kỹ thuật
- Định hướng cấp nước
- Định hướng cấp điện, năng lượng và chiếu sáng
- Định hướng thông tin, truyền thông

06

## KẾT QUẢ QUY HOẠCH

- Định hướng giao thông
- Định hướng chuẩn bị kỹ thuật
- Định hướng cấp nước
- Định hướng cấp điện, năng lượng và chiếu sáng
- Định hướng thông tin, truyền thông



# Đô thị nghìn năm Kinh Bắc

Nghìn năm văn hiến hun đúc — kết tinh thành đô thị tri thức cho nghìn năm tới.

*The Millennium City of Kinh Bắc — where heritage becomes knowledge.*

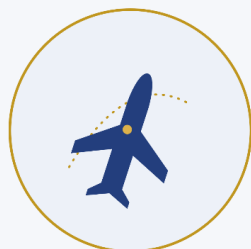
Cụ thể hóa định hướng Kết luận 52-KL/TW: “hình mẫu về thành phố xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, giàu đẹp, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc”.

- Đưa chiều sâu văn hiến trở thành sức mạnh tri thức: xây dựng Bắc Ninh thành đô thị tầm vóc quốc gia, cửa ngõ quốc tế — xanh, thông minh, hiện đại, giàu bản sắc.



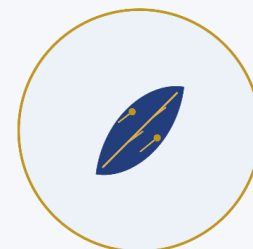
## 1 Đô thị tầm vóc quốc gia

- Cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc và cả nước; biểu tượng phát triển của kỷ nguyên mới.
- Trung tâm hành chính – văn hóa xứng tầm thành phố trực thuộc Trung ương.



## 2 Cửa ngõ quốc tế

- Cảng HKQT Gia Bình (cấp 4F) và khu thương mại tự do — kết nối Bắc Ninh trực tiếp với thế giới.
- Đô thị sân bay: thương mại, hội chợ – triển lãm, dịch vụ và logistics hàng không.



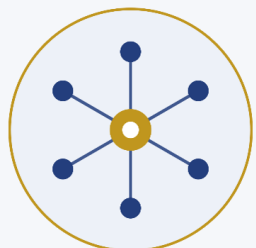
## 5 Đô thị xanh – thông minh

- Hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh trên bộ khung sông Cầu – sông Đuống; nông nghiệp đô thị.
- Vận hành bằng dữ liệu (giao thông, môi trường, năng lượng); hướng tới phát thải ròng bằng “0”.



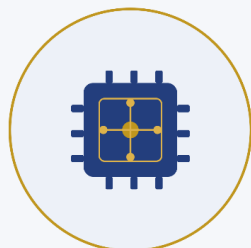
## 6 Đô thị văn hóa

- Di sản, lễ hội, làng nghề sống động trong đời sống đương đại; phát triển công nghiệp văn hóa.
- Du lịch văn hóa, thể thao xứng tầm; công viên chuyên đề, du lịch nông nghiệp, nghỉ dưỡng.



## 3 Đầu mối liên kết vùng

- Giao điểm hai hành lang kinh tế Hà Nội – Lạng Sơn và Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh.
- Kết nối cảng biển, cửa khẩu và Thủ đô bằng mạng lưới logistics đa phương thức.



## 4 Trung tâm công nghiệp tri thức

- Từ gia công, lắp ráp vươn lên bán dẫn, vi mạch, trí tuệ nhân tạo (AI).
- Cụm nghiên cứu – đào tạo Nam sông Cầu: đại học, R&D, nhân lực chất lượng cao.



## 7 Đô thị đáng sống

- Nhà ở phù hợp khả năng chi trả; dịch vụ đô thị chất lượng; giữ chân người lao động, thu hút nhân tài.
- Chăm lo mọi thế hệ, phát triển kinh tế bạc; người dân thụ hưởng thành quả phát triển.



## 8 Đô thị an toàn, thích ứng khí hậu

- Hành lang thoát lũ, cao độ nền xây dựng an toàn, sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Bảo đảm quốc phòng, an ninh; sẵn sàng ứng phó các tình huống khẩn cấp.



## Ngành công nghiệp phát triển, đặt ra bài toán mới về cấu trúc không gian

Ba nhóm vấn đề then chốt rút ra từ đánh giá hiện trạng phát triển và những chuyển biến lớn của bối cảnh.

### a Công nghiệp phát triển & giới hạn mô hình

- Ba lợi thế cốt lõi: gần sân bay Nội Bài; chuyên gia đi lại trong ngày từ Hà Nội; địa hình cao, không ngập.
- Chất lượng môi trường sống chưa tương xứng với thành công công nghiệp — mặt trái cần khắc phục.
- Cần chuyển từ “đi lại từ Hà Nội” sang “sinh sống tại Bắc Ninh” để giữ chân nhân lực trẻ.

### b Cấu trúc không gian hiện hữu

- Công nghiệp phân tán dạng “mosaic”: nhẹ tải giao thông, dễ phát triển theo giai đoạn, song hạn chế về môi trường và hiệu quả hạ tầng.
- Hai cực đô thị (Bắc Giang – hành chính; Kinh Bắc – kinh tế) sức hút còn hạn chế; chưa hình thành hiệu ứng tích tụ.
- Hạ tầng khung dạng “cây” trên trục Bắc – Nam: dễ quá tải nếu không tăng cường xương sống và bổ sung vành đai.

### c Bối cảnh phát triển mới

- Cảng HKQT Gia Bình đang được xây dựng — cần mạng lưới giao thông vùng để lan tỏa giá trị kinh tế.
- Đường sắt đô thị đang phát triển tại Hà Nội — đầu tư theo nguyên tắc “lựa chọn và tập trung”.
- Mạng lưới du lịch hình thành ở vùng đồi núi Đông Bắc, tiếp giáp Quảng Ninh.

- Mô hình phát triển hiện nay đã dần tới hạn — cần một bộ khung không gian mới để tiếp tục bứt phá.



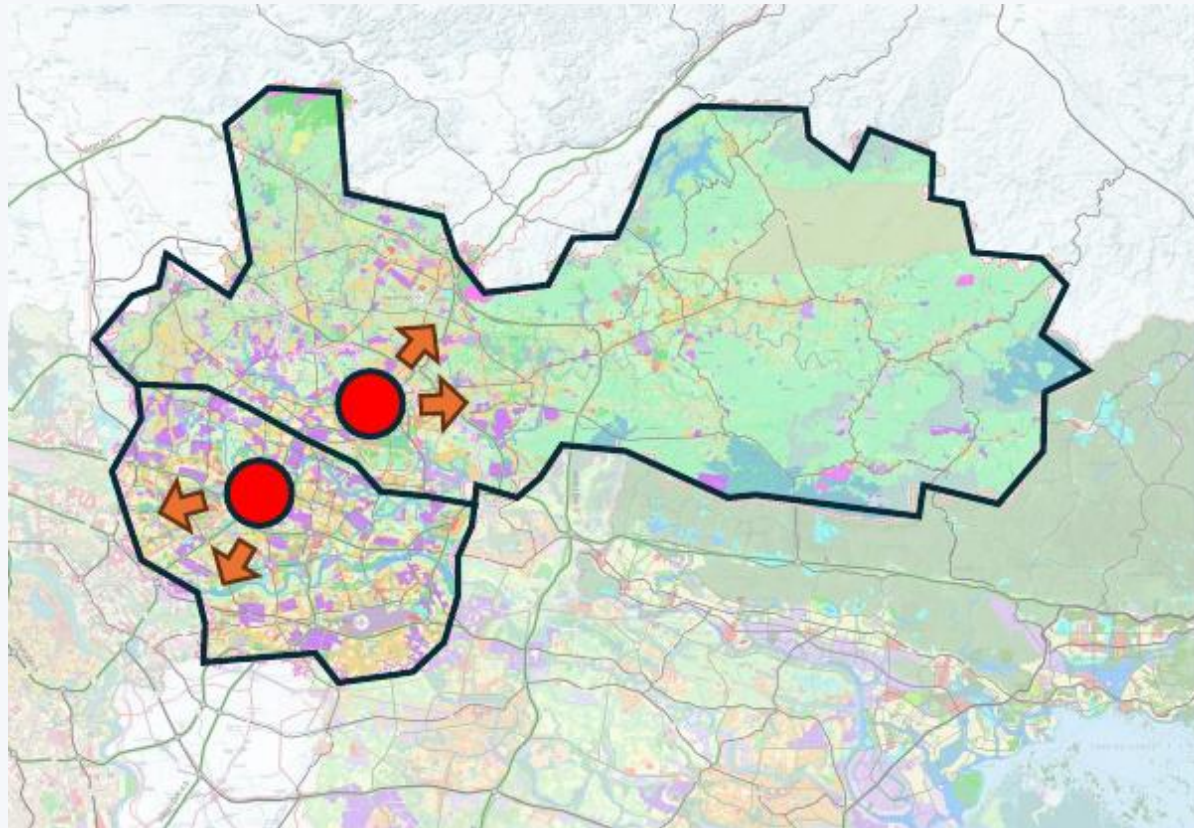
# MÔ HÌNH VÀ CẤU TRÚC ĐÔ THỊ

- Liên kết các trung tâm đô thị

## Sau hợp nhất, tăng trưởng chuyển hướng về “trọng lực” giữa hai trung tâm

Trước hợp nhất, hai không gian đô thị mở rộng riêng rẽ; sau hợp nhất, tăng trưởng hướng về vùng giữa rồi lan ra xung quanh.

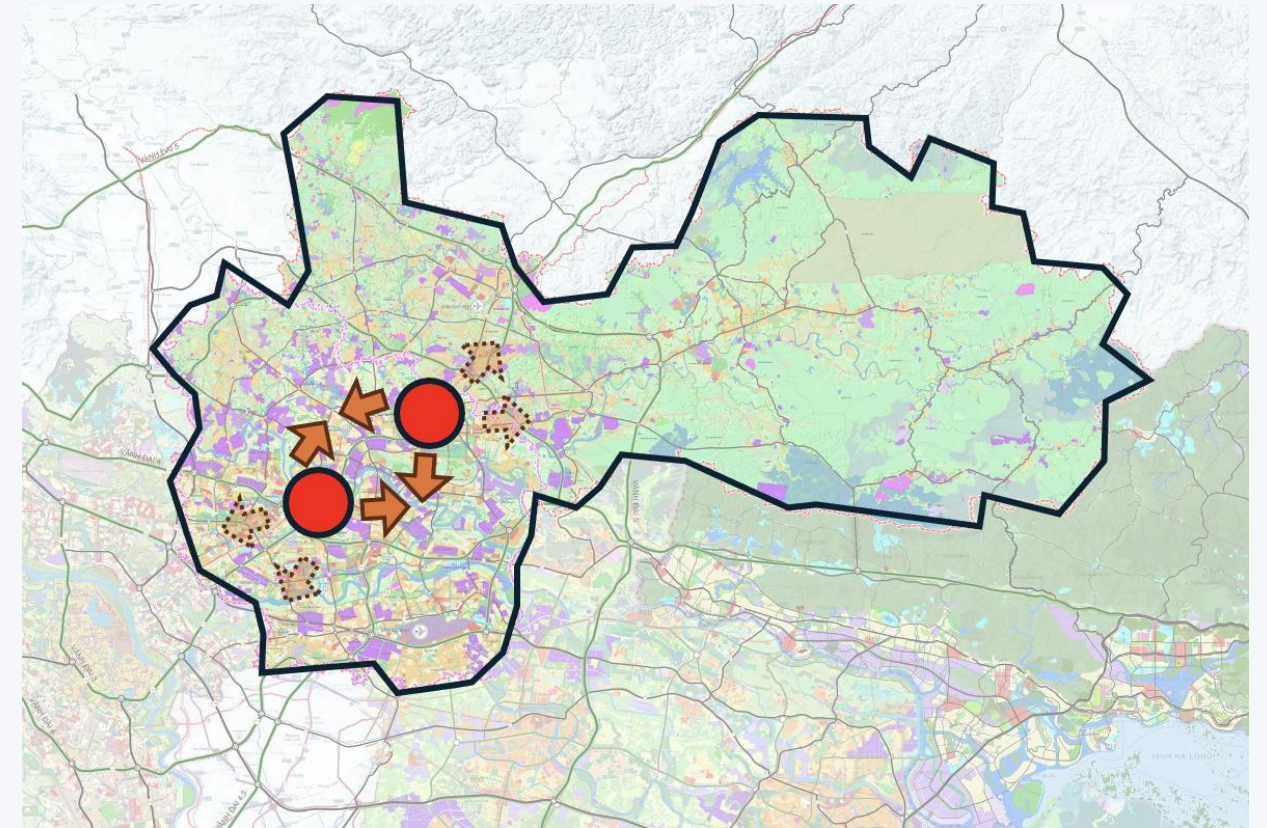
### TRƯỚC HỢP NHẤT



Hai không gian đô thị mở rộng riêng rẽ trong phạm vi từng tỉnh.



### SAU HỢP NHẤT



Trước mắt hướng về trọng lực giữa hai trung tâm, sau đó mở rộng ra xung quanh.



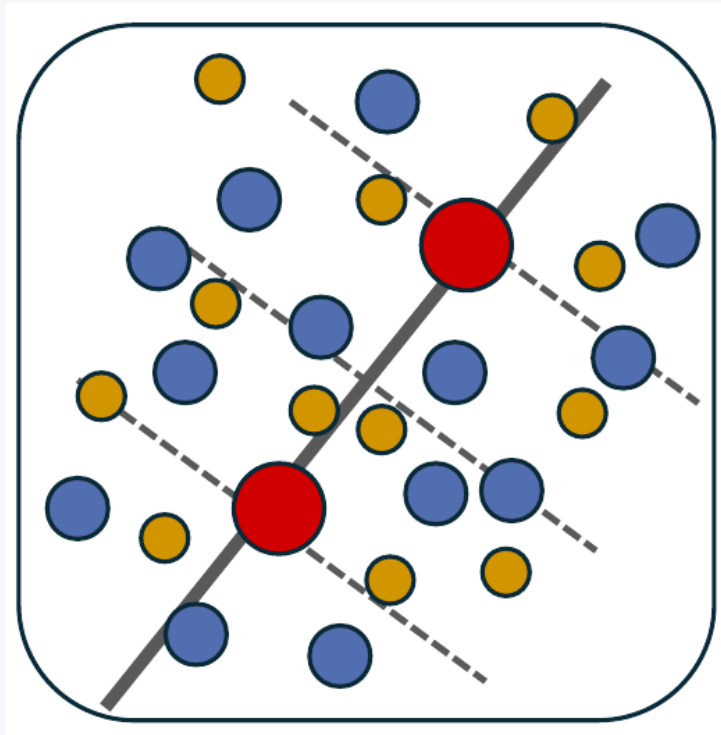
# MÔ HÌNH VÀ CẤU TRÚC ĐÔ THỊ

- Các phương án mô hình, cấu trúc

## Từ hiện trạng, hai hướng phát triển: đa cực hay đa cực liên kết tạo hạt nhân

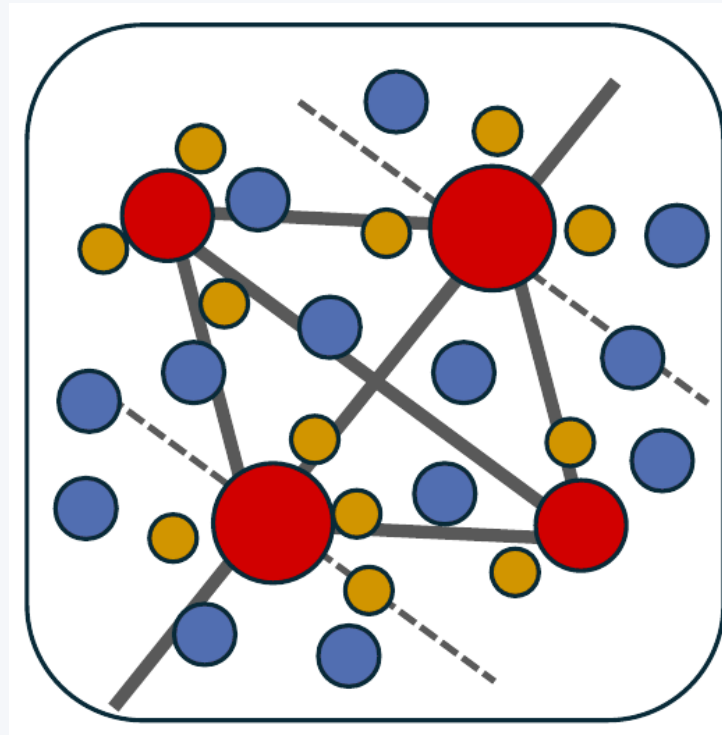
Ba mô hình cấu trúc đặt nền cho việc xây dựng và so sánh các phương án cơ cấu phát triển đô thị.

### HIỆN TRẠNG



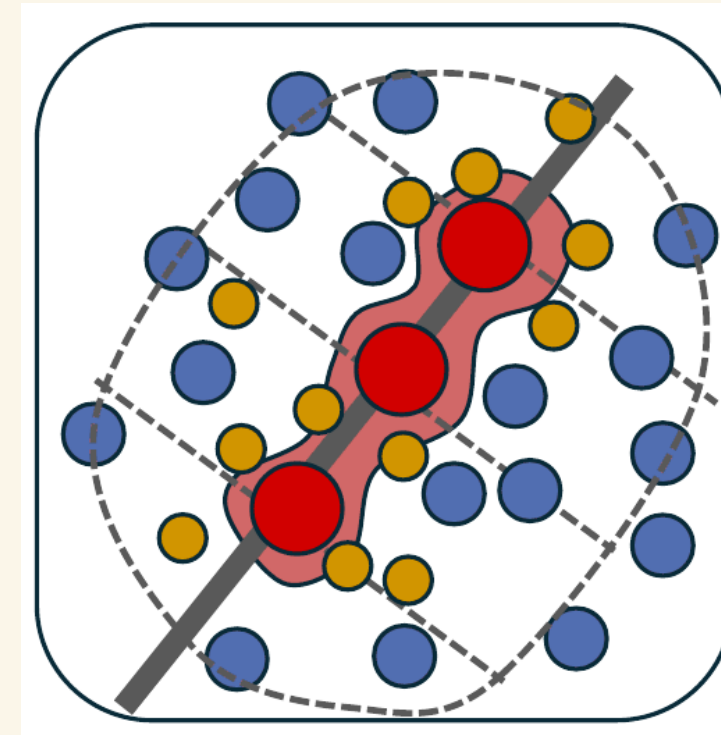
Hai cực đô thị · công nghiệp phân tán “mosaic” · hạ tầng khung dạng phân nhánh.

### HƯỚNG ĐA CỰC



Củng cố hai cực, hình thành cực thứ cấp · hạ tầng dạng lưới · công nghiệp bao quanh các cực.

### HƯỚNG ĐA CỰC LIÊN KẾT TẠO HẠT NHÂN



Đa cực liên kết tạo một lõi hợp nhất dạng “amoeba” · đô thị dạng “bàn tay” Đông – Tây · tăng cường xương sống, bổ sung vành đai.



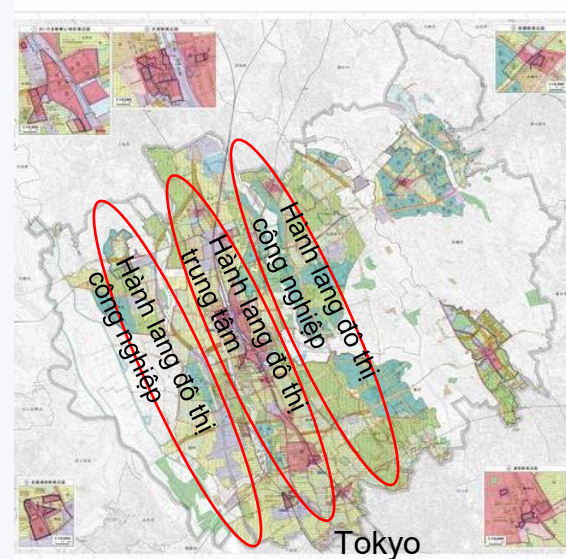
# MÔ HÌNH VÀ CẤU TRÚC ĐÔ THỊ

- Kinh nghiệm tham khảo

## Saitama Shintoshin — đô thị hợp nhất tương đồng với Bắc Ninh

Kinh nghiệm hình thành một vùng đô thị thống nhất từ hai trung tâm hành chính và kinh tế.

- Thành phố Saitama (Nhật Bản) tiếp giáp phía Bắc Thủ đô Tokyo, hình thành từ sự hợp nhất của hai thành phố: Urawa (trung tâm hành chính – chính trị) và Omiya (trung tâm kinh tế).
- Tại khu vực giữa hai trung tâm, đã xây dựng khu đô thị mới Saitama Shintoshin (CBD) cùng nhà thi đấu đa năng Saitama Super Arena.
- Các tuyến đường sắt đô thị kết nối xuyên suốt chuỗi trung tâm.
- Kết quả: hình thành một vùng đô thị thống nhất bao trùm cả Urawa và Omiya.
- Đây là kinh nghiệm có tính tương đồng trực tiếp với quan hệ Bắc Giang – Kinh Bắc của Bắc Ninh sau hợp nhất.



### MÔ HÌNH “XÂU CHUỖI” TRUNG TÂM

← Đường sắt đô thị xuyên suốt →



**Bắc Ninh:** Bắc Giang ■ CBD mới ■ Kinh Bắc

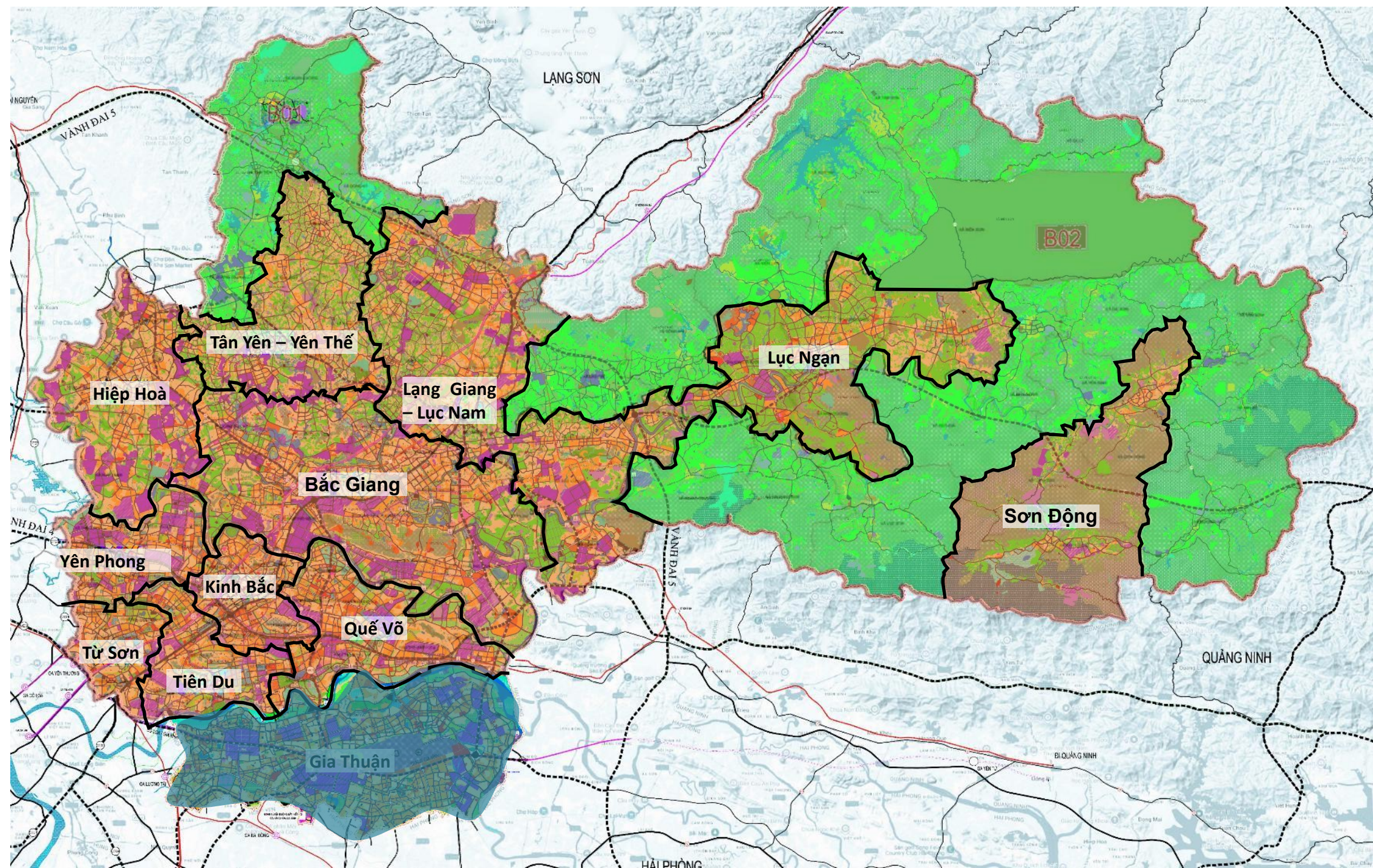
- Bài học: đầu tư một trung tâm mới ở khu vực giữa, “xâu chuỗi” bằng đường sắt đô thị, tạo nên một đô thị hợp nhất.





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN ĐÔ THỊ

- Phạm vi đô thị - nông thôn



**Năm 2026:** Bắc Ninh đạt **đô thị loại I**, gồm **25 đô thị** (03 đô thị loại II: **Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn**; 22 đô thị loại III).

**Đến năm 2030:** Trở thành **thành phố trực thuộc Trung ương**; hình thành **08 đô thị loại II** vùng trung tâm, **04 đô thị phân đầu** đạt loại II; **tỷ lệ đô thị hóa ~65%**.

**Đến năm 2040:** Hoàn thiện **12 đô thị loại II**; nâng cao chất lượng các đô thị hạt nhân (**Kinh Bắc, Bắc Giang, Gia Thuận**); mở rộng hệ thống đô thị; **tỷ lệ đô thị hóa ~75%**.

**Đến năm 2050:** Hoàn chỉnh mô hình **đa cực – đa trung tâm**,

tổ chức theo **03 phân vùng phát triển:**

1. **Vùng công nghiệp – đô thị trung tâm.**
2. **Vùng thương mại – dịch vụ – logistics phía Nam sông Đuống.**
3. **Vùng nông nghiệp – lâm nghiệp – du lịch sinh thái phía Bắc và phía Đông → Tỷ lệ đô thị hóa ~80%.**



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN ĐÔ THỊ

## • Phạm vi đô thị - nông thôn

**1. Bắc Giang** (diện tích tự nhiên khoảng 440 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 900.000 – 910.000 người)

Trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh.

- Đầu mối giao thông, logistics và điều phối phát triển vùng.
- Phát triển đô thị xanh, thông minh, sinh thái; hướng tới đô thị loại I.

**2. Kinh Bắc** (diện tích tự nhiên khoảng 83 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 660.000 – 68.000 người)

- Trung tâm công nghiệp – dịch vụ – đổi mới sáng tạo.
- Hạt nhân kinh tế, khoa học – công nghệ và thương mại của tỉnh.
- Đô thị văn hóa Kinh Bắc, cửa ngõ kết nối với Thủ đô Hà Nội.

**3. Từ Sơn** (diện tích tự nhiên khoảng 61 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 480.000 - 500.000 người)

- Đô thị công nghiệp – sản xuất – làng nghề phía Nam tỉnh.
- Gắn với các khu công nghiệp và logistics sản xuất.
- Chia sẻ áp lực phát triển với đô thị Kinh Bắc.

**4. Tiên Du** (diện tích tự nhiên khoảng 96 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 530.000 – 540.000 người)

- Đô thị công nghiệp – dịch vụ – cư trú phía Tây Nam.
- Phát triển công cộng, thương mại, vui chơi, giáo dục, du lịch văn hóa – tâm linh.
- Hoàn thiện cấu trúc đa trung tâm của tỉnh

**5. Yên Phong** (diện tích tự nhiên khoảng 97 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 530.000 – 560.000 người)

- Trung tâm công nghiệp công nghệ cao phía Tây Nam.
- Hạt nhân sản xuất công nghiệp quy mô lớn.
- Phát triển không gian cư trú và dịch vụ cho lao động công nghiệp

**6. Quế Võ** (diện tích tự nhiên khoảng 155 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 610.000 – 630.000 người)

- Đô thị công nghiệp – sản xuất – logistics.
- Phát triển dịch vụ hỗ trợ công nghiệp và không gian cộng đồng.
- Hình thành trục đô thị hai bên sông Cầu.

**7. Gia Thuận** (diện tích tự nhiên khoảng 331 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 1.900.000 – 2.000.000 người)

- Trung tâm logistics hàng không, công nghệ cao và dịch vụ quốc tế.
- Kết hợp phát triển giáo dục hàng không và du lịch văn hóa.

**8. Hiệp Hòa** (diện tích tự nhiên khoảng 257 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 500.000 – 520.000 người)

- Đô thị cửa ngõ phía Tây kết nối Hà Nội và Thái Nguyên
- Phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp phụ trợ và nông nghiệp công nghệ cao.
- Đô thị đậm trong cấu trúc đa trung tâm

**9. Tân Yên – Yên Thế** (diện tích tự nhiên khoảng 159 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 400.000 – 420.000 người)

- Đô thị cửa ngõ Tây Bắc gắn với Vành đai 5.
- Phát triển công nghiệp xanh, du lịch sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao.
- Đô thị đậm phía Tây Bắc của tỉnh.

**10. Lạng Giang – Lục Nam** (diện tích tự nhiên khoảng 447km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 600.000 – 620.000 người)

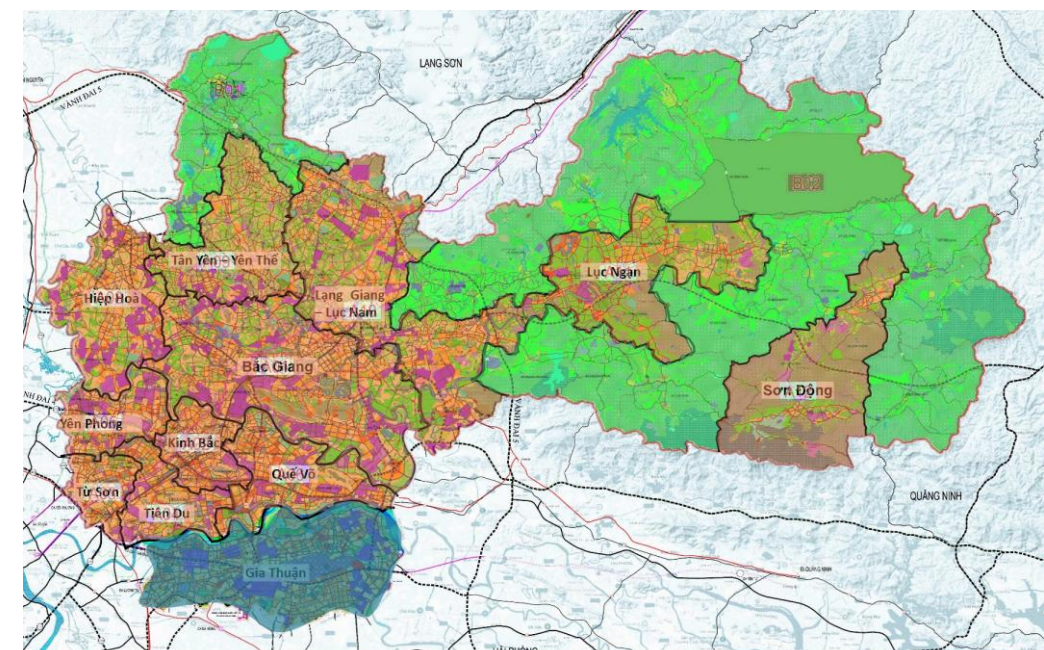
- Trung tâm công nghiệp – logistics phía Đông Bắc.
- Gắn với ga Kép và các trục giao thông đối ngoại.
- Phát triển công nghiệp xanh, logistics và nông nghiệp sạch.

**11. Lục Ngạn** (diện tích tự nhiên khoảng 286 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 400.000 – 410.000 người)

- Trung tâm vùng phía Đông của tỉnh.
- Đầu mối dịch vụ, chế biến và xuất khẩu nông sản.
- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch vườn; hướng tới đô thị xanh

**12. Sơn Động** (diện tích tự nhiên khoảng 309 km<sup>2</sup>, dân số đến năm 2050 khoảng 200.000 – 210.000 người)

- Đô thị du lịch tâm linh gắn với Tây Yên Tử.
- Cửa ngõ kết nối Quảng Ninh và Hải Phòng.
- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo tồn di sản và cảnh quan

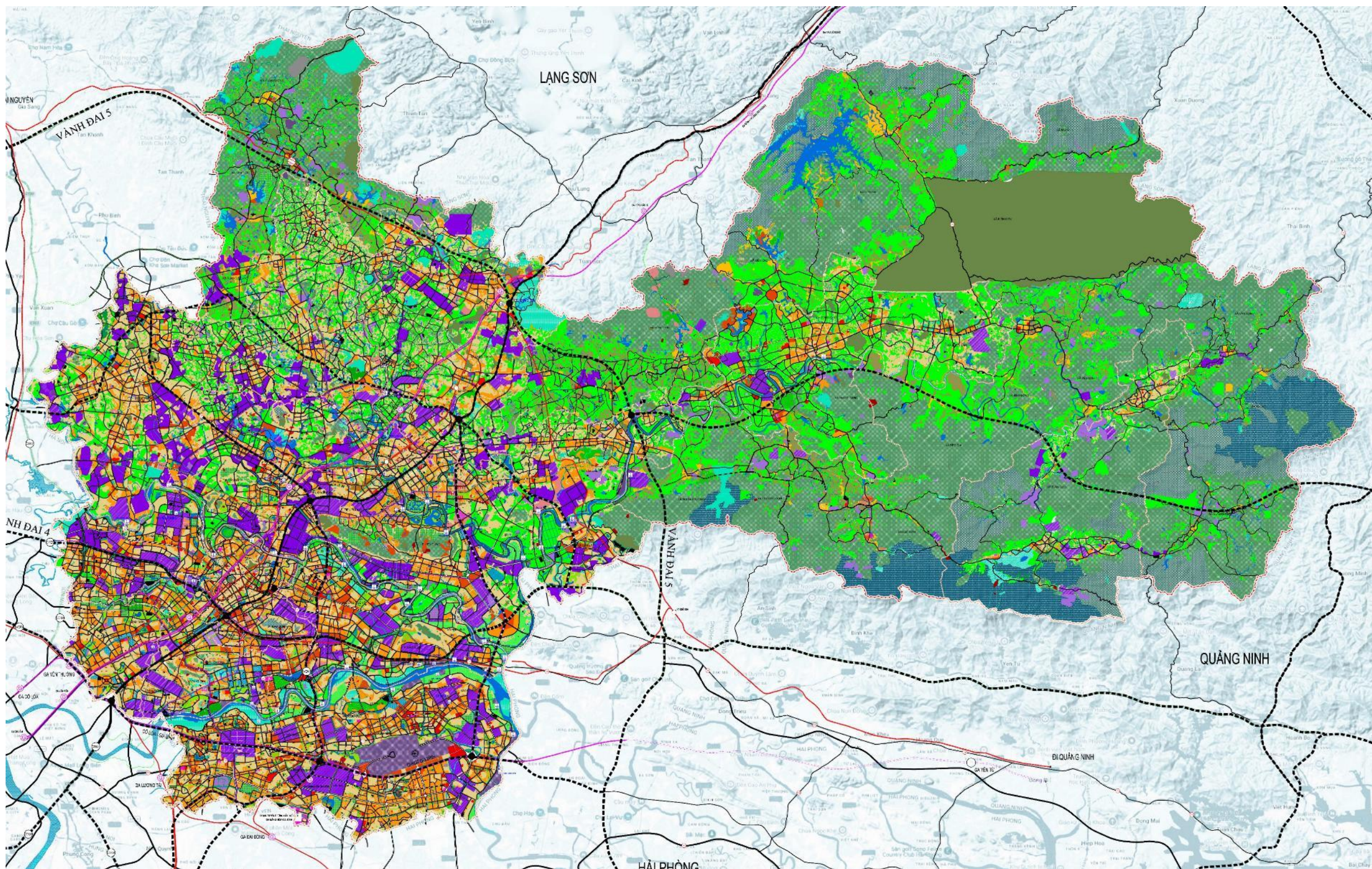


**Khu vực dự kiến phát triển là các xã nông thôn, gồm 21 xã:** (Quang Trung, Tam Tiến, Xuân Lương, Đồng Kỳ, Bảo Đài, Đông Phú, Nghĩa Phương, Trường Sơn, Lục Sơn, Kiên Lao, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Xa Lý, Biển Động, Đèo Gia, Yên Định, Đại Sơn, Vân Sơn, An Lạc, Dương Hưu) phát triển hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - văn hóa và bảo tồn cảnh quan, cấu trúc làng xóm truyền thống



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN ĐÔ THỊ

- Các giải pháp quy hoạch theo nhóm vấn đề cần quan tâm



1. **Giải pháp tăng cường kết nối nội vùng và quốc tế** (Liên kết giao thông đường sắt, đường thủy với cảng hàng không Gia Bình, với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hưng Yên)
2. **Hình thành đô thị hài hòa, đô thị văn hóa đáng sống** (kinh tế bậc, công nghiệp văn hóa, giá nhà ở phù hợp, giữ chân người lao động nhập cư,...)
3. **Quản lý không gian xanh, nông nghiệp đô thị** (hành lang xanh, vành đai xanh, các nêm xanh)
4. **Phát triển dịch vụ đô thị, du lịch văn hóa, thể thao xứng tầm** (Thương mại, giải trí, văn hóa, tín ngưỡng, công viên chuyên đề, du lịch nông nghiệp, nghỉ dưỡng, cảnh quan)
5. **Cấu trúc hệ thống khu chức năng, khu cụm công nghiệp** (Khu thương mại tự do, khu công nghiệp công nghệ cao, khu nghiên cứu và đào tạo tập trung, cụm công nghiệp và tôn vinh làng nghề truyền thống)
6. **Chỉnh trang đô thị hiện hữu và các không gian quan trọng** (cải tạo khu dân cư cũ, thiết kế điển hình làng đô thị hóa, tổ chức cửa ngõ đô thị, không gian mở và quảng trường, các tuyến phố quan trọng)
7. **Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu** (hành lang thoát lũ, cao độ nền xây dựng, sử dụng năng lượng hiệu quả hơn)
8. **Phân bổ các chỉ tiêu phát triển đô thị** (dân số, đất đai, hệ thống trung tâm... đến từng khu vực cụ thể phục vụ quản lý)
9. **Đảm bảo an ninh, quốc phòng và các tình huống khẩn cấp**



# TỔ CHỨC KHU CHỨC NĂNG, KHU VỰC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

- Bảo tồn văn hoá, di tích gắn với phát triển đô thị

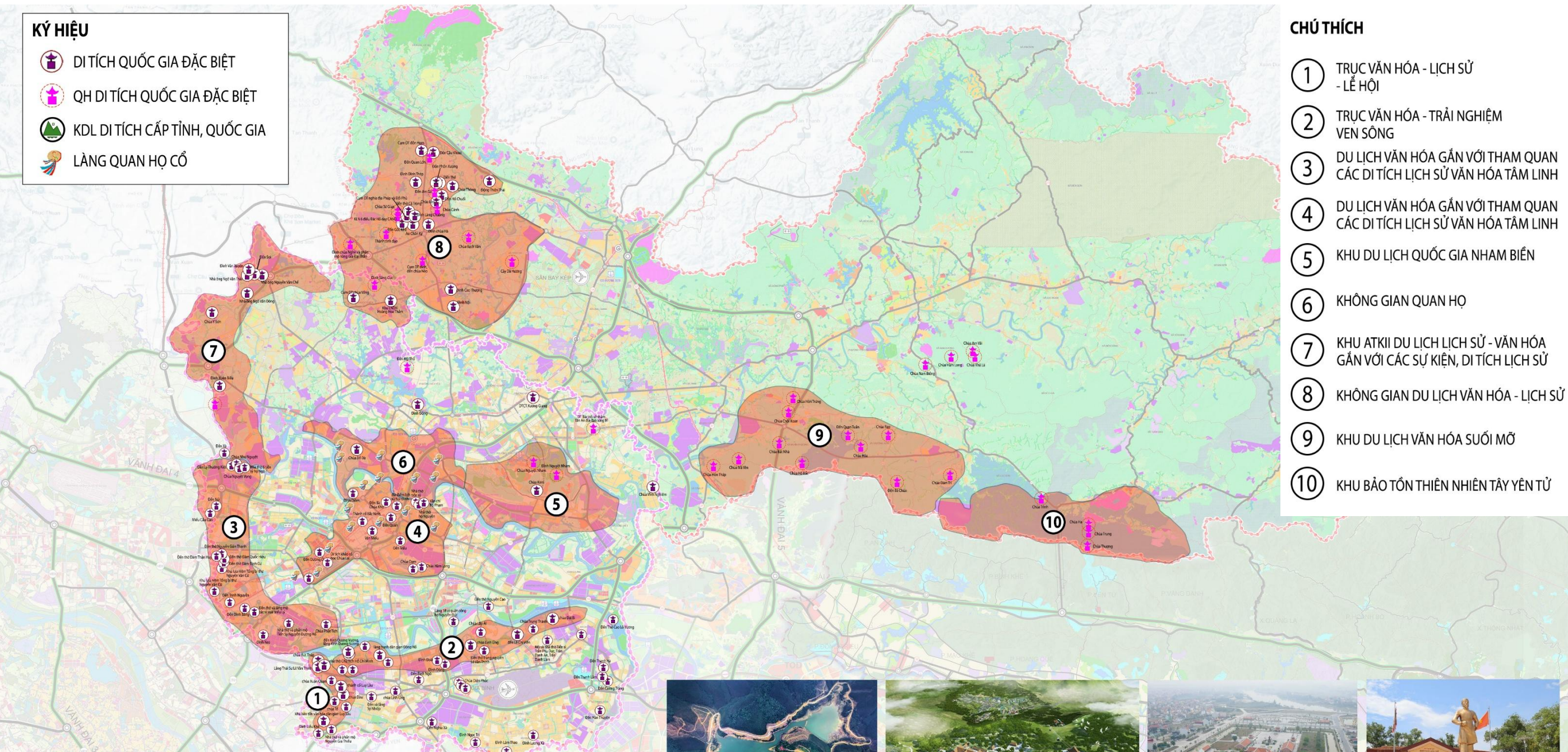
## KÝ HIỆU

- DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
- QH DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
- KDL DI TÍCH CẤP TỈNH, QUỐC GIA
- LÀNG QUAN HỌ CỔ

## CHÚ THÍCH

- 1 TRUC VĂN HÓA - LỊCH SỬ - LỄ HỘI
- 2 TRUC VĂN HÓA - TRẢI NGHIỆM VEN SÔNG
- 3 DU LỊCH VĂN HÓA GẮN VỚI THAM QUAN CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TÂM LINH
- 4 DU LỊCH VĂN HÓA GẮN VỚI THAM QUAN CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TÂM LINH
- 5 KHU DU LỊCH QUỐC GIA NHAM BIỂN
- 6 KHÔNG GIAN QUAN HỌ
- 7 KHU ATKII DU LỊCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA GẮN VỚI CÁC SỰ KIỆN, DI TÍCH LỊCH SỬ
- 8 KHÔNG GIAN DU LỊCH VĂN HÓA - LỊCH SỬ
- 9 KHU DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI MỠ
- 10 KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN TÂY YÊN TỬ

- Bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh và xếp hạng quốc gia
- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, kiểm soát xây dựng trong khu vực bảo vệ di tích; gắn bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh.
- Bảo vệ các khu vực nhạy cảm về môi trường, hành lang thoát lũ, đất ngập nước và vùng đồi núi có giá trị sinh thái; hạn chế phát triển đô thị, công nghiệp.
- Bảo vệ tài nguyên và cảnh quan, kiểm soát chuyển đổi đất nông nghiệp chất lượng cao; bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng sinh thái Tây Yên Tử; quản lý phát triển ven sông, hồ theo hành lang an toàn.
- Kết hợp phát triển với quốc phòng, an ninh, tổ chức không gian đô thị gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, ưu tiên khu vực giáp Lạng Sơn và Quảng Ninh.





# TỔ CHỨC KHU CHỨC NĂNG, KHU VỰC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

## • Các khu chức năng

### 1. Khu kinh tế, khu công nghiệp công nghệ số

• Hình thành **Khu kinh tế chuyên biệt phía Bắc** (≈10.000 ha) tại Kép – Lạng Giang, phát triển logistics đường sắt quốc tế, công nghiệp xanh và thương mại quốc tế.

• Phát triển **04 khu công nghiệp công nghệ số**, tập trung công nghệ cao, AI, trung tâm dữ liệu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### 2. Khu thương mại tự do

• Hình thành **Khu thương mại tự do Bắc Ninh** (2.000–5.000 ha) gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

• Phát triển logistics hàng không, kho ngoại quan, trung tâm phân phối, tài chính, thương mại quốc tế và công nghiệp công nghệ cao.

### 3. Khu công nghiệp

• Phát triển **KCN hiện đại, thông minh, xanh**, ưu tiên bán dẫn, điện tử, công nghiệp số và công nghệ cao.

• Hình thành các cực chuyên ngành:

- **Yên Phong – Quế Võ – Việt Yên:** điện tử, công nghệ cao, logistics.
- **Gia Thuận:** công nghệ cao, logistics và dịch vụ hàng không.
- **Lạng Giang – Lục Nam:** công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ.
- **Hiệp Hòa – Tân Yên – Yên Thế:** công nghiệp sạch gắn nông nghiệp công nghệ cao.

### 4. Cụm công nghiệp

• Phát triển theo quy hoạch tỉnh, gắn với đô thị và vùng chức năng.

• Ưu tiên chế biến nông sản tại **Lục Ngạn – Sơn Động – Lục Nam**; di dời sản xuất khỏi khu dân cư vào cụm công nghiệp.

### 5. Khu du lịch

• **Tây Yên Tử:** du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái.

• **Kinh Bắc:** du lịch di sản, lễ hội và Quan họ.

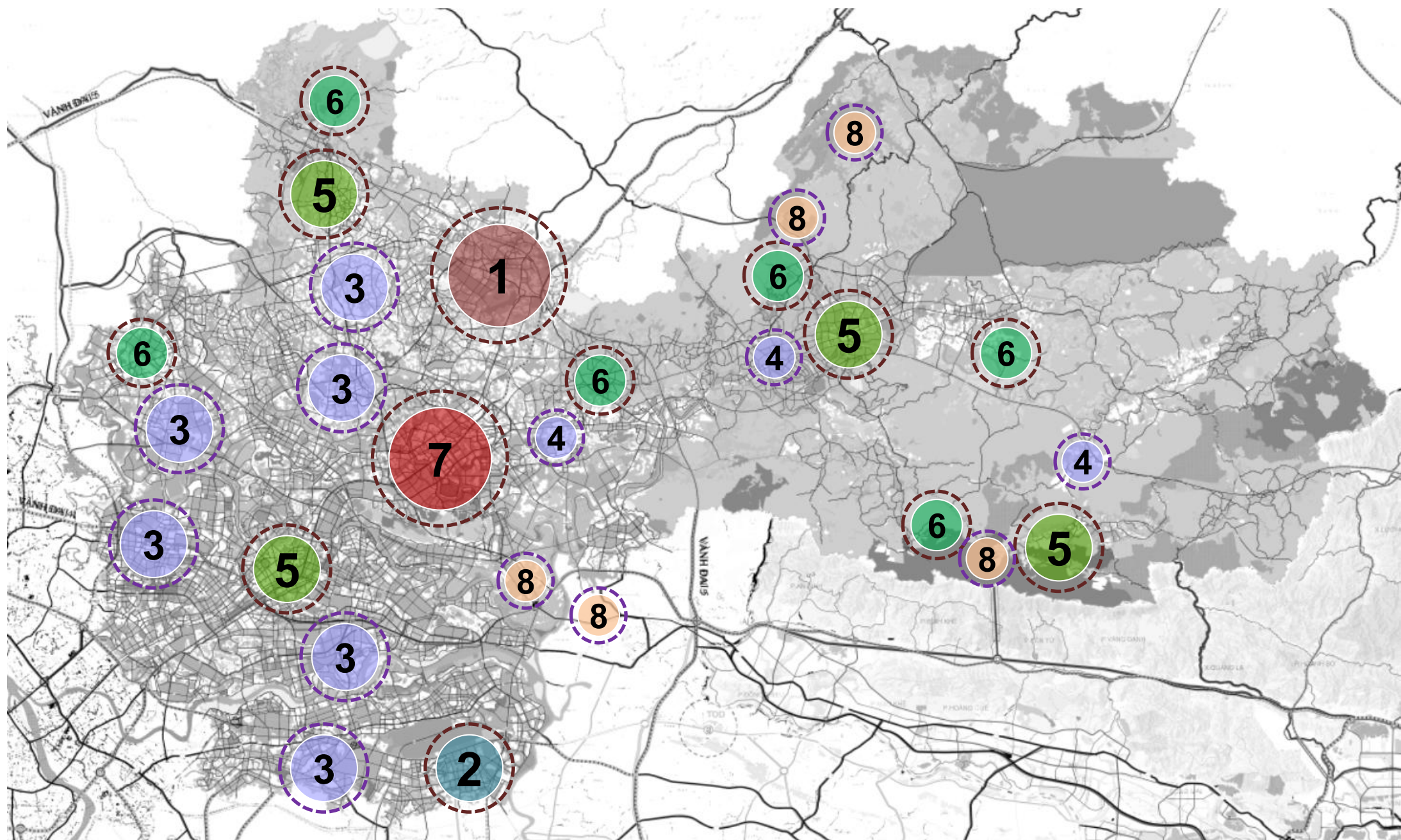
• **Lục Ngạn – Sơn Động:** du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nông nghiệp.

• **Yên Thế:** du lịch sinh thái kết hợp lịch sử - văn hóa.

### 6. Nông, lâm nghiệp

• Phát triển **nông nghiệp công nghệ cao** tại Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam, Hiệp Hòa, Tân Yên – Yên Thế.

• Bảo vệ rừng Tây Yên Tử; phát triển nông nghiệp đô thị và hành lang xanh.



### 7. Trung tâm hành chính

• Xây dựng **trung tâm hành chính tập trung** tại đô thị Bắc Giang.

• Phát triển chính quyền địa phương 2 cấp và chính quyền số.

### 8. Bảo tồn di sản và cảnh quan

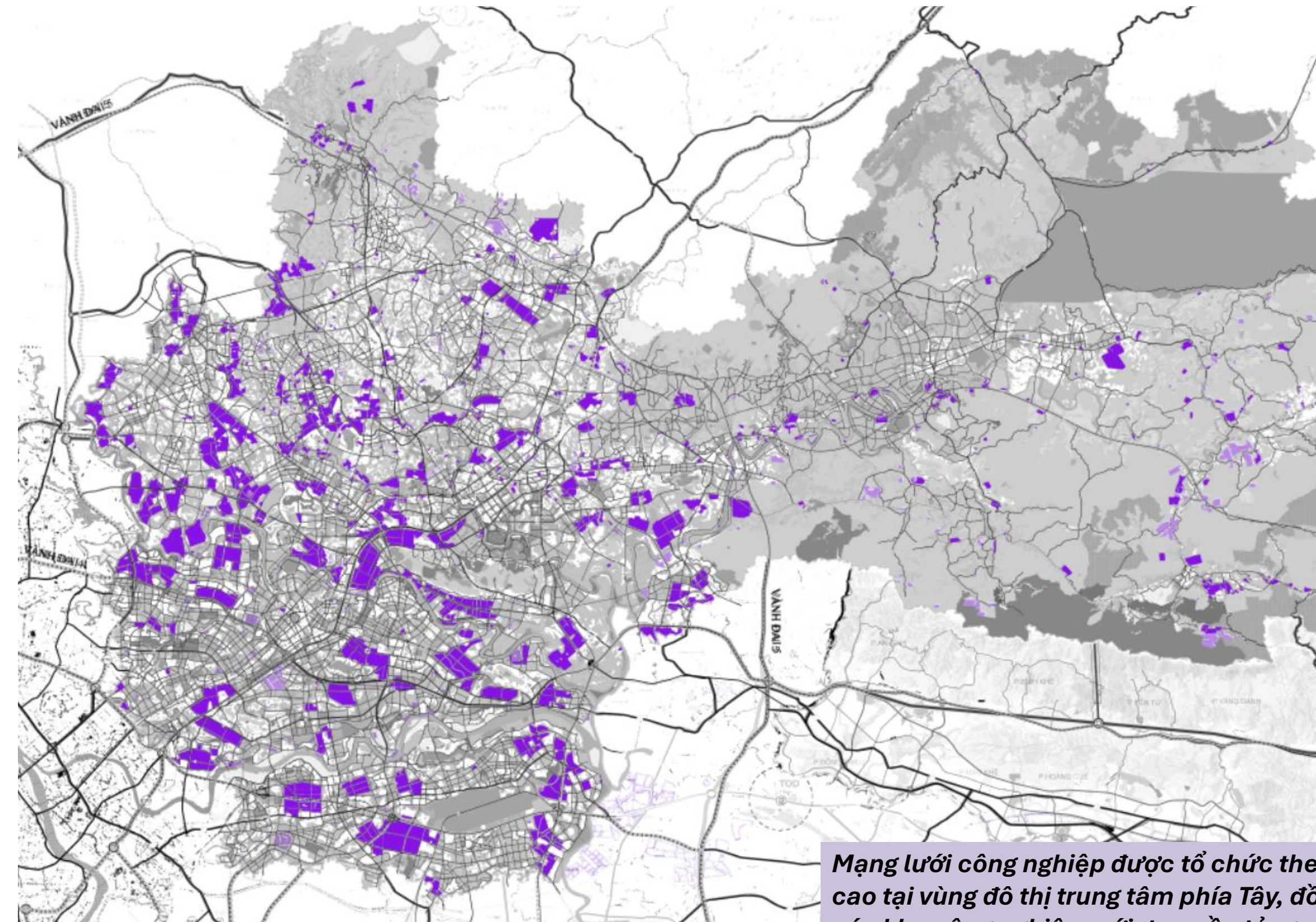
• Bảo tồn **Di sản thế giới Yên Tử – Vĩnh Nghiêm – Côn Sơn, Kiếp Bạc**, Quan họ, Ca trù và hệ thống di tích quốc gia.

• Bảo vệ rừng Tây Yên Tử, đất ngập nước, cảnh quan ven sông, hồ Cầm Sơn, hồ Khuân Thần và các làng nghề truyền thống.



# TỔ CHỨC KHU CHỨC NĂNG, KHU VỰC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

## • Công nghiệp và dịch vụ



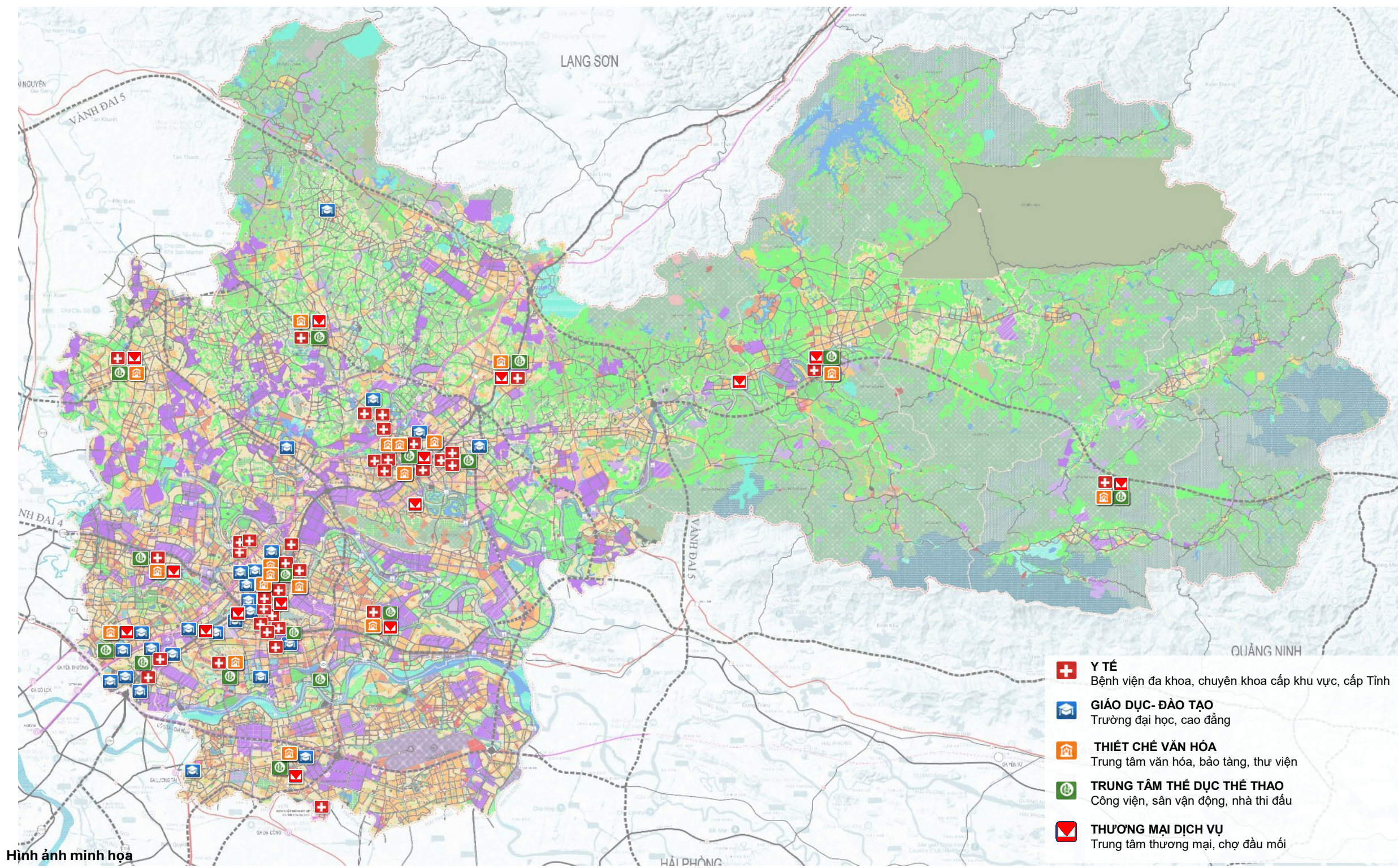
- Hệ thống KCN, CCN phân bố theo các hành lang giao thông đối ngoại, tập trung dọc các tuyến cao tốc, quốc lộ và vành đai, tạo thành các cực phát triển công nghiệp chủ đạo.
- Mật độ công nghiệp lớn nhất tập trung tại khu vực phía Tây và Tây Nam (Bắc Giang – Việt Yên – Kinh Bắc – Từ Sơn – Tiên Du – Yên Phong – Quế Võ), hình thành chuỗi đô thị công nghiệp liên tục, gắn với các KCN quy mô lớn hiện hữu và mở rộng.
- Khu vực phía Đông và Đông Bắc (Gia Thuận, Hiệp Hòa, Lạng Giang – Lục Nam, Tân Yên – Yên Thế) phát triển các KCN quy mô lớn mới và các CCN vệ tinh, từng bước mở rộng không gian công nghiệp ra các khu vực còn dư địa phát triển.
- Các đô thị miền núi và vùng nông thôn phía Đông Bắc chủ yếu quy hoạch các KCN, CCN mới sau năm 2030, định hướng phát triển công nghiệp gắn với quỹ đất và hạ tầng trong tương lai, mật độ phân bố còn thấp.
- Định hướng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, gồm: mở rộng các KCN hiện hữu, bổ sung KCN công nghệ cao, trung tâm dữ liệu; đồng thời chuyển đổi, sáp nhập hoặc xóa bỏ một số CCN nhỏ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giảm xung đột với phát triển đô thị.

*Mạng lưới công nghiệp được tổ chức theo mô hình "chuỗi hành lang – cụm động lực", tập trung cao tại vùng đô thị trung tâm phía Tây, đồng thời mở rộng về phía Đông và Đông Bắc thông qua các khu công nghiệp mới, tạo nền tảng phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu không gian đô thị của tỉnh Bắc Ninh.*



# TỔ CHỨC KHU CHỨC NĂNG, KHU VỰC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

## • Hệ thống hạ tầng xã hội



Hình ảnh minh họa



Đại học Kinh Bắc



Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh



Sân vận động



Trung tâm văn hóa



Khu hỗn hợp- Thương mại dịch vụ



Triển lãm công nghệ

### GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

- Hệ thống đại học, cao đẳng và đào tạo chuyên ngành tập trung tại đô thị trung tâm và các trục phát triển.
- Đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Bắc Ninh và vùng phụ cận.

### Y TẾ

- Phát triển bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh/khu vực và trung tâm y tế đầu mối theo hướng hiện đại, đồng bộ.
- Nâng cao năng lực khám chữa bệnh, dự phòng, cấp cứu và phục hồi chức năng cho đô thị và khu vực lân cận.

### THIỆT CHẾ VĂN HÓA

- Phát triển trung tâm văn hóa, bảo tàng, thư viện và không gian sinh hoạt cộng đồng gắn với các khu dân cư và trung tâm đô thị.
- Góp phần bảo tồn bản sắc địa phương và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

### THỂ DỤC THỂ THAO

- Bố trí trung tâm TDTT, sân vận động, nhà thi đấu và công trình thể thao đô thị tại các vị trí thuận lợi.
- Kết hợp với công viên, cây xanh và không gian mở để phục vụ rèn luyện sức khỏe và hoạt động cộng đồng.

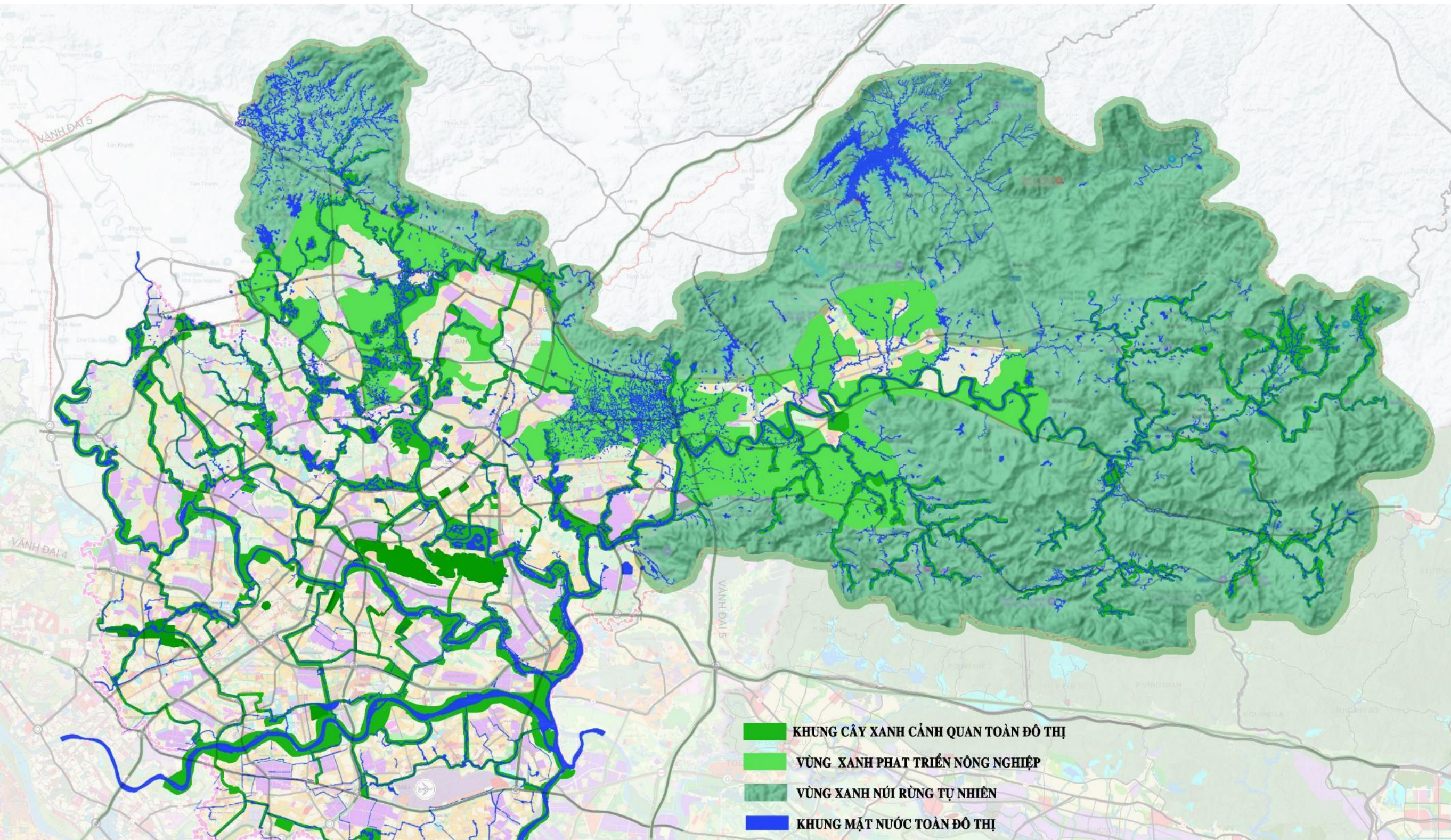
### THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ

- Phát triển trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối và dịch vụ tổng hợp theo các cực trung tâm và trục phát triển.
- Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, giao dịch và hỗ trợ phát triển kinh tế đô thị.



# TỔ CHỨC KHU CHỨC NĂNG, KHU VỰC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

- Mô hình phát triển nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao



## 1. Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung

- Bố trí tại vành đai chuyển tiếp giữa khu vực đô thị và vùng rừng tự nhiên, tạo vùng đệm sinh thái. Phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, hạn chế chia cắt đất sản xuất. Kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông chính và trung tâm logistics.

## 2. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và sản xuất. Tăng năng suất, giảm tiêu hao nước và vật tư nông nghiệp.

## 3. Phát triển nông nghiệp sinh thái

- Bảo tồn hệ thống cây xanh, mặt nước và hành lang sinh thái. Khuyến khích mô hình: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm. Hạn chế tác động đến vùng rừng tự nhiên và nguồn nước.

## 4. Liên kết chuỗi giá trị

- Hình thành chuỗi Sản xuất → Chế biến → Logistics → Tiêu thụ.**
- Gắn với các khu công nghiệp chế biến nông sản và trung tâm phân phối. Xây dựng thương hiệu nông sản chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

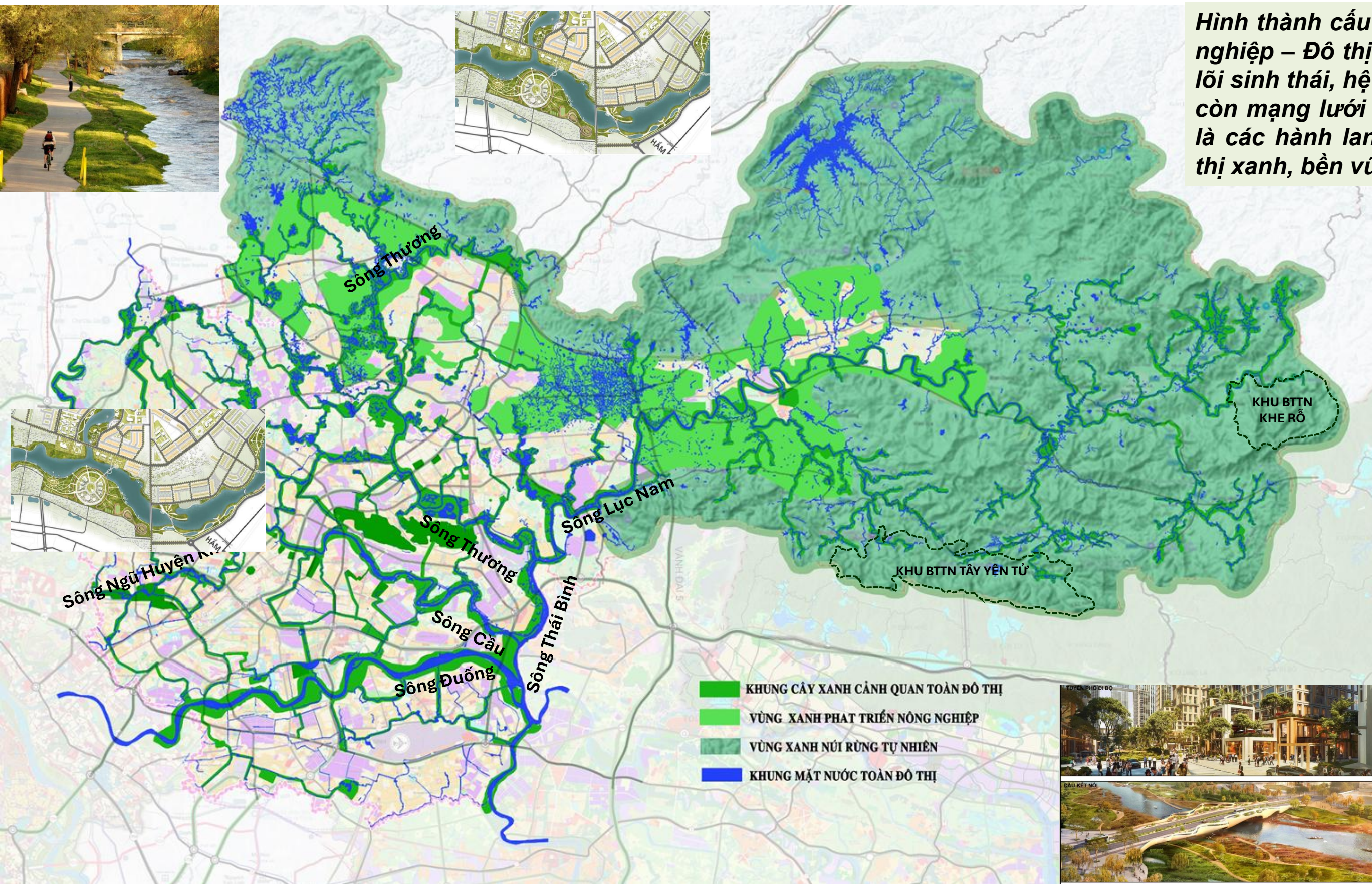
**Phát triển nông nghiệp tập trung, công nghệ cao trên nền tảng hành lang xanh và vùng đệm sinh thái; kết hợp sản xuất hiện đại với bảo tồn tài nguyên, hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, góp phần xây dựng đô thị xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.**





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN ĐÔ THỊ

- Kiến trúc, cảnh quan và không gian xanh



**Hình thành cấu trúc "Xanh – Nước – Rừng – Nông nghiệp – Đô thị", trong đó vùng rừng phía Đông là lõi sinh thái, hệ thống sông suối là trục cảnh quan, còn mạng lưới cây xanh và nông nghiệp sinh thái là các hành lang kết nối, hướng tới phát triển đô thị xanh, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.**

- Phía Đông là vùng sinh thái trọng yếu với diện tích rừng tự nhiên lớn, đóng vai trò "lá phổi xanh" của toàn đô thị.
- Khu vực trung tâm và phía Tây được bao phủ bởi mạng lưới cây xanh, công viên và hành lang xanh đan xen với khu dân cư.
- Hệ thống sông suối tạo thành mạng lưới mặt nước liên tục, vừa là hạ tầng thoát nước vừa là không gian cảnh quan.
- Tăng cường các không gian công cộng, công viên và quảng trường gắn với hệ thống cây xanh và mặt nước.
- Vùng nông nghiệp được giữ lại như vùng đệm sinh thái, hạn chế đô thị hóa tràn lan và tạo không gian mở đặc trưng.
- Cấu trúc tổng thể thể hiện mô hình phát triển đô thị gắn với thiên nhiên, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, môi trường và chất lượng sống



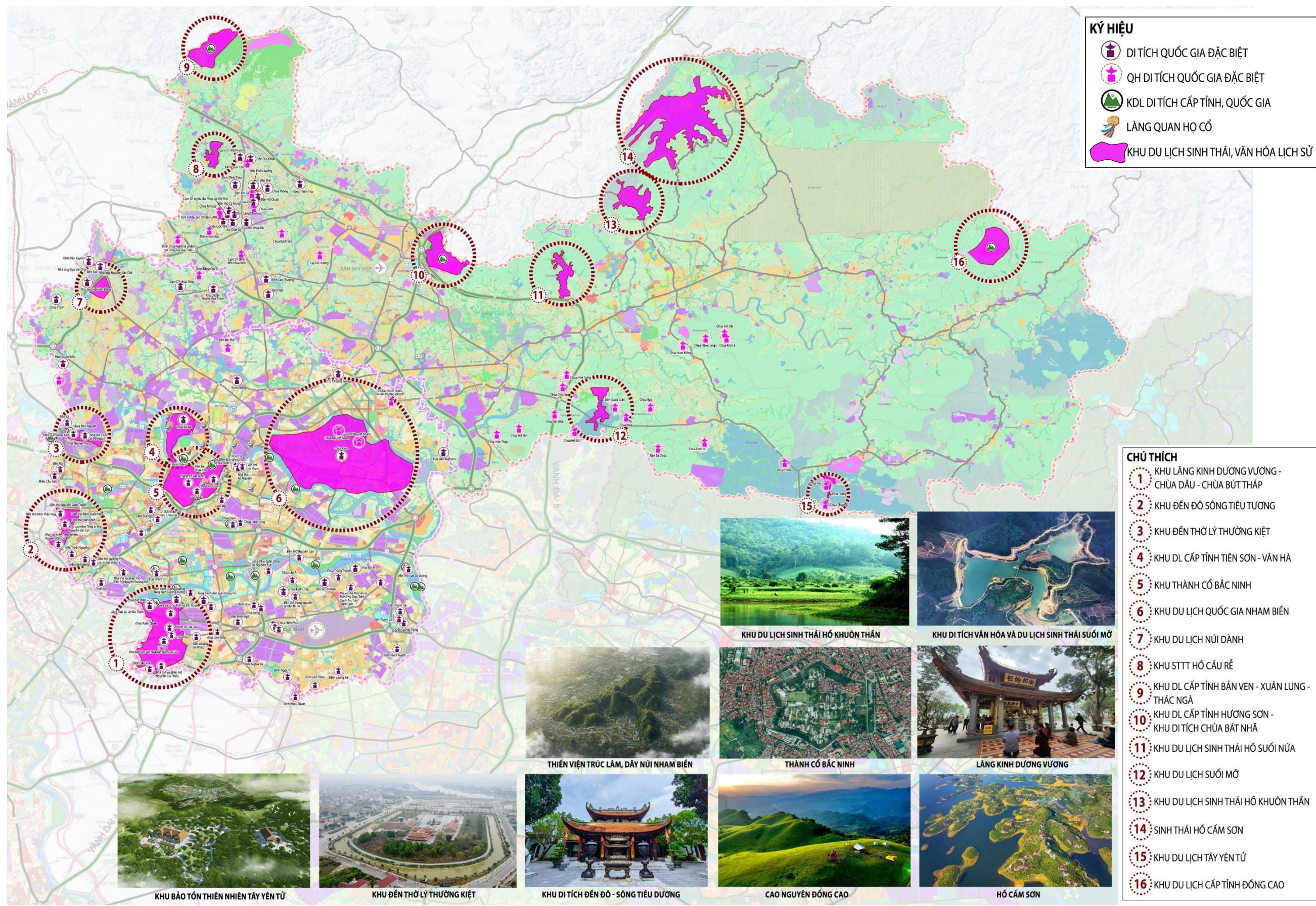


# THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

## • Hệ thống vùng bảo tồn di sản văn hoá phát triển du lịch văn hoá lễ hội

Bảo tồn đồng bộ di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái, tạo nền tảng phát triển du lịch bền vững và gìn giữ bản sắc vùng Bắc Ninh – Bắc Giang.

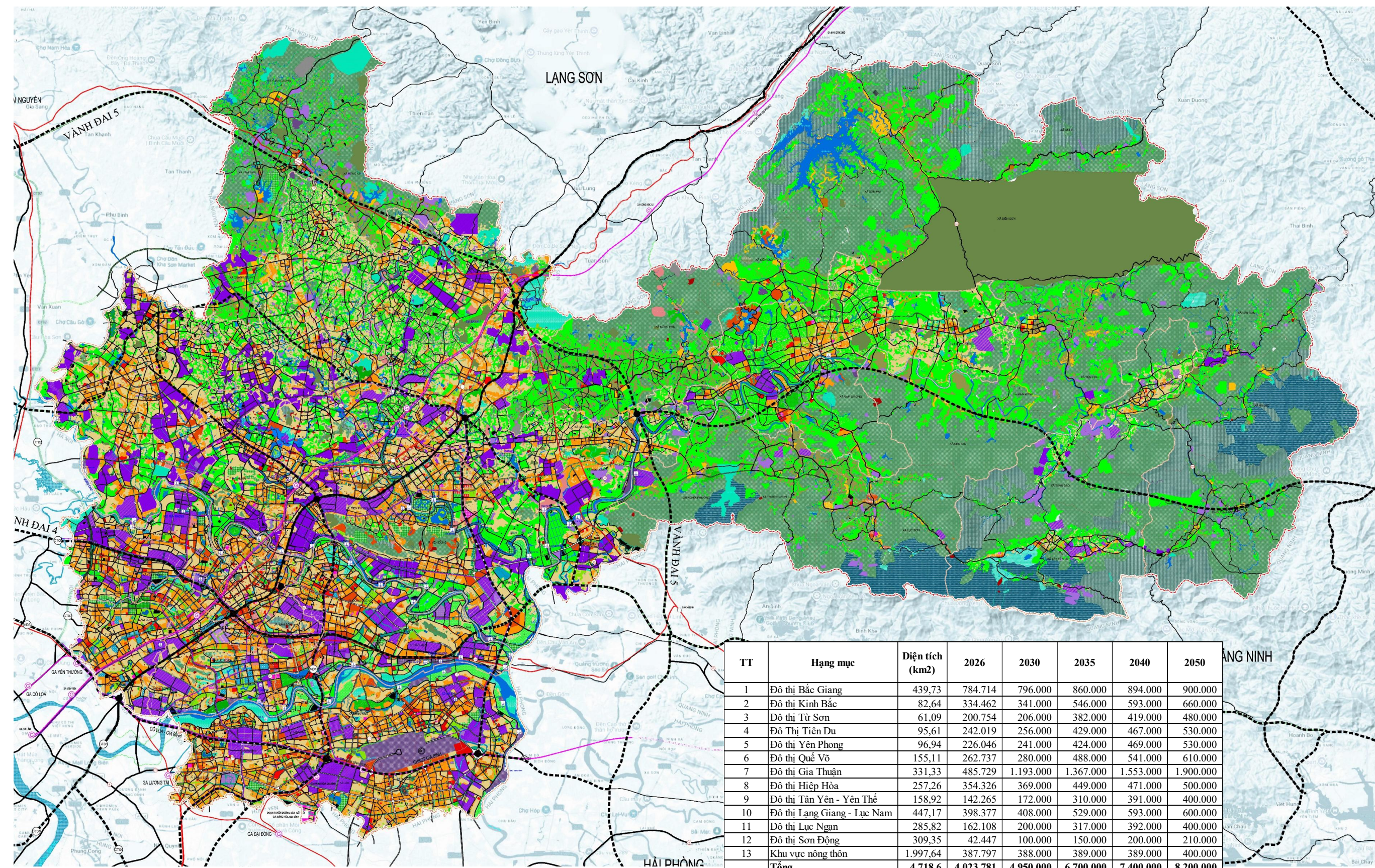
- Bảo tồn Di sản thế giới UNESCO: Yên Tử – Vĩnh Nghiêm – Côn Sơn, Kiếp Bạc; kiểm soát phát triển và bảo vệ không gian tâm linh Yên Tử.
- Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể: Dân ca Quan họ, Ca trù và không gian văn hóa làng Quan họ.
- Phát huy hệ thống di tích quốc gia đặc biệt: Chùa Dâu, Chùa Bút Tháp, Chùa Phật Tích, Đền Đô, Lăng Kinh Dương Vương, Côn Sơn – Kiếp Bạc...
- Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên: Khu dự trữ thiên nhiên Tây Yên Tử; đất ngập nước và hệ sinh thái ven sông Cầu, sông Đuống; cảnh quan hồ Cấm Sơn, hồ Khuôn Thần.
- Bảo tồn giá trị truyền thống và cảnh quan: Các làng nghề truyền thống và hành lang cảnh quan ven sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.





# QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

## Quy hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn



### Chỉ tiêu đất đai toàn đô thị

Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị Bắc Ninh được áp dụng các yếu tố của đô thị văn hoá, cảnh quan, tuân thủ QCVN 01:2021/BXD cho các khu vực phát triển mới của đô thị. Cụ thể:

- Đất xây dựng đến năm 2040 khoảng 160.000 – 190.000ha (bình quân 220 – 250 m<sup>2</sup>/người), trong đó:
  - + Đất dân dụng khoảng 70.000 – 75.000 ha (bình quân 95 – 100m<sup>2</sup>/người, khu vực phát triển mới từ 90 - 95 m<sup>2</sup>/người);
  - + Đất ngoài dân dụng khoảng 90.000 – 120.000 ha.
- **Đất xây dựng đến năm 2050** khoảng 220.000 – 235.000 ha (khoảng 270 – 290 m<sup>2</sup>/người), trong đó:
  - + Đất dân dụng khoảng 80.000 – 85.000 ha (bình quân 95- 100 m<sup>2</sup>/người, khu vực phát triển mới từ 90 – 95 m<sup>2</sup>/người);
  - + Đất ngoài dân dụng khoảng 140.000 – 160.000 ha.



# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng Giao thông đường bộ

Hoàn thiện 04 kết nối với các vùng kinh tế trọng điểm, gồm: Thái Nguyên (trung tâm công nghiệp công nghệ cao); Lạng Sơn (kinh tế cửa khẩu); Hải Phòng (cảng biển quốc tế); Hà Nội (trung tâm chính trị).

### 02 VÀNH ĐAI THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. **VÀNH ĐAI 4.5** liên kết khu vực trung tâm đô thị, hành chính với trung tâm vận tải tốc độ cao (CHKQT Gia Bình, ĐS tốc độ cao Hà Nội – Hạ Long) gắn liền với tuyến ĐSĐT.

2. **VÀNH ĐAI 5**, gắn liền trực liên kết trung tâm công nghiệp công nghệ cao Thái Nguyên, Hải Phòng và Thủ đô Hà Nội.

### 04 TRỤC LIÊN VÙNG

1. Trục kết nối liên vùng Đông – Tây:

CT.09 Nội Bài – Hạ Long (4 – 6 làn xe).

Bổ sung thêm trục kết nối Đông – Tây: Bắc Ninh – Quảng Ninh : 4 làn xe tốc độ cao.

2. Trục kết nối sân bay – cửa ngõ cảng biển

Cổ Loa – Gia Bình; Gia Bình – Lạch Huyện (4-6 làn xe)

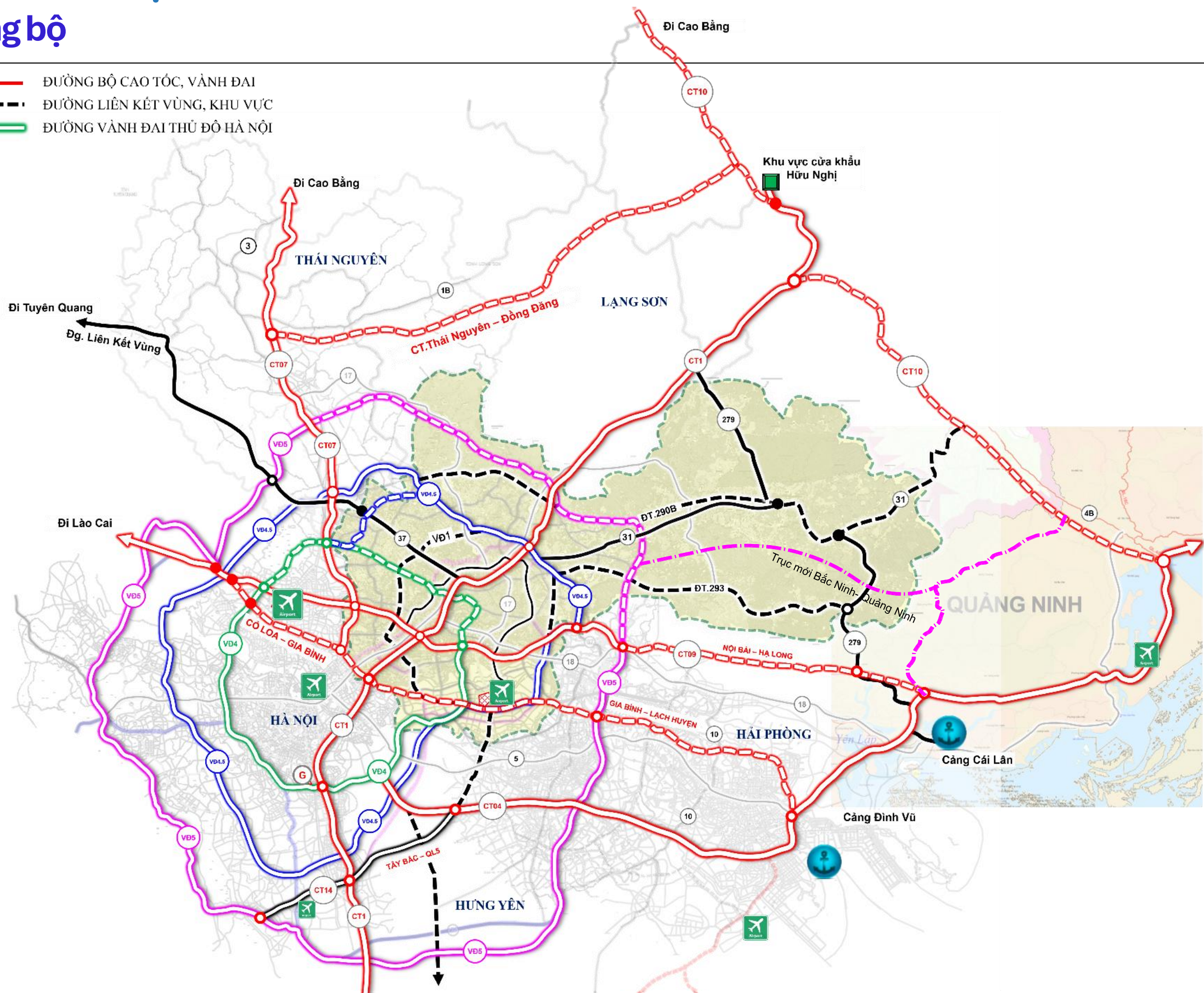
3. Trục kết nối liên vùng Bắc – Nam kết nối trung tâm thủ đô và khu vực cửa khẩu quốc gia

CT.01 Cao tốc Bắc – Nam nâng quy mô đến 6 làn xe cao tốc

4. Trục liên kết vùng công nghiệp phía Tây (Thái Nguyên)

Gắn liền với QL37 và tuyến liên kết vùng của Thái Nguyên.

- ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC, VÀNH ĐAI
- ĐƯỜNG LIÊN KẾT VÙNG, KHU VỰC
- ĐƯỜNG VÀNH ĐAI THỦ ĐÔ HÀ NỘI





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng Giao thông đường sắt

### Quy hoạch quốc gia và kết nối liên vùng

#### 03 ĐƯỜNG SẮT TỐC TỘ CAO

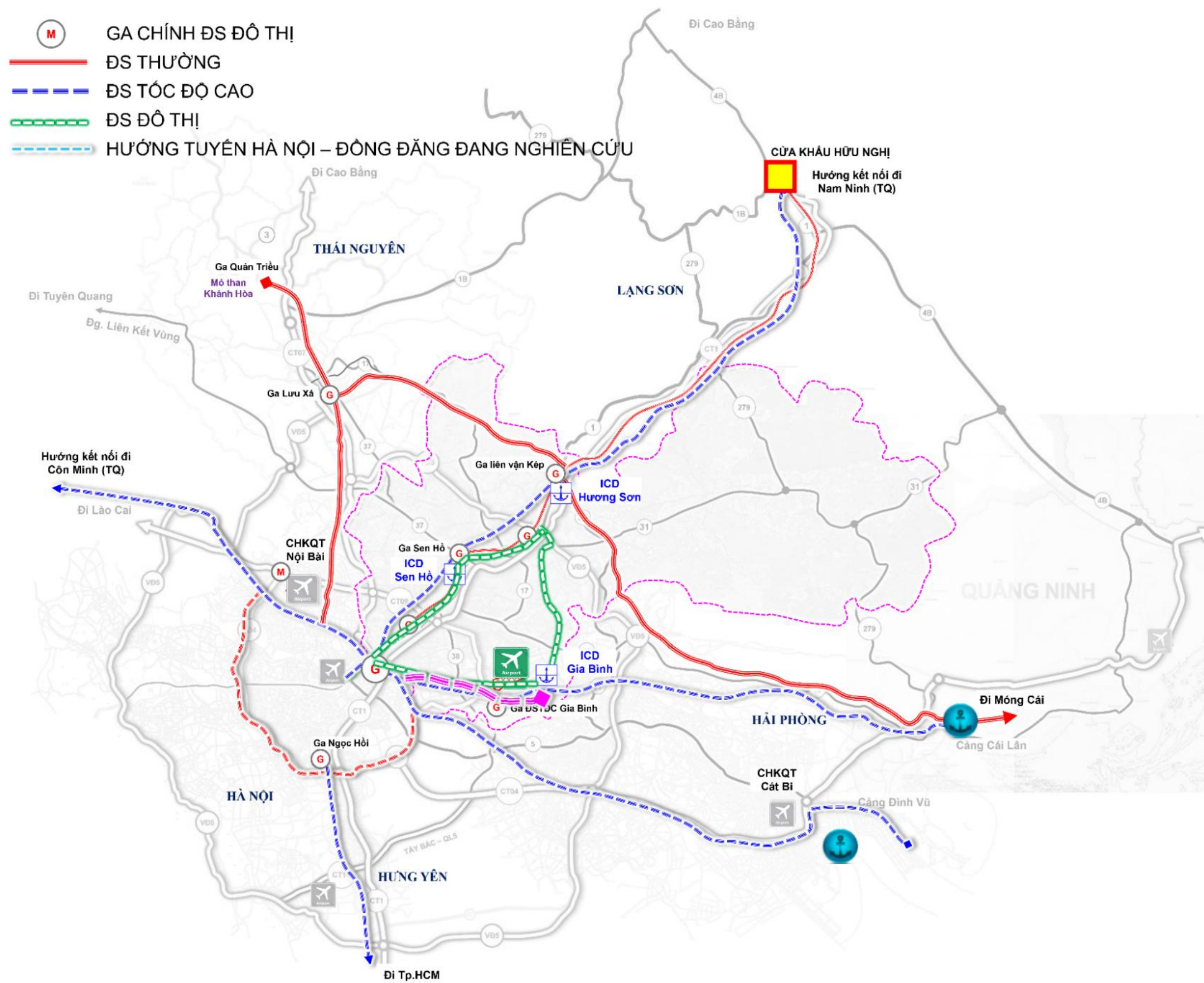
1. Đường sắt quy hoạch mới Hà Nội – Đồng Đăng tiệm cận tốc độ cao; đoạn qua Bắc Ninh cải tạo tuyến hiện hữu.
2. Đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và nhánh rẽ kết nối CHK Gia Bình
3. Đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh, qua sân bay Gia Bình
4. Đề xuất ga hàng hóa tại ICD Gia Bình để hình thành IDC đa phương thức.

#### 03 TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ QUAN TRỌNG

1. Trung tâm HN – sân bay Gia Bình.
2. Sân bay Gia Bình – trung tâm tỉnh Bắc Ninh.
3. Trung tâm tỉnh BN – trung tâm Hà Nội.

#### 01 TUYẾN ĐƯỜNG SẮT THƯỜNG

Tuyến Lưu Xá – Hương Sơn – Móng Cái





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng hạ tầng cảng cạn

**09 cảng chính**, gắn liền với chuỗi vận tải đa phương thức, hành lang vận tải giao thông.

- **Cảng cạn Tiên Sơn:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 12-25ha, năng lực 120.000 TEU/năm;

- **Cảng cạn Tân Chi:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 8,2-13,5ha, năng lực 82.000-135.000 TEU/năm;

- **Cảng cạn Quế Võ:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 12-25ha, năng lực 105.000 TEU/năm;

- **Cảng cạn Yên Phong:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 8,8-12,5ha, năng lực 88.000-125.000 TEU/năm;

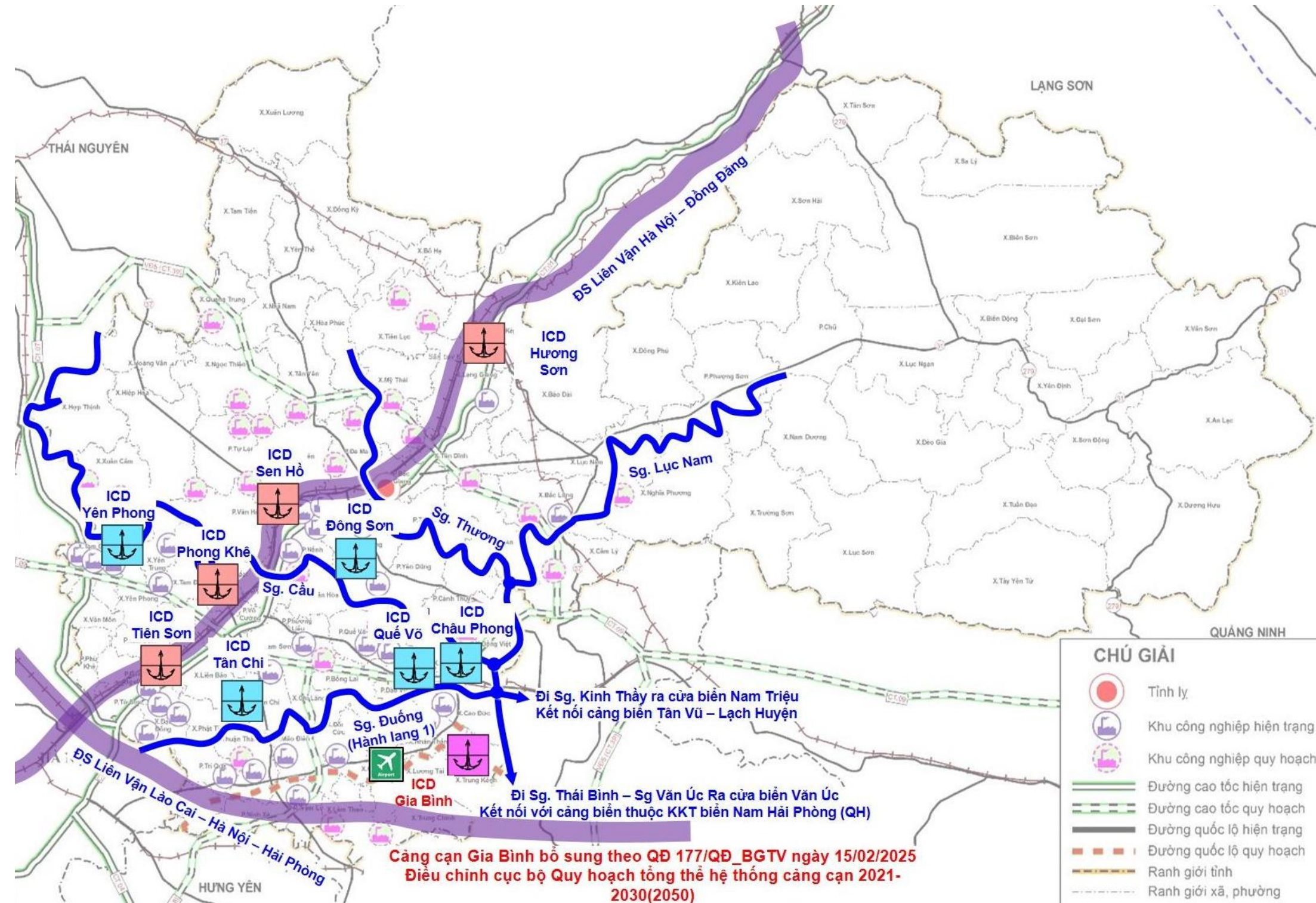
- **Cảng cạn Hương Sơn:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 8-43ha, năng lực 80.000-90.000 TEU/năm

- **Cảng cạn Đông Sơn:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 8-20ha, năng lực 100.000-150.000 TEU/năm

- **Cảng cạn Sen Hồ:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 10-15ha, năng lực 100.000-150.000 TEU/năm

- **Cảng cạn Phong Khê:** Kết nối Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 15-20ha, năng lực 100.000-150.000 TEU/năm

- **Cảng cạn Gia Bình:** Kết nối sân bay Gia Bình, Cảng biển Hải Phòng; Cửa khẩu Lạng Sơn, quy mô 7-20ha, năng lực 88.000-120.000 TEU/năm





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng Giao thông đô thị

### - KẾT NỐI NGOẠI TỈNH các tuyến đường cao tốc:

+ Tuyến hiện có: Cao tốc Bắc – Nam phía Đông (CT.01), Cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên (CT.07, Cao tốc Nội Bài – Bắc Ninh – Hạ Long (CT.09), Vành đai 4 (Thủ đô Hà Nội)

+ Tuyến xây mới Cao tốc Cổ Loa – Gia Bình Vành đai 5 (đề xuất mới), Vành đai 4.5 (trên cơ sở VĐ5 đã có trong quy hoạch đổi tên thành VĐ4.5), Tuyến trục Đông Tây kết nối Bắc Ninh - Quảng Ninh.

+ Quốc lộ: QL1, QL17, QL18, QL31, QL37, QL38, QL279.

### - KẾT NỐI KHU VỰC TRONG ĐÔ THỊ

+ Vành đai đô thị: 2 vành đai: vành đai 1 và vành đai 2 kết nối các đô thị trung tâm. Quy mô đường rộng 40-60m

+ Trục Bắc – Nam: kết nối các khu vực theo hướng Bắc Nam: Trục Bắc Nam 1, 2, 3. Quy mô đường rộng 30-50m.

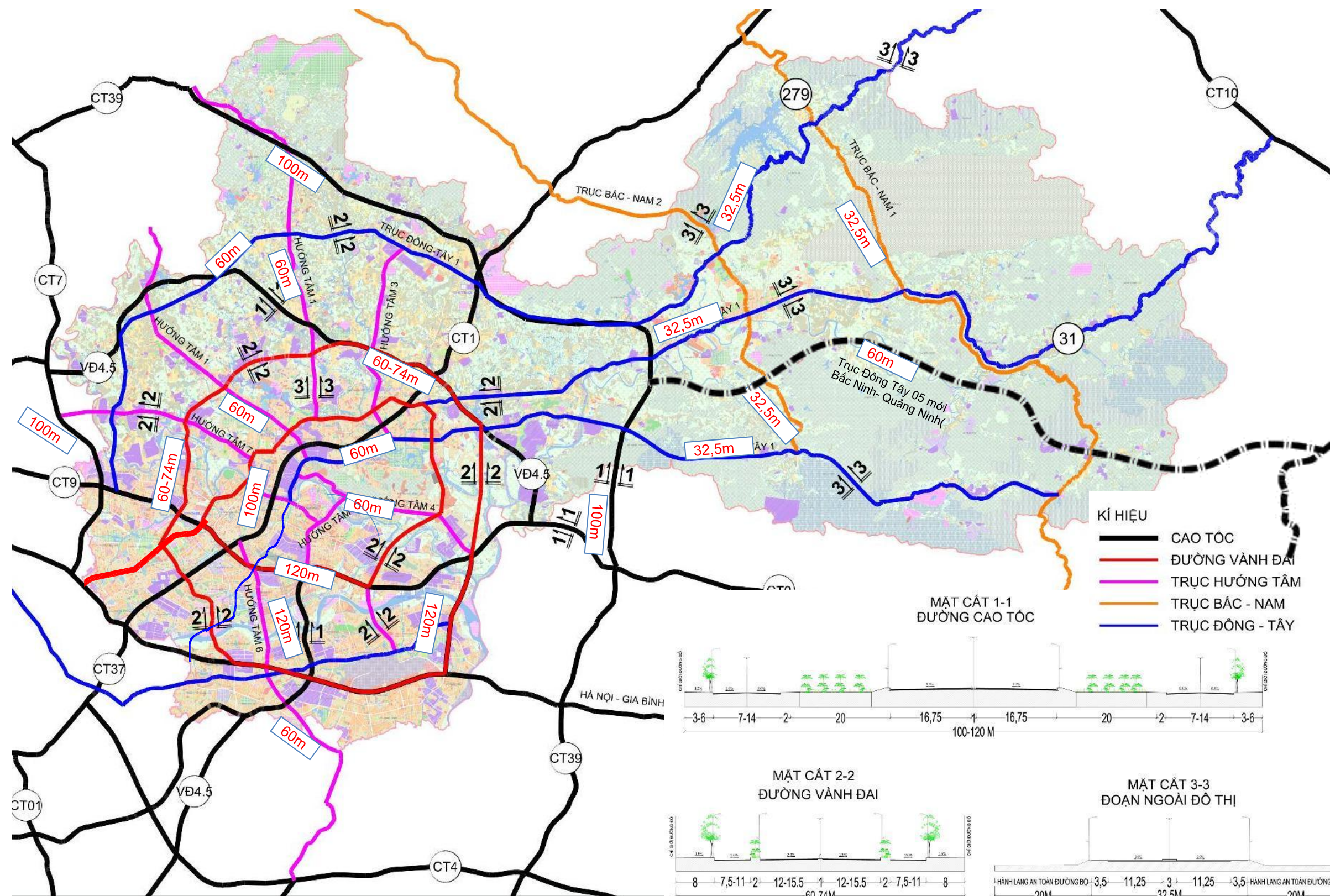
+ Trục Đông Tây: kết nối các khu vực theo hướng Đông – Tây: Trục Đông – Tây 1, 2, 3, 4, 5. Quy mô đường rộng 30-60m.

+ Bổ sung các kết nối với các tỉnh xung quanh như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Ninh.

+ Quốc lộ: Nâng cấp mở rộng đạt chức năng trục chính đô thị.

+ Tỉnh lộ: Nâng cấp đạt chức năng chính đô thị, đường liên khu vực.

+ Mở mới các tuyến đường liên khu vực kết nối các khu vực phát triển đô thị, quy mô tối thiểu 30m.









# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng cao độ nền

### ➤ Cao độ nền:

- Bảo đảm nền XD an toàn trước ngập lụt, hạn chế khối lượng san lấp, giữ gìn địa hình.

- *Khu vực hiện trạng*: Giữ nguyên cao độ các khu vực đã XD ổn định, chỉ san ủi cục bộ các điểm thấp trũng.

- *Khu vực xây mới*: kết nối hài hòa với hiện trạng, các dự án đã và đang triển khai.

+ *Khu vực p Bắc Giang, Quế Võ, Vũ Ninh, Kinh Bắc, Võ Cường, Thuận Thành*: **Hxd  $\geq 4,50m$ .**

+ *Khu vực Yên Dũng, Gia Bình, Lương Tài*: **Hxd  $\geq 4,00m$ .**

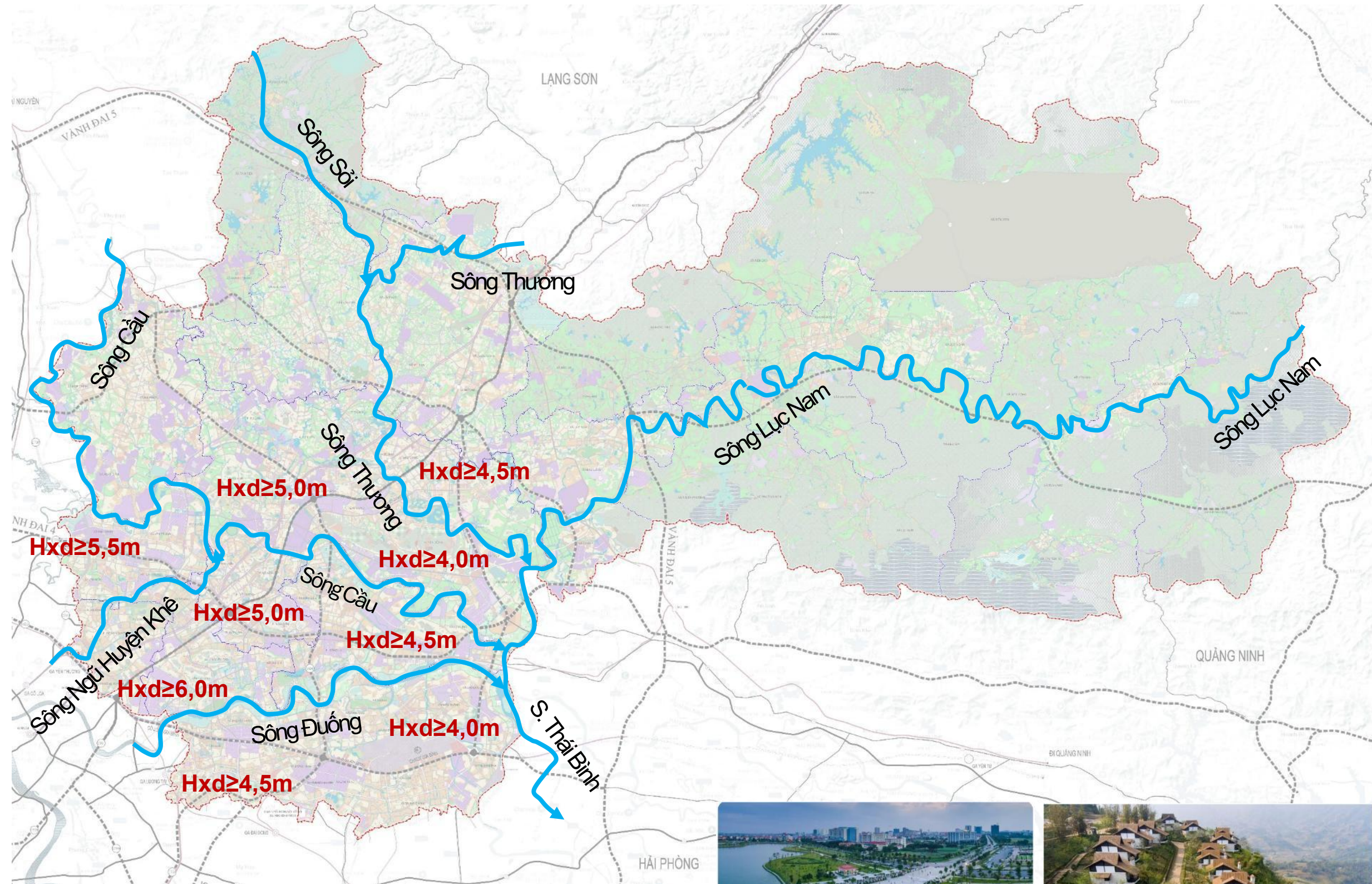
+ *Khu vực Tiên Du, Việt Yên*: **Hxd  $\geq 5,00m$ .**

+ *Khu vực Từ Sơn*: **Hxd  $\geq 6,00m$ .**

+ *Khu vực Yên Phong*: **Hxd  $\geq 5,50m$ .**

+ *Khu vực Vôi, Kép*: **Hxd  $\geq 7,00m$ .**

+ Các khu vực đồi núi: chỉ san gạt cục bộ tạo bằng XD.

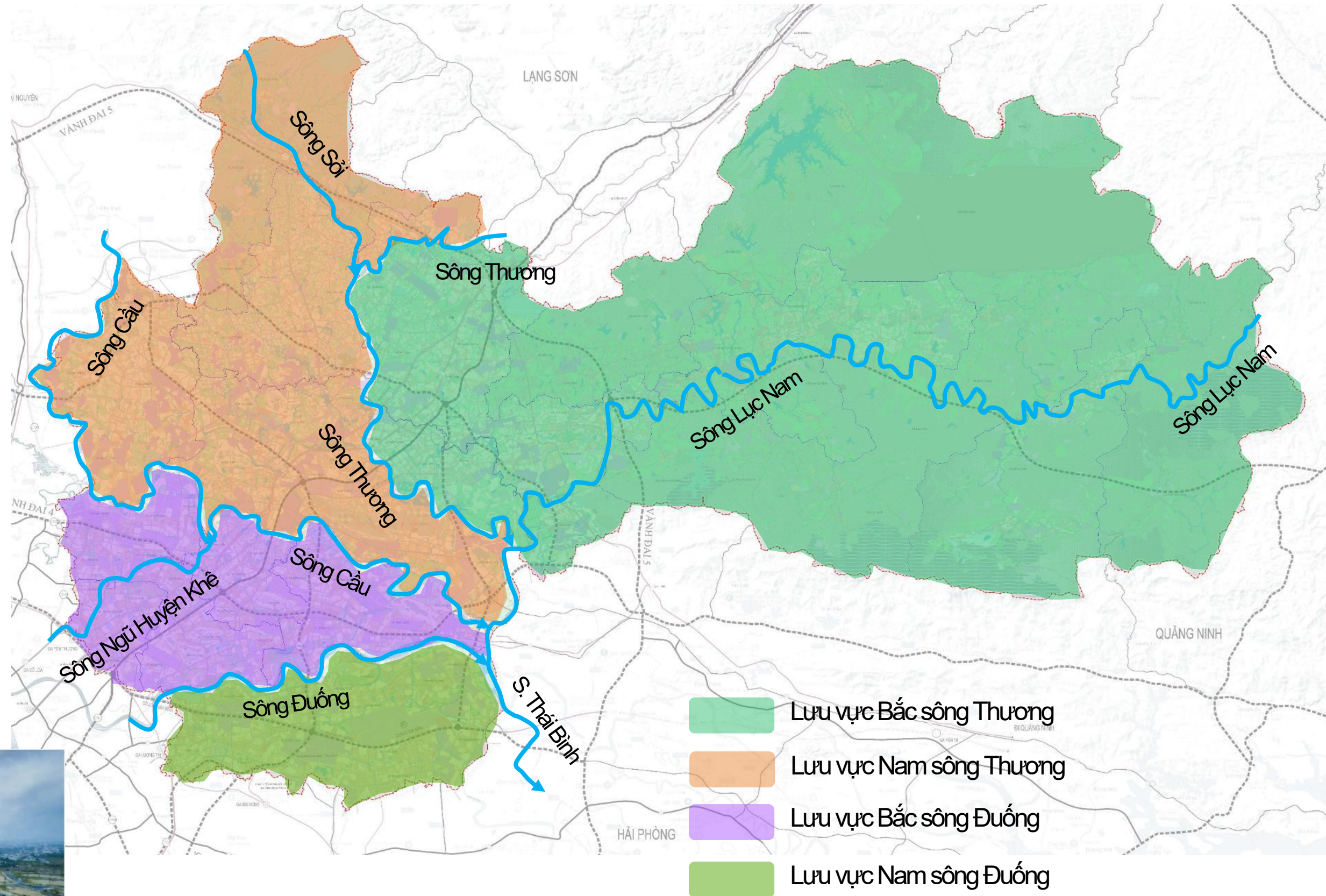




# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng thoát nước mặt

- **Thoát nước mặt:** 4 lưu vực thoát nước chính
  - + LV Bắc sông Thương
  - + LV Nam sông Thương
  - + LV Bắc sông Đuống
  - + LV Nam sông Đuống
- **Hệ thống thoát nước:**
  - + Khu vực hiện trạng: Cải tạo thành hệ thống nửa riêng.
  - + Khu vực xây mới: Thoát riêng hoàn toàn.
  - + Cải tạo, nạo vét, thay thế các tuyến cống xuống cấp, tiết diện bé. Tăng cường thoát nước, giải quyết triệt ngập úng tại các khu vực p. Bắc Giang, p. Kinh Bắc, p. Võ Cường, p. Vũ Ninh...
  - + Xây mới hệ thống kênh tiêu, hồ điều hòa, vùng trữ nước tại các khu vực đô thị, phát triển tập trung...
  - + Tăng cường tích trữ, tái sử dụng nước mưa, áp dụng các giải pháp thoát nước xanh.





# ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC

## Sơ đồ phân vùng và nhu cầu cấp nước

**Nhu cầu cấp nước: 2030: 1.400.000 m<sup>3</sup>/ngđ, 2050: 2.500.000 m<sup>3</sup>/ngđ**

**Trong đó:**

Nước sinh hoạt: 2030: 760.000 m<sup>3</sup>/ngđ, 2050: 1.600.000 m<sup>3</sup>/ngđ

Nước KCN: 2030: 500.000 m<sup>3</sup>/ngđ, 2050: 720.000 m<sup>3</sup>/ngđ

Nước cụm CN: 2030: 120.000 m<sup>3</sup>/ngđ, 2050: 180.000 m<sup>3</sup>/ngđ

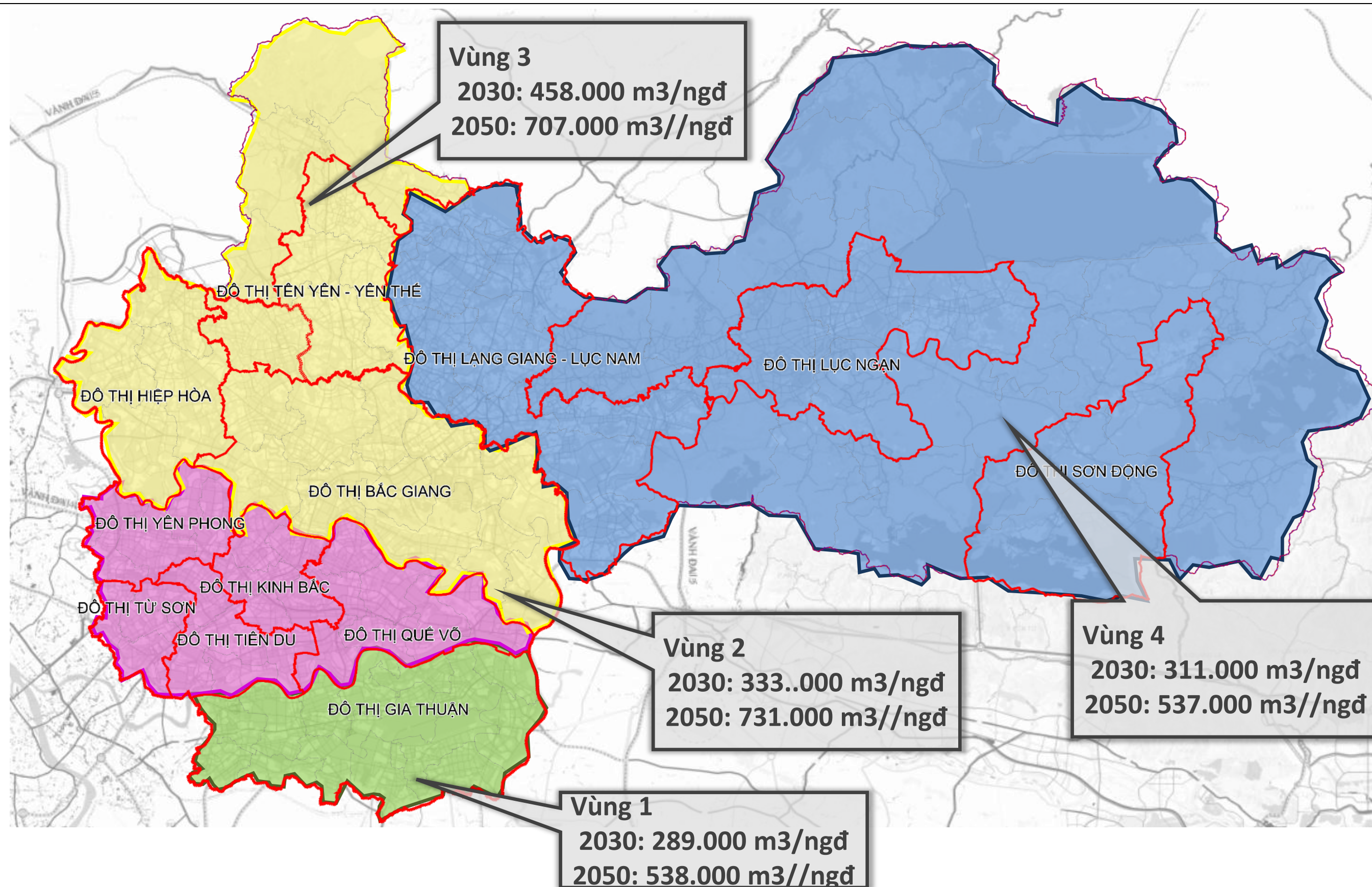
### Phân vùng cấp nước:

Vùng 1 (Nam sông Đuống): Đô thị Gia Thuận bao gồm 15 phường xã

Vùng 2 (Bắc sông Đuống): Đô thị Quế Võ, đô thị Yên Phong, đô thị Tiên Du, Đô thị Từ Sơn, đô thị Kinh Bắc

Vùng 3 (Vùng phía tây khu vực bắc sông Cầu): Đô thị Bắc Giang, Đô thị Hiệp Hòa, Đô thị Tân Yên - Yên Thế, và các xã Kiên Lao, Xuân Lương, Tam Tiến, Đồng Kỳ, Quang Trung

Vùng 4 (Vùng phía đông khu vực bắc sông Cầu): Đô thị Lạng Giang - Lục Nam, Đô thị Lục Ngạn, Đô thị Sơn Động và 16 xã



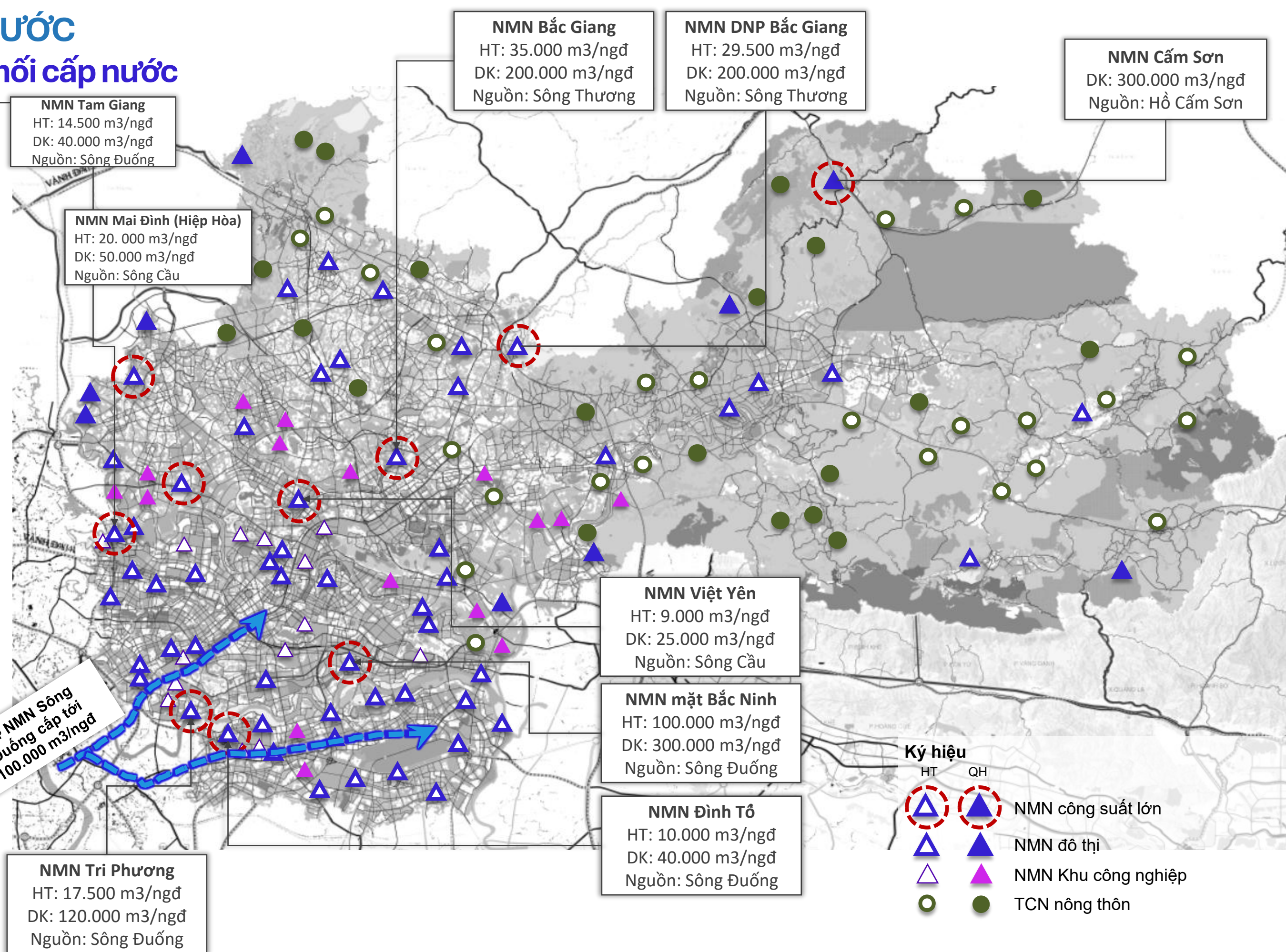


# ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC

## • Công trình đầu mối cấp nước

### Công trình đầu mối cấp nước

- Mở rộng và nâng công suất các nhà máy nước mặt quy mô lớn:
- **Vùng 1:** NMN Đình Tổ, NMN Quảng Phú, NMN An Thịnh, NMN Đại Lai, NMN Thuận Thành, NMN TT Hồ, NMN Gia Bình, NMN Đại Bái, NMN Lương Tài,
- **Vùng 2:** NMN mặt Bắc Ninh, NMN Tri Phương, NMN Long Châu, NMN Tam Giang, NMN Sông Cầu, NMN Đức Long, NMN Tân Chi, NMN ngầm Bắc Ninh
- **Vùng 3:** NMN Bắc Giang, NMN DNP Bắc Giang, NMN Mai Đình, NMN Thái Sơn
- **Vùng 4:** NMN Đồi Ngô, NMN CHũ
- Xây dựng mới các nhà máy nước mặt quy mô lớn: NMN Cẩm Sơn, NMN Hồ Khuôn Thần
- Cấp nước bổ sung từ NMN Sông Đuống 100.000 m<sup>3</sup>/ngđ
- Các nhà máy nước quy mô nhỏ được xây dựng mới, cải tạo nâng công suất đáp ứng nhu cầu cấp nước của các đô thị.





# ĐỊNH HƯỚNG CẤP ĐIỆN, NĂNG LƯỢNG VÀ CHIẾU SÁNG TOÀN ĐÔ THỊ

## • Định hướng cấp điện và cấp năng lượng

Tuân thủ quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia và định hướng quy hoạch điện trong tỉnh Bắc Ninh

Dự báo nhu cầu phụ tải cấp điện đến năm 2050 khoảng **4.000 MW**

### ✓ Nguồn điện;

Xây dựng mới 02 nhà máy Nhiệt điện, tổng công suất dự kiến 3050MW bao

+ Xây dựng 03 nhà máy thủy điện, tổng công suất dự kiến 603MW:

+ Xây dựng 11 nhà máy điện gió, tổng công suất dự kiến 698MW,

+ Xây dựng mới các nhà máy điện mặt trời, tổng công suất dự kiến 3.492MWp ngoài ra còn các dự án điện mái nhà – 3.392MWp.

+ Xây dựng mới 02 nhà máy điện rác, tổng công suất dự kiến 29MW,

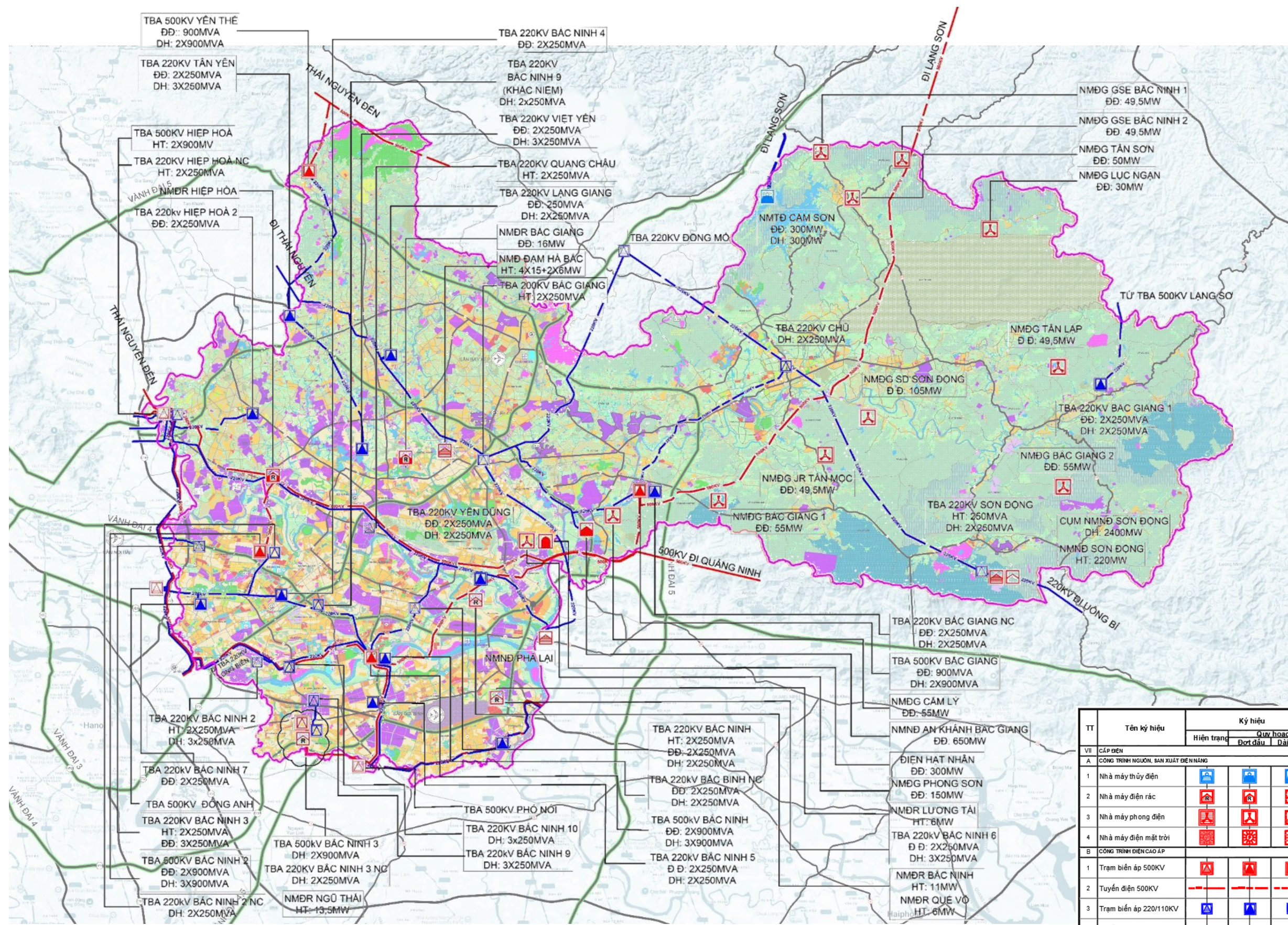
+ Xây dựng mới nhà máy điện hạt nhân mô đun nhỏ (SMR) công suất 300MW đấu nối lên tuyến đường dây 220KV

**Trạm 500KV:** Xây dựng mới 5 trạm biến áp 500KV với tổng công suất **19.800MVA**

**Trạm 220KV:** Cải tạo 07 trạm và xây dựng mới 17 trạm với tổng công suất định hình là 13250MVA

**Trạm 110KV:** Cải tạo 55 trạm và xây dựng mới 73 trạm với tổng công suất định hình là **15.473MVA**

**Lưới điện:** Xây dựng các tuyến điện kết nối các nhà máy điện, trạm 500KV, 220KV, 110KV xây dựng mới đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo đúng quy định của pháp luật



| TT   | Tên ký hiệu                          | Ký hiệu    |           |                   |
|------|--------------------------------------|------------|-----------|-------------------|
|      |                                      | Hiện trạng | Quy hoạch | Đợt đầu   Dài Hạn |
| VIII | CẤP ĐIỆN                             |            |           |                   |
| A    | CÔNG TRÌNH NGUỒN, SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG |            |           |                   |
| 1    | Nhà máy thủy điện                    |            |           |                   |
| 2    | Nhà máy điện rác                     |            |           |                   |
| 3    | Nhà máy phong điện                   |            |           |                   |
| 4    | Nhà máy điện mặt trời                |            |           |                   |
| B    | CÔNG TRÌNH ĐIỆN CAO AP               |            |           |                   |
| 1    | Trạm biến áp 500KV                   |            |           |                   |
| 2    | Tuyến điện 500KV                     |            |           |                   |
| 3    | Trạm biến áp 220/110KV               |            |           |                   |
| 4    | Tuyến điện 220KV                     |            |           |                   |



## • Định hướng thoát nước thải

✓ Dự báo lưu lượng nước thải đến năm 2050 khoảng **2.000.000 m<sup>3</sup>/ngđ** trong đó

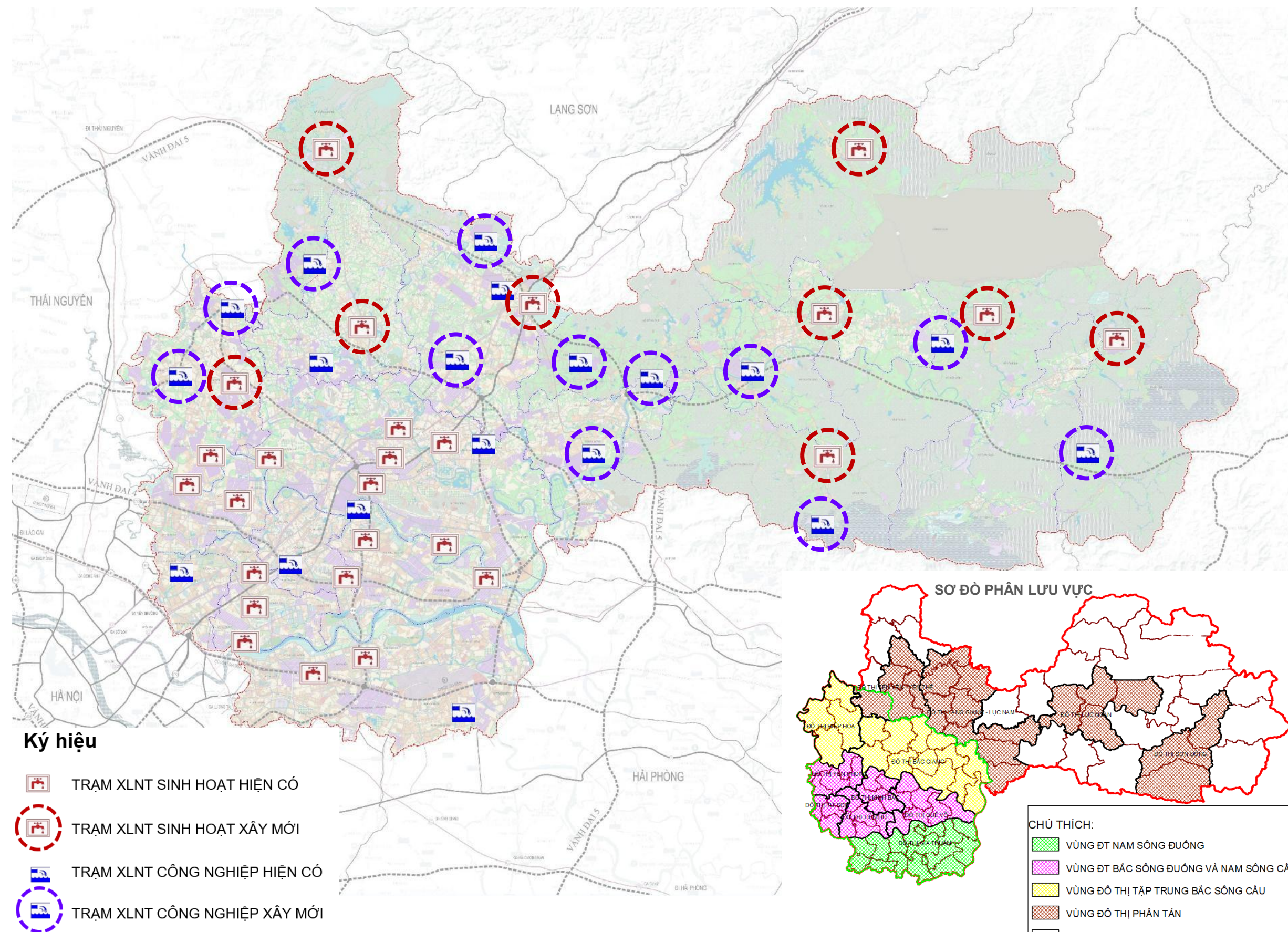
- + Lượng thải sinh hoạt 1.250.000 m<sup>3</sup>/ngđ;
- + Lượng thải công nghiệp khoảng 750.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

### ✓ Phân vùng thoát nước

- + Vùng 1: Vùng XLNT tập trung các đô thị phía Nam sông Đuống
- + Vùng 2: Vùng XLNT tập trung các đô thị phía Bắc sông Đuống, phía Nam sông Cầu
- + Vùng 3: Vùng XLNT tập trung các đô thị phía Bắc sông Cầu
- + Vùng 4: Vùng XLNT các đô thị phân tán

✓ Hoàn thiện hệ thống công trình đầu mối và mạng lưới chính, gồm trạm xử lý nước thải, trạm bơm chuyển tiếp và tuyến thu gom chính. Ngoài khu vực đã có trạm XLNT, **bổ sung thêm trạm XLNT** với các khu vực phát triển mới bảo đảm kết nối đồng bộ với quy hoạch tỉnh và quy hoạch chuyên ngành.

✓ Lựa chọn mô hình xử lý phù hợp với từng khu vực: đô thị lớn thu gom về trạm xử lý tập trung theo lưu vực; khu du lịch xa trung tâm áp dụng xử lý phân tán; KCN/CCN xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## • Định hướng xử lý chất thải rắn

✓ Dự báo lượng CTR đến năm 2050

khoảng **18.500 tấn/ngđ** trong đó

+ Lượng thải sinh hoạt 8.500 tấn/ngđ;

+ Lượng thải công nghiệp 10.000 tấn/ngđ.

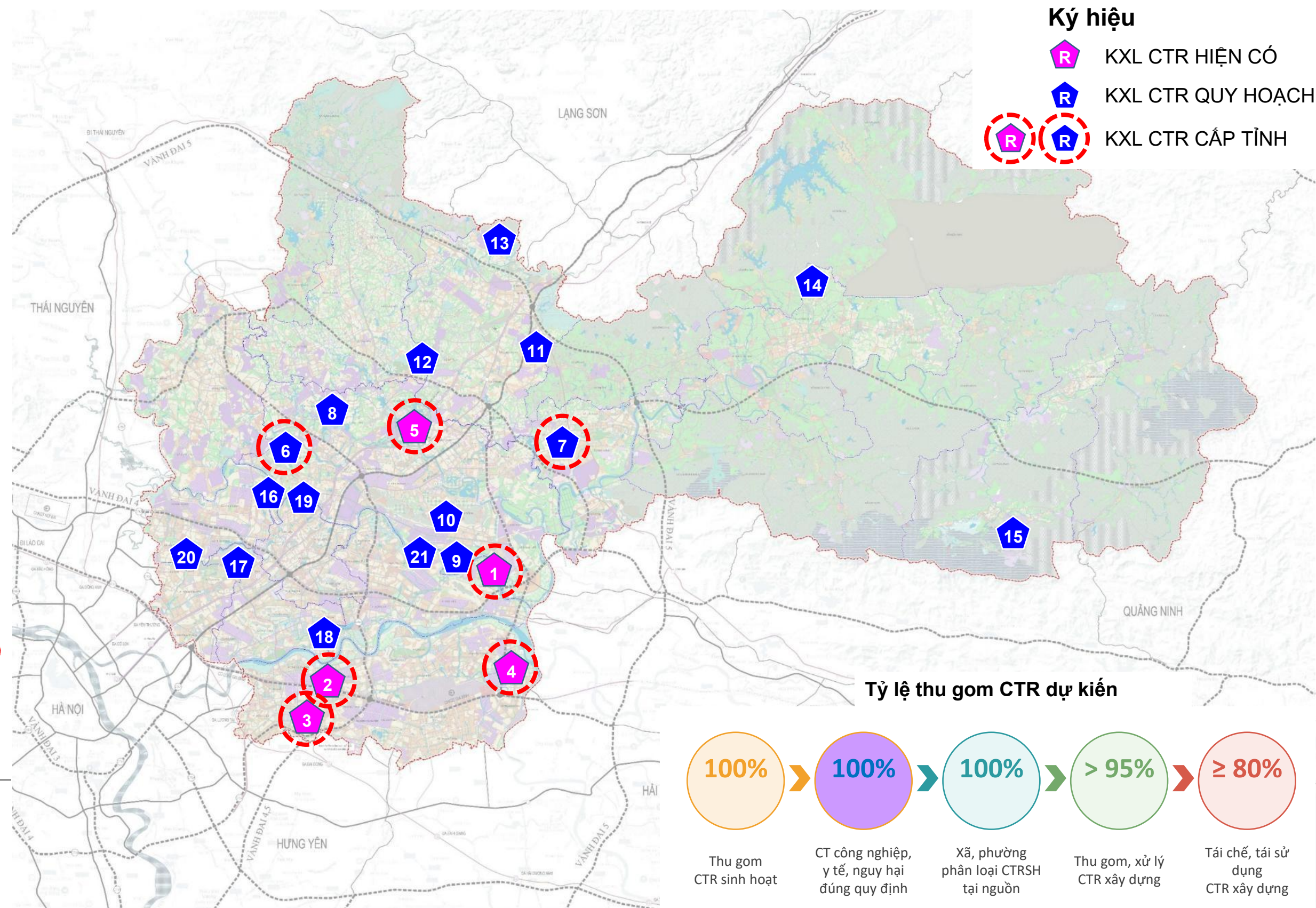
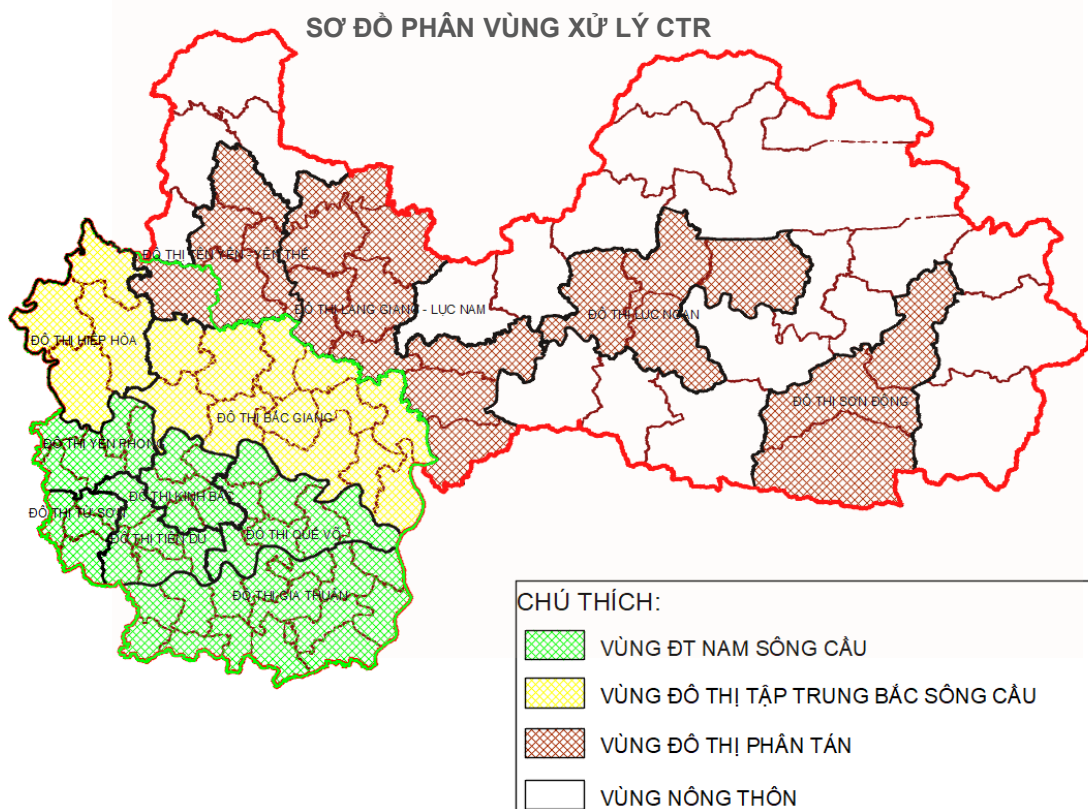
✓ Phân vùng xử lý chất thải rắn

+ Vùng 1: Vùng đô thị tập trung phía Nam sông Cầu và phụ cận

+ Vùng 2: Vùng đô thị tập trung phía Bắc sông Cầu và phụ cận

+ Vùng 3: Khu vực đô thị phân tán, nông thôn miền núi

✓ Xây dựng **21 khu xử lý CTR** đảm bảo nhu cầu xử lý các loại hình CTR. (gồm mở rộng các khu hiện trạng và đề xuất mới)





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

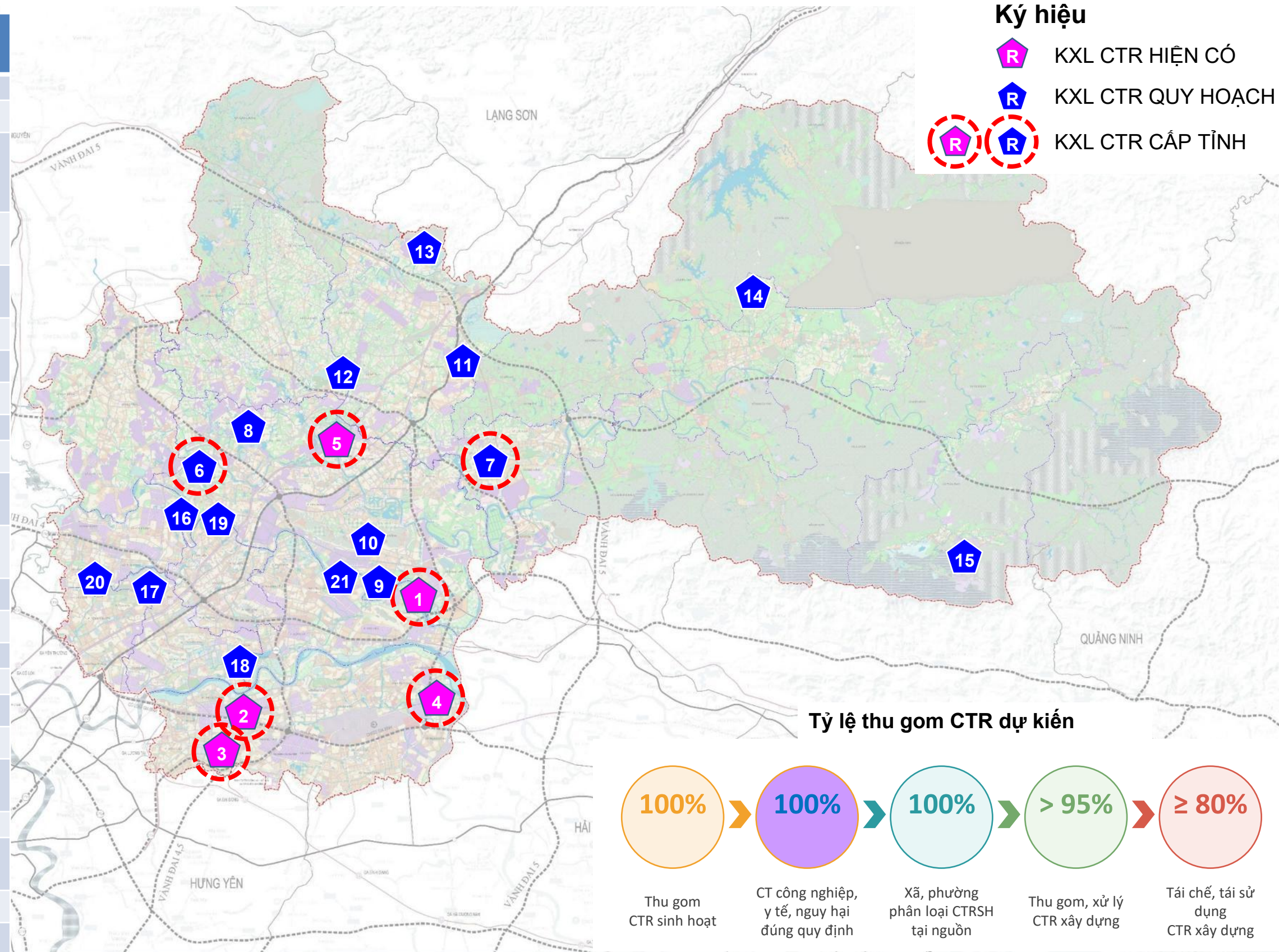
## • Định hướng xử lý chất thải rắn

### Ký hiệu

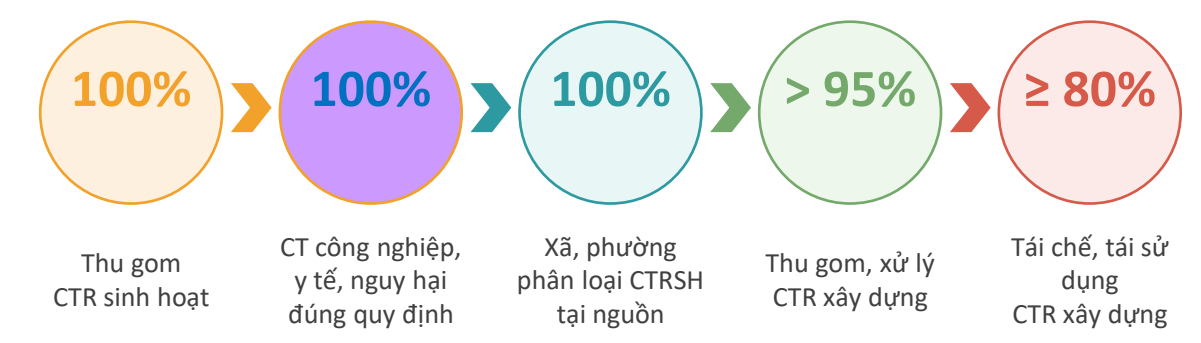
 KXL CTR HIỆN CÓ

 KXL CTR QUY HOẠCH

  KXL CTR CẤP TỈNH



### Tỷ lệ thu gom CTR dự kiến



| STT | Tên công trình  | Địa điểm dự kiến   | Diện tích hiện trạng | Diện tích (dài hạn) |
|-----|---|--------------------|----------------------|---------------------|
|     | Cấp tỉnh  |                    |                      |                     |
| 1   | Khu xử lý chất thải Phù Lãng  | Xã Phù Lãng        | 67                   | 130                 |
| 2   | Nhà máy phân loại, tái chế và xử lý chất thải dân dụng và công nghiệp Thuận Thành | Phường Thuận Thành | 4,5                  | 4,5                 |
| 3   | Khu xử lý chất thải Ngũ Thái  | Phường Song Liễu   | 14,3                 | 30                  |
| 4   | Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phát điện Lương Tài                   | Xã Trung Kênh      | 8,4                  | 25                  |
| 5   | Khu xử lý chất thải Đa Mai  | Phường Đa Mai      | 24,7                 | 24,7                |
| 6   | Khu xử lý chất thải Hiệp Hòa  | Xã Hiệp Hòa        | 9,8                  | 19,8                |
| 7   | Khu xử lý chất thải Bắc Lũng  | Xã Bắc Lũng        | 10                   | 10                  |
|     | Cấp liên xã   |                    |                      |                     |
| 8   | Khu xử lý chất thải Tự Lạn  | Phường Tự Lạn      | 5                    | 5                   |
| 9   | Khu xử lý chất thải Yên Dũng  | Phường Yên Dũng    | 6,04                 | 16                  |
| 10  | Khu xử lý chất thải Yên Dũng (Công ty Hòa Bình)                                   | Phường Yên Dũng    | 14                   | 14                  |
| 11  | Khu xử lý chất thải Lạng Giang  | Xã Lạng Giang      | 10                   | 10                  |
| 12  | Khu xử lý chất thải Phúc Hòa  | Xã Phúc Hòa        | 5                    | 5                   |
| 13  | Khu xử lý chất thải Đồng Kỳ   | Xã Đồng Kỳ         | 20                   | 20                  |
| 14  | Khu xử lý chất thải Chũ   | Xã Kiên Lao        | 5                    | 5                   |
| 15  | Khu xử lý chất thải Tây Yên Tử  | Xã Tây Yên Tử      | 4                    | 4                   |
| 16  | Khu xử lý chất thải Yên Phong   | Xã Tam Đa          | 10-15                | 10 -15              |
| 17  | Khu xử lý chất thải Từ Sơn  | Phường Tam Sơn     | 10-15                | 10 -15              |
| 18  | Khu xử lý chất thải Tiên Du   | Xã Tiên Du         | 10-15                |                     |
| 19  | Khu xử lý chất thải Bắc Ninh  | Phường Kinh Bắc    | 10-15                | 10 -15              |
| 20  | Khu xử lý chất thải xã Văn Môn  | Xã Văn Môn         |                      | 3,8                 |
| 21  | Khu xử lý chất thải phường Đào Viên   | Phường Đào Viên    |                      | 15                  |



# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

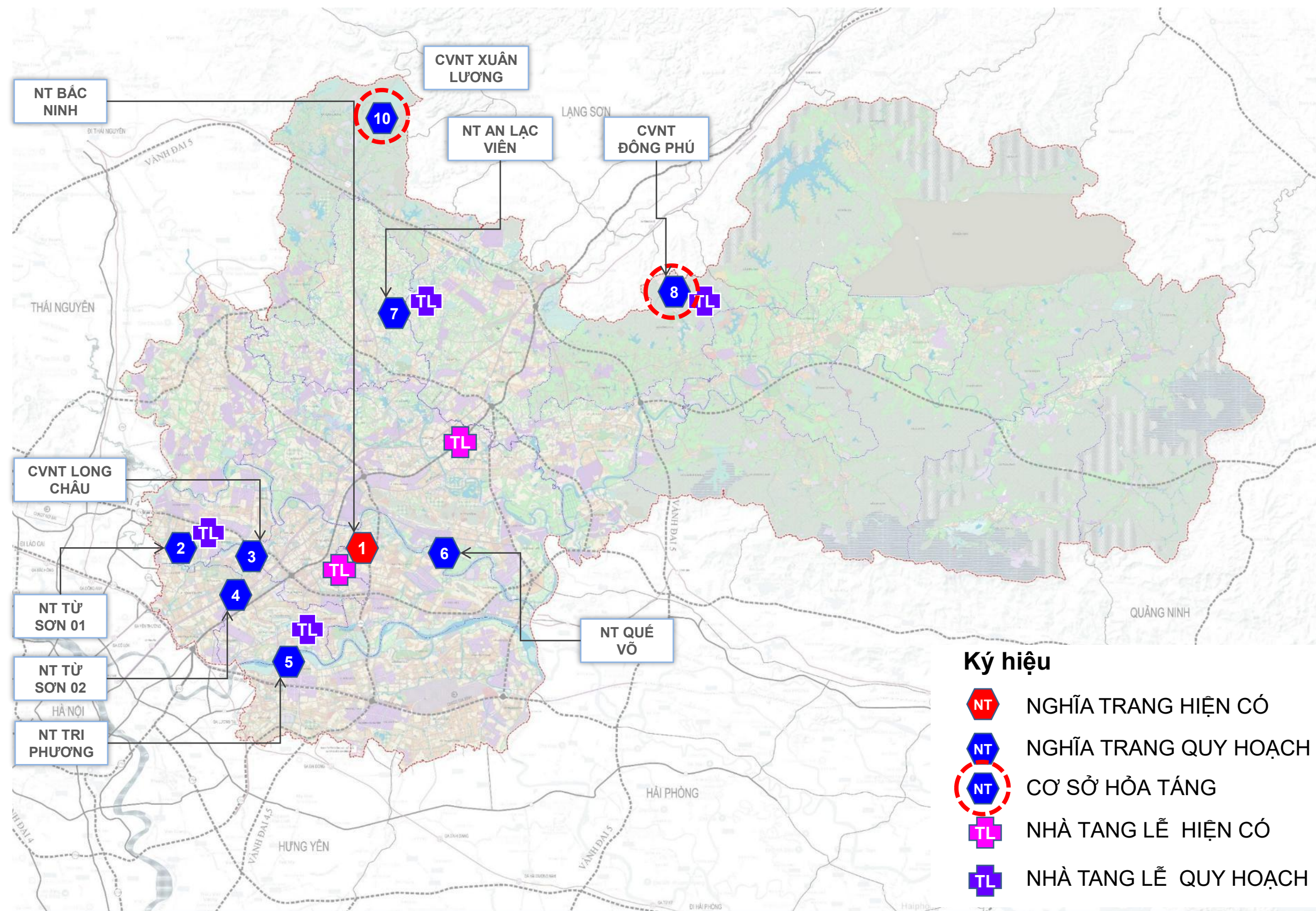
## • Định hướng quản lý nghĩa trang

✓ Dự báo nhu cầu nghĩa trang đến năm 2050 khoảng 300 ha

✓ Quy hoạch đồng bộ nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng phù hợp quy hoạch tỉnh và chuyên ngành.

✓ Định hướng di dời, tập trung hóa nghĩa trang; hạn chế phát triển mới trong nội thị, khuyến khích hỏa táng và công viên nghĩa trang/sinh thái.

✓ Rà soát định hướng bổ sung thêm nghĩa trang và nhà tang lễ phục vụ nhu cầu (04 nghĩa trang cấp tỉnh: CVNT xã An Phú, CVNT Long Châu, CVNT xã Xuân Lương, NT An Lạc Viên... và các nghĩa trang tập trung cấp xã)





# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Các giải pháp bảo vệ môi trường

Tư duy nền: Quản trị sức chịu tải sinh thái của đô thị công nghiệp – công nghệ cao – logistics – sinh thái văn hóa

## CHUYÊN TRỰC CHIẾN LƯỢC

Từ “xử lý sau phát triển” sang “môi trường đi trước một bước”

Hành lang sông Cầu – sông Đuống, hồ chứa, rừng phía Đông Bắc, vùng trũng, không gian xanh và hạ tầng môi trường được xem là hạ tầng sinh thái chiến lược.

## NGUYÊN TẮC

Phát triển đô thị, KCN, logistics, sân bay, làng nghề và du lịch phải nằm trong giới hạn chịu tải môi trường.

## 05 VÙNG KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG



**Đô thị – công nghiệp trung tâm**  
Bắc Ninh, Bắc Giang, Từ Sơn, Việt Yên, Yên Phong, Quế Võ: ưu tiên kiểm soát nước thải, bụi, tiếng ồn, CTR, đất chuyển đổi.



**Đô thị sân bay Gia Bình – logistics**  
Kiểm soát tiếng ồn, khí thải giao thông, thoát nước mưa, nước thải dịch vụ – logistics và vùng đệm sinh thái.



**Hành lang sinh thái sông – hồ**  
Sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, Ngũ Huyện Khê: bảo vệ nguồn nước, hành lang thoát lũ, cảnh quan ven sông.



**Sinh thái rừng núi, hồ chứa phía Đông Bắc**  
Tây Yên Tử, Suối Mỡ, Khe Rỗ, Cẩm Sơn, Khuôn Thần: bảo vệ rừng, sinh cảnh, hồ chứa, du lịch sinh thái có kiểm soát.



**Nông thôn, làng nghề và nông nghiệp chuyển đổi**  
Giảm ô nhiễm làng nghề, chăn nuôi, nước thải phân tán; bảo vệ đất nông nghiệp, ao hồ, kênh mương nội đồng.

**Không quản lý dàn trải: phân vùng theo độ nhạy cảm sinh thái – áp lực phát triển – năng lực hạ tầng môi trường.**



# ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

## Các giải pháp bảo vệ môi trường

### QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC

- Kiểm soát nguồn thải theo lưu vực sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam và Ngũ Huyện Khê.

- Phục hồi sông, kênh, ao hồ ô nhiễm; bảo vệ hành lang thoát nước và sinh thái ven sông.

### QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐẤT

Kiểm soát chuyển đổi đất nông nghiệp, đất trồng, đất ven sông và vùng nhạy cảm sinh thái.

Xử lý, phục hồi đất ô nhiễm tại bãi rác, làng nghề, CCN cũ và khu sản xuất phân tán.

### QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn tại KCN, CCN, làng nghề, trục giao thông, logistics và sân bay Gia Bình

Bố trí vùng đệm cây xanh, khoảng cách ly môi trường với khu dân cư.

### BẢO VỆ CẢNH QUAN

Bảo vệ cấu trúc xanh – xanh lam: sông, hồ, nê xanh, công viên ven sông, hành lang sinh thái

- Ưu tiên bảo tồn khu vực Tây Yên Tử, Suối Mỡ, Khe Rỗ, Cấm Sơn, Khuôn Thần...

### QUAN TRẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bổ sung quan trắc, kết nối dữ liệu, cảnh báo sớm và kiểm soát phát triển theo sức chịu tải môi trường

## TỪ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM ĐẾN KIẾN TẠO HỆ SINH THÁI ĐÔ THỊ BẮC NINH TỔNG HỢP CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



### 1. QUẢN TRỊ SỨC CHỊU TẢI

Phát triển trong giới hạn môi trường



### 2. PHÂN VÙNG KIỂM SOÁT

Theo đô thị hóa và áp lực phát triển



### 3. PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI

Sông, hồ, hành lang xanh, sinh cảnh



### 4. CỘNG ĐỒNG THAM GIA

Cùng quản lý, cùng hưởng lợi



### 5. CHUYỂN ĐỔI XANH – TUẦN HOÀN

Tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải

### 1. BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

Sông Cầu, sông Đuống, hồ chứa, nước dưới đất

### 2. KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI

Đô thị, KCN, CCN, làng nghề, dịch vụ

### 3. KIỂM SOÁT CHUYỂN ĐỔI ĐẤT

Bảo vệ đất nông nghiệp, vùng trũng, hành lang sông

### 4. KIỂM SOÁT KHÔNG KHÍ, TIẾNG ỒN

Công nghiệp, logistics, giao thông, sân bay

### 5. BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Tam Đảo – Yên Tử, Tây Yên Tử, hồ Cấm Sơn – Khuôn Thần

### 6. KHÔNG GIAN XANH & CẢNH QUAN

Nê xanh, công viên ven sông, vành đai sinh thái

### 7. MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI & SỨC KHỎE

Nhà ở công nhân, hạ tầng xã hội, tái định cư, cộng đồng

### 8. THÍCH ỨNG BĐKH & PCTT

Giữ – trữ – thoát an toàn, hồ điều hòa, đê điều

### 10. CTR – NGHĨA TRANG – KIỂM SOÁT RỦI RO

Thu gom xử lý đồng bộ, khoảng cách ly, sự cố môi trường

### 9. QUAN TRẮC & DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Giám sát tự động, cảnh báo sớm, quản trị số



### 1. 05 VÙNG KIỂM SOÁT

- Vùng 1: Đô thị – công nghiệp trung tâm
- Vùng 2: Đô thị sân bay Gia Bình – logistics
- Vùng 3: Hành lang sinh thái sông Cầu – sông Đuống – sông Thương – sông Lục Nam
- Vùng 4: Vùng sinh thái rừng núi, hồ chứa, du lịch phía Đông Bắc
- Vùng 5: Vùng nông thôn, làng nghề và nông nghiệp chuyển đổi



### 2. GIẢI PHÁP TÍCH HỢP

Nước – đất – không khí – đa dạng sinh học – xã hội – dữ liệu  
Kiểm soát ô nhiễm đi đôi với tổ chức không gian phát triển

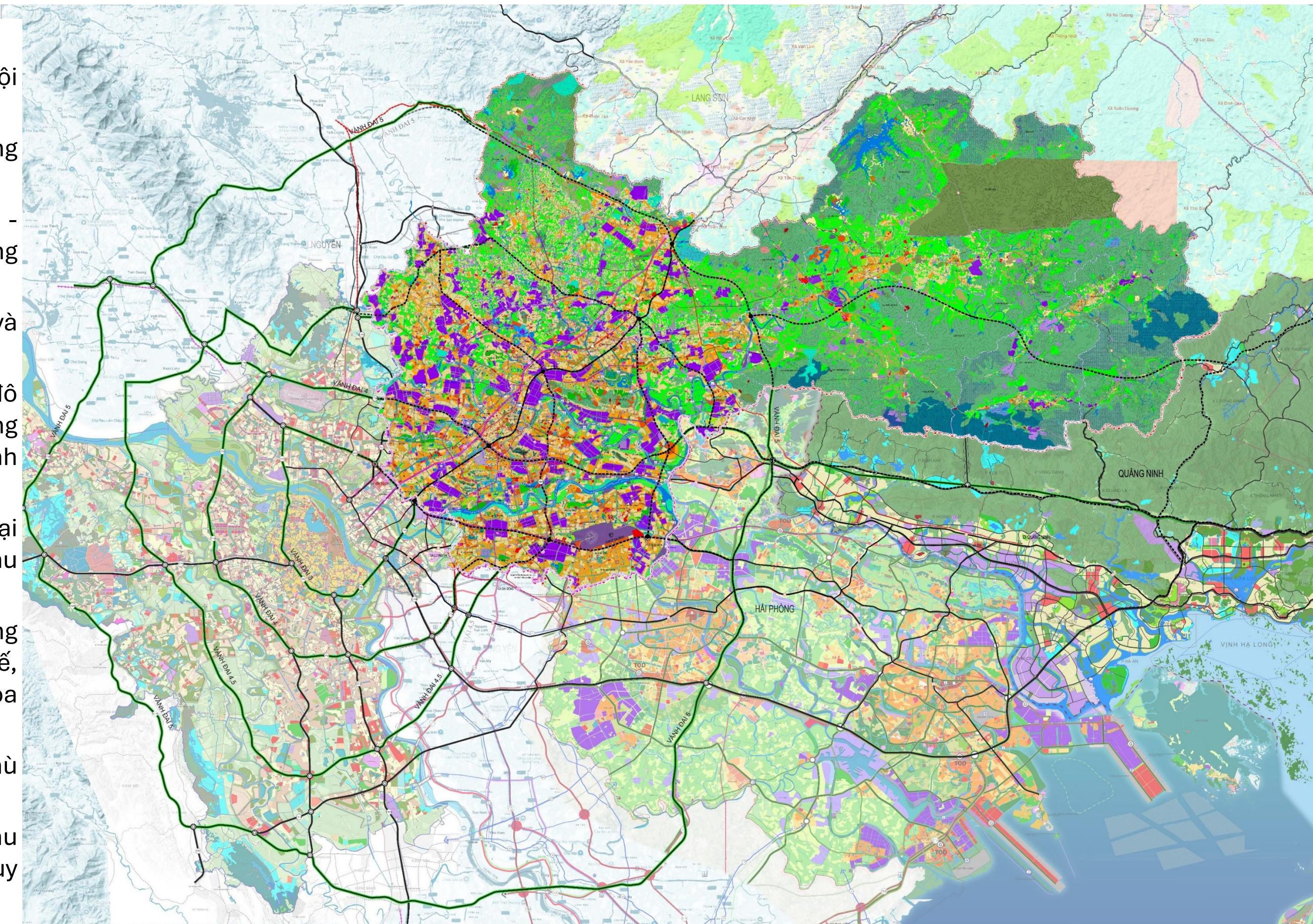


### 3. MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI

Đô thị xanh, an toàn, đáng sống  
Phát triển hài hòa giữa công nghiệp, đô thị và sinh thái  
Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

## I. Kết quả chính của Quy hoạch

1. Quy hoạch đã cơ bản đầy đủ các nội dung chuyên ngành theo quy định
2. Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 8,2-8,5 triệu người.
3. Đất xây dựng khoảng 220.000 - 235.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 75.000 - 80.000 ha).
4. Thiết lập hệ thống 12 đô thị chính và các đô thị loại III
5. Tổ chức không gian tổng thể toàn đô thị, gìn giữ hành lang xanh liên vùng nối Tam Đảo, Yên Tử, các nôm xanh đến dọc sông Cầu và sông Đuống
6. Khoanh vùng rõ các khu thương mại tự do, khu kinh tế, KCN, cụm CN, khu du lịch để tổ chức thực hiện;
7. Tổ chức hệ thống trung tâm, hạ tầng xã hội: Chính trị, Hành chính, Y tế, Văn hóa, Giáo dục, thể thao, khoa học công nghệ ...
8. Quy hoạch không gian nông thôn phù hợp với đặc trưng địa hình
9. Thiết lập các nguyên tắc ưu tiên đầu tư, kế hoạch và lộ trình thực hiện quy hoạch.





**Thành phố BẮC NINH**  
**Đô thị tiếp nối lịch sử nghìn năm**  
**CẤT CÁNH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI**  
**Trân trọng cảm ơn**